

GIỚI BỒ-TÁT CHO NGƯỜI XUẤT GIA
(*Kinh Phạm võng Bồ-tát giới*)

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHIÊN DỊCH PHẬT HỌC

6

GIỚI BỒ-TÁT
CHO NGƯỜI XUẤT GIA
(*Kinh Phạm võng Bồ-tát giới*)

Dịch và chú thích
THÍCH NHẬT TỪ

Trợ lý
NGỘ TÁNH HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Lời giới thiệu - HT. Thích Giác Toàn	vii
Lời nói đầu.....	ix
Chương 1: Nghi thức dẫn nhập	1
1.1. Bài tán lò hương	1
1.2. Bài kệ khai kinh.....	2
1.3. Kệ xin chỉ dạy	2
1.4. Đánh lễ Tam bảo	3
1.5. Lời sách tấn tu	4
1.6. Biểu quyết đọc giới	5
1.7. Lời tựa giới Bồ-tát trong <i>Kinh Phạm võng</i>	6
Chương 2: Kinh Phạm võng, phẩm Phật lô-xá-na nói về giới mảnh đất tâm của Bồ-tát thứ 10.....	9
2.1. Mười giới quan trọng.....	10
2.2. Bốn mươi tám giới nhẹ	27
Chương 3: Phần sám nguyện	71
3.1. Kinh tinh hoa trí tuệ.....	71
3.2. Niệm Phật	73
3.3. Hồi hướng công đức	74
3.4. Đánh lễ Ba ngôi báu	75
Phụ lục: <i>Kinh Phạm võng giới Bồ-tát</i> bằng chữ Hán.....	77
Vài nét về Thầy Nhật Từ.....	89

LỜI GIỚI THIỆU

“*Giới Bồ-tát cho người xuất gia*” do Thượng tọa Thích Nhật Từ dịch từ nguyên tác Hán văn “*Phạm võng Bồ-tát giới kinh*” (梵網菩薩戒經), gọi tắt là “*Phạm võng kinh*” (梵網經), mang số hiệu T.1484 trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Đây là một trong 5 quyển Luật¹ mang dấu ấn đặc biệt của Phật giáo Đại thừa.

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu vẫn chưa xác định được cá nhân Tôn giả nào hoặc tập thể tác giả của một trường phái Phật giáo Đại thừa nào đã có công soạn thuật *Giới bốn* này vào thời kỳ nào. Chỉ biết rằng *Giới bốn* này được ngài Cưu-ma-la-thập (*Kumārajīva*, 鳩摩羅什, 344-413) học thuộc lòng bằng bộ nhớ siêu việt của mình và dịch sang tiếng Hán vào giai đoạn Phật giáo đang hình thành và phát triển rực rỡ ở Trung Hoa.

Tại Việt Nam, bên cạnh thọ trì giới luật theo truyền thống Phật giáo Pháp Tạng bộ (*Dharmaguptaka*), các Tăng Ni của Phật giáo Đại thừa đã có truyền thống thọ trì *Giới bốn* này từ rất lâu, như là một sự bổ trợ giới pháp một cách chi tiết và ứng với thời duyên thực hành Bồ-tát đạo.

Đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và thọ trì giới luật bằng ngôn ngữ thuần Việt, từ lâu các nhà dịch giả như Trưởng lão Thích Trí Tịnh, Trưởng lão Thích Trí Quang đã dịch *Giới bốn* này sang tiếng Việt và phổ biến rộng rãi trong chôn thiên môn, tự viện để ứng dụng hành trì.

¹ Năm *Giới bốn* của Phật giáo Đại thừa gồm: (i) *Bồ-tát Anh Lạc bốn nghiệp kinh* (菩薩瓔珞本業經), (ii) *Phạm Võng kinh Bồ-tát giới bốn* (梵網經菩薩戒本), (iii) *Du-già Bồ-tát giới bốn* (瑜伽菩薩戒本), (iv) *Bồ-tát Địa Trì kinh* (菩薩地持經), (v) *Bồ-tát Thiện giới kinh* (菩薩善戒經), (vi) *Ưu-bà-tắc giới kinh* (優婆塞戒經).

Phật giáo Khất sĩ, một trong những tông phái Phật giáo nội sinh do đức Tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập tại miền Nam Việt Nam, giai đoạn 1945-54, đã sử dụng bộ Luật này ngay thuở mới thành lập Hệ phái (lúc bấy giờ gọi Đạo Phật Khất sĩ). Mặc dù việc thọ trì là điều tự nguyện, không có quy định bắt buộc phải thọ trì khi đăng đàn thọ giới Cụ túc, nhưng từ rất lâu, *Giới bốn* này được tụng đọc trang trọng như *Giới bốn* Thanh văn tại các tịnh xá mỗi tháng một lần. Lệ này trở thành một truyền thống tốt đẹp của Hệ phái Khất sĩ.

Cụ thể hơn, trong 69 chủ đề Phật pháp do Tổ sư Minh Đăng Quang thuyết giảng từ năm 1946-54, mà về sau đó được biên tập thành bộ *Chơn lý*, có quyển “Giới Phật tử”² thật chất là bản dịch của *Giới bốn* này. Ngày nay, quyển “Giới Phật tử” được in trong cuốn “*Luật nghi Khất sĩ*”, cuốn Luật gối đầu giường của các hành giả khi mới bước chân vào giáo pháp Khất sĩ.

Giống như các tác phẩm trước trong tùng thư về Luật học Phật giáo, ngoài văn phong tiếng Việt trong sáng, bản dịch này còn đóng góp nhiều chú thích ngay dưới mỗi trang sách, giúp người nghiên cứu và người học có thể hiểu nghĩa lý của từng điều giới trong *Giới bốn* này, cũng như những điểm tương đồng với quyển *Giới Bồ-tát cho người tại gia* (優婆塞戒經, Ưu-bà-tắc giới kinh), một dịch phẩm khác được Thượng tọa Nhật Từ trong các sách về Luật học Phật giáo.

Tôi trân trọng giới thiệu *Giới bốn* này đến với các Tăng Ni và Phật tử. Rất mong các Tăng Ni ứng dụng *Giới bốn* này vào đời sống, làm hành trang cho sự nghiệp tu tập và nhập thế độ sanh, với tinh thần của vị Bồ-tát “hộ quốc an dân, lợi đạo ích đời, hồng dương Phật pháp, lợi lạc nhân sinh.”

Mùa An cư, năm Tân Sửu, 2021.

HT. THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

² Được đánh số thứ tự là “*Chơn lý 55*”, nghĩa là chủ đề thứ 55 trong 69 chủ đề của bộ “*Chơn lý*” được đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã biên soạn và giảng giải cho các đệ tử của mình.

LỜI NÓI ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA GIỚI BỒ-TÁT XUẤT GIA

Giới Bồ-tát xuất gia được quy định trong “*Kinh Phạm võng Bồ-tát giới*” (S. *Brahmajāla Bodhisattva śīla Sūtra*, 梵網菩薩戒經), đang khi giới Bồ-tát tại gia được ghi chép trong “*Kinh Ưu-bà-tắc giới*” (優婆塞戒經). Đây là hai bản kinh quan trọng về quy phạm hành vi (行為規範) của người tu học theo Phật giáo Đại thừa nhằm hoàn thiện đạo đức trọn vẹn, một trong ba trụ cột tâm linh cốt lõi của Phật giáo. Hai trụ cột tâm linh còn lại là trí tuệ và thiền định.

Kinh Phạm võng Bồ-tát giới (梵網菩薩戒經), gọi tắt là *Kinh Phạm võng* (梵網經), còn gọi là *Kinh Bồ-tát Ba-la-đề-mộc-xoa* (菩薩波羅提木叉經), hay *Bồ-tát tâm địa giới bản* (菩薩心地戒本), hay *Phạm võng Lô-xá-na Phật thuyết Bồ-tát tâm địa giới phẩm đệ thập* (梵網經盧舍那佛說菩薩心地戒品第十), tạm dịch là “Chương đức Phật Lô-xá-na Phạm võng nói về giới đất tâm của Bồ-tát, phẩm thứ 10.” *Kinh Phạm võng* được ngài Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva, 鳩摩羅什, 344-413) dịch, thuộc *Đại Chánh tân tu Đại tạng Kinh* (大正藏), quyển 24, với mã số T.1484.¹

Kinh Phạm võng (梵網經) là kinh giới có tính quán triệt về kinh luật Đại thừa (通契諸部經律) quan trọng nhất, thể hiện tinh thần Đại thừa (大乘精神) về nhập thế độ sinh. Về đối tượng thọ trì, khác với giới bản Tỳ-kheo dành riêng cho các Tỳ-kheo và giới bản

¹ Truy cập [tháng 5/2021] tại: <https://cbetaonline.dila.edu.tw/zh/T1484>

Tỳ-kheo-ni dành riêng cho các Tỳ-kheo-ni, *Kinh Phạm võng* dành cho Tăng Ni và Phật tử đồng học và đồng tu (僧俗共學共修).

2. KHÁI QUÁT NỘI DUNG KINH PHẠM VÕNG

Về nội dung, *Kinh Phạm võng* giới thiệu khái quát các cấp bậc tu đạo (菩薩修道階位), các giới nặng và giới nhẹ (重輕戒相). Trong quyển thứ nhất, đức Phật Thích-ca hỏi, theo đó, đức Phật Lô-xá-na (S. *Locana Buddha*, 盧舍那佛) giới thiệu về bốn mươi cấp bậc tu tập của Bồ-tát bao gồm: mười phát thú (十發趣, thập phát thú), mười tâm trưởng dưỡng (十長養心), mười tâm kim cương (十金剛心) và mười địa vị Bồ-tát (菩薩十地).

Mười phát thú là cách phát khởi mười thứ tâm cao lớn, hướng về đạo mầu bao gồm: (i) Tâm buông xả (捨心), (ii) Tâm giới hạnh (戒心), (iii) Tâm kiên nhẫn (忍心), (iv) Tâm tinh tấn (進心), (v) Tâm thiền định (定心), (vi) Tâm trí tuệ (慧心), (vii) Tâm phát nguyện (願心), (viii) Tâm hộ trì (護心), (ix) Tâm hoan hỷ (喜心), (x) Tâm tuệ giác tối cao (頂心).

Mười tâm trưởng dưỡng (十長養心) bao gồm: (i) Tâm tình thương (慈心), (ii) Tâm bi cảm (悲心), (iii) Tâm hoan hỷ (喜心), (iv) Tâm buông xả (捨心), (v) Tâm bố thí (施心), (vi) Tâm lời tốt (好語心), (vii) Tâm lợi ích (益心), (viii) Tâm đồng nhất (同心), (ix) Tâm thiền định (定心), (x) Tâm trí tuệ (慧心).

Mười tâm kim cương (十金剛心) bao gồm: (i) Tâm chánh tín (信心), (ii) Tâm chánh niệm (念心), (iii) Tâm hồi hướng (迴向心), (iv) Tâm thông đạt (達心), (v) Tâm viên mãn (圓心), (vi) Tâm không lùi (不退心), (vii) Tâm Đại thừa (大乘心), (viii) Tâm vô tướng (無相心), (ix) Tâm trí tuệ (慧心), (x) Tâm bất hoại (不壞心).

Mười địa vị Bồ-tát (菩薩十地) bao gồm: (i) Thể tánh bình đẳng địa (體性平等地), (ii) Thiện huệ địa (善慧地), (iii) Quang minh địa (光明地), (iv) Nhĩ diệm địa (爾焰地), (v) Huệ chiếu địa (慧照地), (vi) Hoa quang địa (華光地), (vii) Mãn túc địa (滿足地), (viii) Phật hống địa (佛吼地), (ix) Hoa nghiêm địa (華嚴地), (x) Nhập Phật giới địa (入佛界地).

Quyển thứ hai của *Kinh Phạm võng* giới thiệu cuộc đời đức Phật Thích-ca, mười địa điểm thuyết pháp (十處說法) và giảng giải về giới Đại thừa của tất cả đức Phật (一切佛大乘戒) gồm 10 giới quan trọng (十重戒) hay còn gọi là 10 ba-la-đề-mộc-xoa (十波羅提木叉) và 48 giới nhẹ (四十八輕戒).

Một trong các giá trị cốt lõi của giới Bồ-tát là nhấn mạnh tâm từ bi và hành động từ bi trong cuộc sống thực tiễn. Giới cấm ăn thịt (禁食肉) giúp người thọ giới Bồ-tát không làm đứt mất hạt giống Phật tính và đại từ bi (斷大慈悲佛性種子). Giới cấm dùng 5 loại thực vật cay nồng (禁五辛) nhằm giúp người thọ giới Bồ-tát giảm tối đa các thức ăn tạo ra phản ứng hormone tính dục, vốn rất cần thiết cho người xuất gia tu hạnh thánh thanh tịnh. Hai giới này tóm lược tư tưởng của các *Kinh Lăng-già* (楞伽經), *Kinh Thủ-lăng-nghiêm* (首楞嚴經) và *Kinh Đại-bát niết-bàn* (大涅槃經).

Để phát triển tâm từ bi, nhằm nhập thế năng động hơn, độ sinh hiệu quả hơn, giới Bồ-tát khuyên chúng ta quán niệm: “Tất cả người nam đã từng là cha ta. Tất cả người nữ đã từng là mẹ ta” (一切男子是我父，一切女人是我母). Do vậy, giết chúng sanh được xem là giết cha mẹ trong các đời trước; ăn thịt chúng sanh là ăn thịt cha mẹ trong các kiếp trước. Đồng thời, khích lệ mọi người phóng sanh (放生), làm thiện (追善), cúng dường (供養), làm phúc (修福) song song với việc tu trí tuệ (修慧), vốn là đặc sắc của giới luật Đại thừa.

Ngoài việc đề cao tâm từ bi, giới Bồ-tát nhấn mạnh “tâm hiếu thuận” (孝順心), vì hiếu thảo được xem là đạo đức (孝名為戒) nhằm khích lệ sự hiếu thuận đối với cha mẹ, Tam bảo, Tăng đoàn (孝順父母三寶師僧), hoặc gọn hơn là hiếu thuận với cha mẹ và Tăng đoàn (孝順父母師僧).

Ngoài ra, giới Bồ-tát còn khuyến khích gieo trồng ruộng phước, cứu độ chúng sanh, kêu gọi mọi người cúng dường xây tăng phòng, vườn tược (建立僧房、山林園田) cung cấp nơi tu tập cho mọi người (供人修行), xây tháp thờ Phật (立作佛塔) giúp nhiều người quy ngưỡng, chiêm bái (供人瞻禮). Về việc chia sẻ chân lý Phật, giới Bồ-tát kêu gọi đệ tử Phật siêng học Phật pháp (習學佛

戒), năng động trong việc giáo hóa chúng sanh (化眾生戒), nhấn mạnh truyền bá kinh luật Đại thừa (為一切眾生講說大乘經律), khai mở từ bi và trí tuệ, giúp mọi người vượt qua nỗi khổ, niềm đau.

3. BA NHÓM GIỚI BỒ-TÁT

Theo Phật giáo Đại thừa, giới Bồ-tát còn gọi là “giới Phật tính” (佛性戒) vì mục đích chính của giới này là nhằm khai mở “tính giác ngộ như Phật” (佛性) vốn có trong mỗi chúng sanh, trên nền tảng phát triển tâm từ bi (慈悲心) và tâm bồ-đề (菩提心), theo đó, cứu độ tất cả chúng sanh (普度眾生).

Giới Bồ-tát có ba nhóm giới thanh tịnh (S. *tri-vidhāni śīlāni*, 三聚淨戒, tam tụ tịnh giới), còn gọi là “tam tụ viên giới” (三聚圓戒), ba nhóm giới trọn vẹn, hay đơn giản hơn “tam tụ giới” (三聚戒) tức ba nhóm giới. Ba nhóm giới Bồ-tát (菩薩三聚戒, Bồ-tát tam tụ giới) bao gồm như sau.

Nhóm giới thứ nhất là nhiếp luật nghi giới (S. *sajvara-śīla*, 攝律儀戒) còn gọi là “giới tự tánh” (自性戒, tự tánh giới) hay “tất cả giới Bồ-tát” (一切菩薩戒, Nhất thiết Bồ-tát giới) gồm 10 giới nặng và 48 giới nhẹ, có chức năng dứt trừ tất cả điều ác.

Nhóm giới thứ hai là giới bao quát các điều thiện (S. *kuśala-dharma-sajgrāhaka-śīla*, 攝善法戒, nhiếp thiện pháp giới), còn gọi là “giới tiếp nhận pháp lành” (受善法戒, thọ thiện pháp giới), nghĩa là tu tập tất cả pháp lành (修習一切善法) gồm sáu ba-la-mật (六波羅蜜).

Nhóm giới thứ ba là giới làm lợi lạc hữu tình (S. *sattvārtha-kriyā-śīla*, 饒益有情戒), còn gọi là “giới nhiếp tất cả chúng sanh” (攝眾生戒, nhiếp chúng sanh giới) hay “giới lợi ích chúng sanh” (眾生益戒) bao gồm các việc lợi ích (諸饒益事).

Ví dụ, dựa vào tinh thần của ba nhóm giới Bồ-tát thì giới không được cố giết mạng sống (故殺戒) thuộc giới nhiếp luật nghi (攝律儀戒), đang khi “nên thường xuyên khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận” (應起常住慈悲心、孝順心) thuộc nhóm giới bao quát các điều

thiện pháp (攝善法戒) và “dùng phương tiện cứu độ tất cả chúng sanh” (方便救護一切眾生) thuộc giới làm lợi ích hữu tình (饒益有情戒).

Về phân loại trong ba nhóm tịnh giới của Bồ-tát, dựa vào *Kinh Phạm võng*, có thể khẳng định rằng trong 48 giới nhẹ thì 30 giới nhẹ đầu thuộc về “giới nhiếp thiện pháp” (攝善法戒); 10 giới kế tiếp (giới nhẹ 31-40) thuộc “giới nhiếp chúng sanh” (攝眾生戒). Đang khi trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* thì 28 giới nhẹ, phần lớn thuộc về “giới nhiếp thiện pháp,” tức các giới nhấn mạnh việc lợi sinh (利生戒).

4. SỐ LƯỢNG GIỚI BỒ-TÁT

Về số lượng điều giới, giới Bồ-tát dành cho người xuất gia trong *Kinh Phạm võng* gồm có 10 giới trọng (十重) và 48 giới nhẹ (四十八輕戒), đang khi giới Bồ-tát dành cho người tại gia trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* (優婆塞戒經) chỉ có 6 giới trọng (六重) và 28 giới nhẹ (二十八輕戒).

Lý do có sự khác biệt về số lượng giới Bồ-tát giữa người xuất gia và người tại gia là do người tại gia bận rộn gia duyên, nghiệp chướng nhiều, không thể dành toàn bộ thời gian, tâm huyết, công sức và lý tưởng để trọn vẹn tiếp nhận giới pháp và nhập thể năng động như quý Tăng Ni trong chùa.

Mười giới trọng của Bồ-tát trong *Kinh Phạm võng* bao gồm: (1) Không giết hại (殺戒), (2) Không trộm cắp (盜戒), (3) Không dâm dục (淫戒), (4) Không nói láo (妄語戒), (5) Không bán rượu bia (酤酒戒), (6) Không nói lời của bốn cộng đồng tu Phật (說四眾過戒), (7) Không khen mình chê người (自贊毀他戒), (8) Không cố tình bòn xén (故慳戒), (9) Không cố tình sân hận (故瞋戒), (10) Không phi báng Tam bảo (謗三寶戒). Sáu điều giới đầu trong danh mục trên cũng chính là 6 giới trọng trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* (優婆塞戒經).

48 giới nhẹ trong *Kinh Phạm võng* bao gồm: (1) Không khinh thầy, bạn, (2) Không uống rượu bia, (3) Không ăn động vật, (4) Không ăn 5 loại thực vật cay nồng, (5) Không dạy sám hối, (6)

Không thỉnh cầu pháp, (7) Không đi nghe pháp, (8) Không phàn Đại thừa, (9) Không bỏ người bệnh, (10) Không giữ hung khí, (11) Không làm sứ giả, (12) Không được buôn bán, (13) Không được vu khống, (14) Không được phóng hỏa, (15) Không dạy pháp ngoài, (16) Không đảo kinh luật, (17) Không cậy quyền thế, (18) Không được chưa hiểu mà đi làm thầy, (19) Không lừa dối chiêu, (20) Không bỏ sự sống, (21) Không trả thù hận, (22) Không khinh người, pháp, (23) Không khinh mới học, (24) Không bỏ kim cương, (25) Không hiểu sai người, (26) Không nhận riêng mình, (27) Không nhận mời riêng, (28) Không thỉnh Tăng riêng, (29) Không sống nghề tà, (30) Không phạm giới cấm, (31) Không bán hình tượng, (32) Không tổn hại người, (33) Không nghe nhìn ác, (34) Không rời tâm giác, (35) Không lừa phát nguyện, (36) Không được không phát thệ nguyện, (37) Không vào hiểm nạn, (38) Không ngồi loạn xạ, (39) Không lừa tu tập, (40) Không thiên vị chọn, (41) Không giả làm thầy, (42) Không truyền người xấu, (43) Không hủy chánh giới, (44) Không khinh kinh luật, (45) Không bỏ giáo hóa, (46) Không bỏ nghi lễ, (47) Không diệt Tam bảo, (48) Không phá giáo pháp.

Trong các Kinh giới của Đại thừa, số lượng các giới trọng khác nhau tùy theo giới bản Bồ-tát (菩薩戒本) khác nhau. Chẳng hạn, *Bồ-tát địa trì kinh* (菩薩地持經) có bốn giới không thuộc nhóm giới trùng (不共重戒) gồm giới “hủy hại” (毀), giới “bỏn xén” (慳), giới “phẫn nộ” (忿) và giới “hủy báng” (謗). Quyển *Kinh Bồ-tát thiện giới* (菩薩善戒經) có 8 giới trọng tương đồng phần lớn với các giới Tỳ-kheo, trong đó, 4 giới phổ quát gồm giới “giết hại” (殺), giới “trộm cắp” (盜), giới “dâm dục” (淫) và giới “nói láo” (妄). Đương khi *Kinh Phạm vông* giới thiệu 10 giới trọng, được xem là giới kinh quy định nhiều giới trọng nhất trong các kinh giới của Đại thừa.

Về số lượng giới nhẹ (輕戒) trong các bản văn kinh giới Bồ-tát thì *Kinh Bồ-tát thiện giới* (菩薩善戒經) có 50 giới, đương khi *Kinh Phạm vông* chỉ có 48 giới. Về nội dung trùng lặp giữa *Kinh Phạm*

võng và các kinh khác thì các giới Bồ-tát xuất gia như giới không ăn thịt (giới nhẹ 3), giới không ăn 5 loại thực vật cay nồng (giới nhẹ 4), giới nhận thỉnh mời riêng (giới nhẹ 27), giới nuôi phi pháp (giới nhẹ 32), giới thấy nghe làm ác (giới nhẹ 33), giới giữ tâm kiên trì (giới nhẹ 34) và giới không tự phát nguyện (giới nhẹ 36) rất giống với phẩm tịnh hạnh (聖行品) trong *Kinh Đại-bát niết-bàn* (大般涅槃經). Các giới phụ khác như giới cố ý thỉnh riêng Tăng đoàn (giới nhẹ 28), giới cố tình bỏ giới cấm (giới nhẹ 43) giống với *Kinh Tỷ-kheo ứng cúng pháp hành* (比丘應供法行經). Đang khi giới nói pháp trái với oai nghi (giới nhẹ 46) và giới chế định giới một cách phi pháp (giới nhẹ 47) giống với nội dung của phẩm chúc lụy (囑累品) trong *Kinh Nhân vương hộ quốc Bát-nhã ba-la-mật* (仁王護國般若波羅蜜經).

Về nội dung của 48 giới nhẹ trong *Kinh Phạm võng* và 28 giới nhẹ trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* thì sự tương đồng nguyên văn là không nhiều. Về sự tương đồng, có các giới như giới “không uống rượu” (飲酒戒, giới nhẹ 2) trong *Kinh Phạm võng* tương đồng với giới “không chìm đắm trong uống rượu” (耽樂飲酒戒, giới nhẹ 2) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*; giới “không nghe kinh luật” (不聽經律戒, giới nhẹ 7) trong *Kinh Phạm võng* tương đồng với giới “không đến nghe pháp” (不往聽法戒, giới nhẹ 8) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Tương tự, giới “khinh thường sư trưởng” (輕慢師長戒, giới nhẹ 1) trong *Kinh Phạm võng* tương đồng với giới “không đón tiếp, lễ bái tôn trưởng” (不承迎禮拜尊長戒, giới nhẹ 5) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Giới “cố đi đến chỗ hiểm nạn” (故人難處戒, giới nhẹ 37) trong *Kinh Phạm võng* tương đương giới “đi một mình ở chỗ hiểm nạn” (險難獨行戒, giới nhẹ 11) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*.

Về các giới nhẹ trong *Kinh Phạm võng* có nội dung bao gồm các điều giới nhẹ trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* có thể dẫn chứng tiêu biểu: Giới “không quan tâm chăm sóc bệnh nhân” (不瞻病苦戒, giới nhẹ 9) trong *Kinh Phạm võng* bao quát giới “không chăm sóc bệnh nhân” (不瞻病苦戒, giới nhẹ 3) và giới “đi đường thấy người bệnh mà bỏ đi” (行路見病捨去戒, giới nhẹ 28) trong *Kinh Ưu-bà-*

tắc giới. Giới “không phạm giới cấm” (違禁行非戒, giới nhẹ 30) trong *Kinh Phạm võng* bao gồm giới “không giữ 6 ngày trai” (不持六齋戒, giới nhẹ 7) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Giới “không tổn hại người” (蓄作非法戒, giới nhẹ 32) trong *Kinh Phạm võng* bao gồm giới “không nuôi mèo, cáo” (蓄貓狸戒, giới nhẹ 15) và giới “mua bán cân đo không đúng” (販賣斗秤不平戒, giới nhẹ 19) trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*.

Các giới nhẹ không có trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*, mà chỉ có trong *Kinh Phạm võng*, bao gồm: Giới “không phát đại nguyện” (不發大願戒, giới nhẹ 35), “không ăn thịt” (食肉戒, giới nhẹ 3), giới “ăn 5 loại thực vật cay nồng” (食五辛戒, giới nhẹ 4), giới “không dạy sám hối” (不舉教懺戒, giới nhẹ 5), giới “không kính thỉnh pháp” (不敬請法戒, giới nhẹ 6), giới “phản chánh hướng về tà đạo” (背正向邪戒, giới nhẹ 8), giới “cắt giũ hung khí” (畜諸殺具戒, giới nhẹ 10), giới “vào trong quân trại” (通國入軍戒, giới nhẹ 10), giới “buôn bán, tổn giảm tâm từ” (傷慈販賣戒, giới nhẹ 12), giới “vu khống vô căn cứ” (無根謗人戒, giới nhẹ 13), giới “phóng hỏa thiêu hủy” (放火損燒戒, giới nhẹ 14), giới “giáo hóa ngược tông chỉ” (法化違宗戒, giới nhẹ 15), giới “bùn xin về chia sẻ kinh luật” (惜法規利戒, giới nhẹ 16), giới “cậy quyền quan phủ mà cố xin” (依官強乞戒, giới nhẹ 17), giới “không hiểu biết mà làm thầy” (無知為師戒, giới nhẹ 18), giới “không tranh đấu, vu khống, lừa gạt Thánh hiền” (斗謗欺賢戒, giới nhẹ 19), giới “không thể cứu sự sống” (不能救生戒, giới nhẹ 20), giới “không tâm từ, trả oán” (無慈酬怨戒, giới nhẹ 21), giới “khinh người và pháp” (慢人輕法戒, giới nhẹ 22), giới “khinh người mới cầu học” (輕新求學戒, giới nhẹ 23), giới “quay lưng pháp lớn, hướng về pháp nhỏ” (背大向小戒, giới nhẹ 24), giới “cố thỉnh Tăng riêng” (故別請僧戒, giới nhẹ 28), giới “nghề ác làm hại cuộc sống” (惡伎損生戒, giới nhẹ 29), giới “thấy nguy không cứu” (見厄不救戒, giới nhẹ 31), giới “nghe nhìn việc xấu ác” (觀聽作惡戒, giới nhẹ 33), giới “vững tâm [bồ-đề] bền chắc” (堅持守心戒, giới nhẹ 34), giới “không tự phát thệ nguyện” (不自作誓戒, giới nhẹ 36), giới “ngồi không đúng chỗ ở giữa mọi người” (眾坐乖儀戒, giới nhẹ 38), giới “đáng

giảng không giảng” (應講不講戒, giới nhẹ 39), giới “tụng giới sai chỗ” (非處說戒戒, giới nhẹ 42), giới “không kính kinh luật” (不敬經律戒, giới nhẹ 44), giới “không giáo hóa chúng sinh” (不化眾生戒, giới nhẹ 45), giới “thuyết pháp ngược với nghi thức” (說法乖儀戒, giới nhẹ 46), giới “quy định trái pháp” (非法立制戒, giới nhẹ 47), giới “tự phá giáo pháp” (自壞內法戒, giới nhẹ 48).

5. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, CÁCH THỨC THỌ GIỚI VÀ ĐỌC GIỚI BỒ-TÁT

Về đối tượng thọ giới Bồ-tát: Đối tượng có thể tiếp nhận giới Bồ-tát rất đa dạng và thoáng mở, bao gồm các Tỳ-kheo (比丘), Tỳ-kheo-ni (比丘尼), quốc vương (國王), hoàng tử (王子), thủ tướng (宰相), đại thần (大臣), trăm quan (百官), thường dân (庶民), nô tỳ (奴婢), người giới tính thứ ba (黃門), người có hai bộ phận riêng (二根), dân nam (婬男), dân nữ (婬女), thần kim cương (金剛神), long thần bát bộ (八部鬼神), súc sanh (畜生) và người biến hóa (變化人). Dĩ nhiên, trong các loại chúng sanh nêu trên, chỉ có con người là thuận lợi nhất, nghe hiểu được sự truyền giới của giới sư nên việc thọ giới Bồ-tát đối với con người là thích hợp nhất.

Về điều kiện thọ giới Bồ-tát: Người muốn tiếp nhận giới Bồ-tát không được vi phạm 1 trong 7 tội ngăn che (七遮障罪) mới được giới sư truyền giới Bồ-tát (若無七遮者，得與受戒). Bảy tội ngăn che bao gồm: Giết cha (殺父), giết mẹ (殺母), giết A-la-hán (殺阿羅漢), làm thân Phật ra máu (出佛身血), phá hoại việc chuyển xe pháp của Tăng đoàn (破僧輪), giết Hòa thượng (殺和尚), giết A-xà-lê (殺阿闍梨).

Về trình tự thọ giới Bồ-tát: Người thọ giới Bồ-tát không nhất thiết phải trải qua việc nương tựa ba ngôi tâm linh (三皈), năm điều đạo đức (五戒). Trời hay người, Tăng Ni hay Phật tử (人天僧俗), thân phận thuộc nhân đạo (人道), thiên đạo (天道), quỷ thần đạo (鬼神道) hay súc sanh đạo (畜生道) đều được thọ giới Bồ-tát. Chỉ cần nghe hiểu được lời của pháp sư truyền giới thì đều được tiếp nhận giới Bồ-tát (但解戒師語者，盡受得戒).

Về cách thọ giới Bồ-tát, *Kinh Phạm võng* đề cập hai cách tác pháp thọ giới Bồ-tát gồm tự phát nguyện thọ giới (自誓受) và thọ giới với Tăng đoàn (從師受). Về việc tự thọ giới, *Kinh Phạm võng* quy định rằng trong phạm vi 1.000 dặm (tương đương 1.600km), nếu không có giới sư (若千里內無受戒師), chỉ cần thành tâm phát nguyện trước ảnh tượng Phật và Bồ-tát, sám hối với đức Phật trong 7 ngày, thấy được các tướng tốt xuất hiện thì đắc giới. Đây là cách tự tiếp nhận giới trước tượng Phật và Bồ-tát (佛菩薩形像前受戒). Về việc thọ giới với Tăng đoàn thì người tiếp nhận giới Bồ-tát không cần phải thấy tướng hảo, chỉ cần thành tâm lắng nghe, lập theo nguyên văn của giới sư (戒師), tâm tương ứng với đạo (與道相應) là đắc giới.

Về việc đọc giới Bồ-tát: *Kinh Phạm võng* dạy rằng mỗi nửa tháng vào ngày bố-tát (P. *Uposatha*, S. *upavasatha*, 布薩日), người mới thọ giới Bồ-tát (新學菩薩) phải đọc giới pháp của Phật (自誦諸佛法戒) gồm 10 giới trọng và 48 giới nhẹ (十重四十八輕) đối với người xuất gia, hoặc 6 giới nặng và 28 giới nhẹ đối với cư sĩ tại gia theo *Kinh Ưu-bà-tắc giới*. Nếu 1 người bố-tát thì 1 người tụng. Nếu nhiều người bố-tát thì thỉnh cử 1 người đọc tụng, số người còn lại ngồi lắng tâm nghe. Ngày nay, do giới bản được ấn tống nhiều nên tất cả cùng đọc tụng giới Bồ-tát thì càng tốt. Thông thường để tôn kính giới, người đọc giới ngồi ở tòa cao hơn, người nghe giới ngồi theo thứ tự giới phẩm và tuổi hạ ở vị trí thấp hơn (誦者高座, 聽者下座).

Về việc sám hối do phạm giới Bồ-tát: Đối với người phạm giới Bồ-tát, *Kinh Phạm võng* quy định rằng người phạm 10 giới trọng (hay 6 giới trọng trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*) phải sám hối trước tượng Phật và Bồ-tát, ngày đêm sáu thời, đọc tụng tất cả 58 giới (đối với người xuất gia) hoặc 34 giới đối với cư sĩ được quy định trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*). Trong quá trình thành tâm sám hối trước hàng ngàn Phật trong ba đời, nếu người phạm giới Bồ-tát nhìn thấy các tướng hảo như đức Phật đến xoa đầu (佛來摩頂), hoa ánh sáng (光華) vv... thì biết rằng tội đã thuyên giảm và dần dần tội sẽ kết thúc.

6. ẤN TỔNG VÀ TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

Để giúp quý Tăng Ni trong tổng số khoảng 56.000 Tăng Ni trên toàn quốc có thể đọc tụng *Giới bốn Bồ-tát xuất gia* trong những ngày bố-tát tại các chùa, Quỹ Đạo Phật Ngày Nay của chùa Giác Ngộ ấn tống hàng chục ngàn quyển *Giới bốn* này. Quý tôn đức tổ chức các Đại giới đàn tại 63 tỉnh thành cũng như Trụ trì các chùa và quý Tăng sĩ muốn có sách ấn tống này, vui lòng liên lạc với Chùa Giác Ngộ theo địa chỉ bìa sách, hoặc đăng ký trực tiếp trên trang www.quydaophatngaynay.com.

Để hoàn thành ấn phẩm này, tôi tán dương và tri ân đệ tử của tôi là Ngô Tánh Hạnh đã tận tụy trợ giúp tôi trong việc đối chiếu, dò bản, biên tập bản thảo. Cảm ơn TT. Giác Hoàng đã đọc bản thảo và chỉnh sửa chính tả. Tôi tán dương các Phật tử đã phát tâm cúng dường để ấn bản này được phổ biến rộng rãi, giúp quý Tăng Ni giữ gìn giới luật, tu tập hạnh thánh, trở thành các vị chân sư có giá trị và hữu ích qua sứ mệnh: “Phụng sự nhân sinh, tốt đời đẹp đạo” và “sáng soi đạo pháp, hộ quốc an dân.

Xin hồi hướng công đức của việc ấn tống quyển giới bốn Bồ-tát xuất gia này đến sự thanh tịnh, hòa hợp và lớn mạnh của cộng đồng Phật giáo tại Việt Nam và trên toàn cầu, nhờ đó, Phật giáo được hưng thịnh, góp phần mang lại phúc lợi và an lạc cho con người.

Chùa Giác Ngộ
Tháng 7, 2021
THÍCH NHẬT TỪ

CHƯƠNG 1

NGHI THỨC DẪN NHẬP¹

1.1. BÀI TÁN LÒ HƯƠNG²

Lò hương vừa bén chiên đàn
 Tỏa xông pháp giới đạo tràng mười phương
 Hiện thành mây báu cát tường
 Xin Phật chứng giám tâm hương chí thành
 Pháp thân các Phật tịnh thanh
 Chứng minh hương nguyện pháp lành rưới ban
 Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát (3 lần).
 Nam-mô Phạm võng giáo chủ Lô-xá-na Phật
 (3 lần).

¹ Nguyên tác chữ Hán [truy cập ngày 8/6/21]: http://tripitaka.cbeta.org/X38n0696_001

² Nguyên văn: Lư hương sạ nhiệt, pháp giới mông huân, chư Phật hải hội tất diêu văn, tùy xứ kiết tường vân. Thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân. Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát ma-ha-tát (爐香乍爇, 法界蒙熏。諸佛海會悉遙聞, 隨處結祥雲。誠意方殷, 諸佛現全身。南無香雲蓋菩薩摩訶薩)。

1.2. BÀI KỆ KHAI KINH³

Ba nhóm giới sạch⁴ khó được nghe
 Trải qua vô số trăm ức⁵ kiếp
 Thọ trì, đọc tụng cũng như thế
 Theo lời tu hành còn khó hơn.

1.3. KỆ XIN CHỈ DẠY

(Người tụng dâng lên lời thưa sau, mọi người còn lại cùng
 chấp tay)

Cúi đầu, kính lạy.⁶ Kính thưa quý vị, quý vị
 bảo tôi, thay mặt mọi người đọc tụng giới luật,
 tôi e sợ có nhầm lẫn, thiếu sót. Nguyện người
 tụng chung, từ bi chỉ dạy.

³ Nguyên văn: Tam tụ tịnh giới nan đắc văn, kinh ư vô lượng câu-chi kiếp, đọc tụng
 thọ trì diệc như thị, như thuyết tu hành giả canh nan (三聚淨戒難得聞。經於無量俱
 脂劫。讀誦受持亦如是。如說修行者更難).

⁴ Tam tụ tịnh giới (S. *tri-vidhāni śīlāni*, 三聚淨戒), ba nhóm giới thanh tịnh (三
 聚清淨戒, tam tụ thanh tịnh giới), còn gọi là “tam tụ viên giới” (三聚圓戒), ba nhóm
 giới trọn vẹn, hay đơn giản hơn “tam tụ giới” (三聚戒) là ba nhóm giới. Ba nhóm giới
 Bồ-tát (菩薩三聚戒, Bồ-tát tam tụ giới): (i) Nhiếp luật nghi giới (S. *sajvara-śīla*, 攝
 律儀戒) còn gọi là “giới tự tánh” (自性戒, tự tánh giới) hay “tất cả giới Bồ-tát” (一切
 菩薩戒, nhất thiết Bồ-tát giới) gồm 10 giới nghiêm trọng và 48 giới nhẹ, có chức năng
 dứt trừ tất cả điều ác, (ii) Giới gồm các điều lành (S. *kuśala-dharma-sajgrāhaka-śīla*,
 攝善法戒, nhiếp thiện pháp giới), còn gọi là “giới tiếp nhận pháp lành” (受善法戒, thọ
 thiện pháp giới), nghĩa là tu tập tất cả pháp lành (修習一切善法) gồm sáu ba-la-mật
 (六波羅蜜), (iii) Giới làm lợi lạc hữu tình (S. *sattvārtha-kriyā-śīla*, 饒益有情戒), còn
 gọi là “giới nhiếp tất cả chúng sanh” (攝眾生戒, nhiếp chúng sanh giới) hay “giới lợi
 ích chúng sanh” (眾生益戒) bao gồm các việc lợi ích (諸饒益事).

⁵ Câu-chi (S. *koṭi*, 俱脂), trăm ức. Ví dụ, như Thất câu-chi Phật mẫu đại thánh
 Chuẩn Đề Vương Bồ-tát (七俱脂佛母大聖准提王菩薩).

⁶ Hòa nam (P=S. *vandana*, 和南), kính lạy.

1.4. ĐẢNH LỄ TAM BẢO

[0767b01] Quy mạng⁷ đức Lô-xá-na⁸
 Các Phật trong định kim cương
 Các cõi khắp trong mười phương⁹
 Đảnh lễ vua các bộ luận
 Sau thành Thế Tôn Di-lặc¹⁰
 Nay con tụng ba nhóm giới
 Bò-tát hãy cùng lắng nghe.¹¹

[0767c01] Giới như ngọn đèn sáng tỏ¹²
 Xua tan bóng tối đêm trường.
 Giới như gương báu chân thật¹³

⁷ Quy mạng (歸命) đồng nghĩa với “quy y” (歸依) được dịch từ chữ “nam-mô” (S. *Namo*, 南無) có nghĩa là quay về nương tựa.

⁸ Lô-xá-na (S. *Locana*, 盧舍那) có nghĩa là Tịnh Mãn (淨滿). Phật Lô-xá-na (S. *Locana Buddha*, 盧舍那佛) là đức Phật báo thân, với thân tướng trang nghiêm, khi thành tựu quả vị Phật do trải qua nhiều kiếp tu trọn vẹn sáu hoàn hảo (六度, lục độ).

⁹ Thập phương Kim Cương Phật (十方金剛佛), Phật Kim Cương ở mười phương. Tất cả đức Phật đều nhập vào định Kim Cương trong mười phương thế giới nhằm chặt đứt phần vô minh vi tế sau cùng, thành bậc Chánh đẳng giác.

¹⁰ Từ Thị (慈氏) được dịch từ chữ “Di-lặc” (S. *Maitreya*, 彌勒). Ngài xuất thân trong gia đình Bà-la-môn ở phía nam Ấn-độ, là Bò-tát bồ xứ, sẽ thành Phật trong đời vị lai. Tương truyền ngài là tổ sáng tác các luận Đại thừa, như *Du-già sư địa luận* (瑜伽師地論) v.v... Sau đó, các vị như Bò-tát Mã Minh (馬鳴菩薩), Bò-tát Long Thọ (龍樹菩薩)... thay thế ngài thuật lại. Vì thế, ngài Di-lặc được tôn xưng là chủ tiền luận (前論主).

¹¹ Nguyên văn: Quy mạng Lô-xá-na, thập phương Kim Cương Phật, diệc lễ tiền luận chủ, đương giác Từ Thị tôn, kim thuyết tam tụ giới, Bò-tát hàm cộng thính (歸命盧舍那。十方金剛佛。亦禮前論主。當覺慈氏尊。今說三聚戒。菩薩咸共聽).

¹² Giới như ngọn đèn sáng tỏ (戒如大明燈, giới như đại minh đăng) chỉ cho giới Bò-tát cao cả, to lớn này được tuôn ra từ mảnh đất tâm, có thể phá được bóng tối vô minh từ sinh tử vô thủy, như ngọn đèn sáng của thế gian (世之明燈, thế chi minh đăng) thấu nhiếp tất cả các giới luật và oai nghi.

¹³ Giới như gương báu chân thật (戒如真寶鏡, giới như chân bảo cảnh) chỉ cho giới Bò-tát này như chiếc gương quý báu, có thể giúp người tu nhận thức, phân biệt được cái gì ngăn cản, dừng lại (止), cái nào được gìn giữ (持), cái nào được làm (作), cái nào hễ làm là vi phạm (犯) đối với tất cả mọi việc tốt xấu, không sót điều nào. Như *Giới bốn Tỳ-kheo* ghi: “Như người tự soi gương, xấu hay đẹp liền khởi tâm vui buồn” (如人自照

Soi rõ mọi vật, không dư.
 Giới như hạt châu như ý¹⁴
 Tặng cho, cứu người bần cùng.¹⁵
 Không nhiễm đời, mau thành Phật
 Chỉ có pháp này số một.¹⁶
 Vì thế người tu Bồ-tát
 Cần phải hộ trì siêng năng.¹⁷

1.5. LỜI SÁCH TẤN TU

[0767c22] Thừa các Đại đức! Mùa xuân bốn tháng, hôm nay chỉ là một ngày trong mùa.

[0768a09] Những ngày trong nửa tháng qua đã hết.

[0768a14] Thiếu một đêm, dư một đêm còn đúng ba tháng rưỡi nữa.

[0768b06] Già chết gần kề. Phật pháp muốn diệt. Nay các Đại đức, thiện nam, tín nữ! Vì để đắc đạo nên hãy một lòng siêng cầu, tinh tấn, sao vậy

鏡。好醜生欣感, như nhân tự chiếu cảnh, hảo xú sinh hân thích).

¹⁴ Như ý (S. *Maṇi*, 摩尼) là vua trong các loại châu báu. Tương truyền rằng hạt châu ma-ni có nguồn gốc từ cung rồng. Nếu ai sở hữu được ngọc như ý thì muốn gì được đó.

¹⁵ Rưới ban cứu người bần cùng (兩物濟貧窮, vũ vật tế bần cùng) chỉ cho giới Bồ-tát như hạt châu như ý mưa xuống các pháp lành như tài sản Thánh để cứu giúp những chúng sinh trong cơn chết đói bởi phiền não, vô minh, tăng trưởng trí tuệ tuyệt vời (妙慧), thiên định thù thắng (勝定).

¹⁶ Chỉ có pháp này tốt bậc (唯此法為最, duy thử pháp vi tối). Sở dĩ, giới Bồ-tát có vị trí cao vời như vậy do các Bồ-tát lấy ba nhóm giới thanh tịnh (三聚淨戒, tam tụ tịnh giới) làm đầu.

¹⁷ Giới như đại minh đăng. Năng tiêu trường dạ ám. Giới như chân bảo cảnh. Chiếu pháp tận vô di. Giới như ma-ni châu. Vũ vật tế bần cùng. Ly thế tức thành Phật. Duy thử pháp vi tối. Thị cố chư Bồ-tát. Ứng đương cần hộ trì. (戒如大明燈。能消長夜闇。戒如真寶鏡。照法盡無遺。戒如摩尼珠。兩物濟貧窮。離世速成佛。唯此法為最。是故諸菩薩。應當勤護持)。

phải thế? Vì các đức Phật một lòng siêng cầu, tinh tấn [không ngừng] nên được quả vị giác ngộ tối cao, hưởng hô là những điều tốt lành khác. Mỗi vị trong đây khi còn khỏe mạnh, hãy nỗ lực lên, siêng tu điều thiện. Sao không cầu đạo; đợi đến tuổi già, tham vui gì nữa?

[0768c05] Một ngày nữa đã qua,
Mạng sống rút ngắn dần,
Nhu cá vờng nước cạn,
Có gì đâu vui mừng?¹⁸

1.6. BIỂU QUYẾT ĐỌC GIỚI

Tăng đoàn tập hợp [đầy đủ] chưa?

Bạch, Tăng đoàn đã tập hợp [đầy đủ].

Tăng đoàn hòa hợp không?

Bạch: Tăng đoàn hòa hợp.

Tăng đoàn tập hợp trong sự hòa hợp để làm việc gì?

Bạch: Biểu quyết đọc giới.

Trong đây người chưa thọ giới BỒ-tát và chưa thanh tịnh đã ra chưa?

(Nếu có thì mời ra và đáp): Bạch: Người chưa thọ giới BỒ-tát và chưa thanh tịnh đã ra.

¹⁸Thị nhật dĩ quá, mạng diệt tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc? (是日已過。命亦隨滅。如少水魚。斯有何樂。)

[0769a19] (Nếu không có thì đáp): Bạch: Trong đây không có người chưa thọ giới Bồ-tát và chưa thanh tịnh.

[0769a24] Có bao nhiêu vị Bồ-tát vắng mặt, gửi lên nguyện vọng và sự thanh tịnh?

[0769b01] (Nếu không thì đáp): Bạch: Trong đây không có Bồ-tát gửi lên nguyện vọng và sự thanh tịnh.

(Nếu có thì đáp): Thừa các Đại đức trong Tăng đoàn nghe! Tôi là Tỳ-kheo thọ giới Bồ-tát... có nhận nguyện vọng và thanh tịnh của vị Bồ-tát khác. Vị đó đã làm đúng lời Tăng đoàn, gửi lên nguyện vọng và sự thanh tịnh.

1.7. LỜI TỰA GIỚI BỒ-TÁT TRONG KINH PHẠM VĨNG (梵網經菩薩戒序)

[1003a16] Nay các Phật tử! Hãy chấp tay lại, chú tâm lắng nghe. Nay tôi muốn nói giới lớn của Phật. Mọi người tập hợp, im lặng lắng nghe. Nếu biết có tội thì phải sám hối, liền được an lạc, ai không sám hối, tội càng lún sâu. Người không có tội thì nên im lặng. Vì giữ im lặng nên biết mọi người đều thanh tịnh cả.

Các vị Đại đức, thiện nam,¹⁹ tín nữ²⁰ nên lắng

¹⁹ Ưu-bà-tắc (S. *Upāsaka*, 優婆塞) hoặc Ô-ba-sách-ca (鄔波索迦), thường dịch là cận sự nam (近事男), hay thiện nam (善男) hay cư sĩ (居士) gần gũi, phụng sự Tam bảo và giữ gìn năm giới.

²⁰ Ưu-bà-di (S. *Upāsikā*, 優婆夷), hoặc Ô-ba-tu-ca (鄔波斯迦) thường dịch là cận

lòng nghe. Khi Phật qua đời, trong thời tượng pháp, [làm đệ tử Phật] phải nên tôn kính giới luật Phật dạy.²¹ Khi giữ giới luật như trong bóng tối được gặp ánh sáng, như người nghèo khó nhận được của báu, như người bệnh nặng được thoát khỏi bệnh, cũng như phạm nhân thoát khỏi ngục tù, như người đi xa được trở về nhà. Nên biết giới luật là thầy mọi người. Nếu Phật còn sống cũng không dạy khác các giới luật này.²² Khó sinh tâm sợ, khó phát tâm thiện nên kinh dạy sau: “Đừng xem thường tội nhỏ cho là không có, giọt nước tuy nhỏ chứa lâu đầy bình. Tạo những tội nặng trong khoảng sát-na đọa ngục vô gián. Khi mất thân người, muôn kiếp khó được thân người trở lại”²³.

Hình sắc, tướng trạng không ngừng [thay đổi] như con ngựa bay. Mạng người vô thường nhanh hơn nước non. Hôm nay tuy sống, mai khó bảo toàn. Mỗi người các con hãy nên một lòng tinh

sự nữ (近事女), hay tín nữ (信女) gần gũi, phụng sự Tam bảo và giữ gìn năm giới.

²¹ Ba-la-đề-mộc-xoa (P. *Pātimokkha*, S. *Pratimokṣa*, 波羅提木叉), thường dịch là “giới bản” (戒本) hoặc “giới kinh” (戒經), tức sách quy định về các điều khoản giới luật đối với Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

²² Trì thủ giới thời như ám ngộ minh, như bản đắc bảo, như bệnh đắc sai, như tù hệ xuất ngục, như viễn hành giả đắc quy. Đương trì thủ tắc thị chúng đẳng đại sư. Nhược Phật trụ thế vô dị thủ dã. (持此戒時如暗遇明、如貧得寶、如病得差、如囚繫出獄、如遠行者得歸。當知此則是眾等大師，若佛住世無異此也)。

²³ Vật khinh tiểu tội dĩ vi vô ương. Thủy trích tuy vi tiêm doanh đại khí. Sát-na tạo tội ương đọa vô gián. Nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục (勿輕小罪以為無殃，水滴雖微漸盈大器。刹那造罪殃墮無間，一失人身萬劫不復)。

tân tu hành, chớ có giải đãi, lười biếng, ngủ nghỉ, buông lung. Khuya thì nhiếp tâm nhớ về Tam bảo, chớ để thời gian trôi qua vô ích, vô công, vát vả, đời sau hối hận.” Mỗi người các con một lòng cẩn trọng, nương vào giới này, tu hành đúng pháp, nên phải học tập”²⁴.



²⁴ Tráng sắc bất đình do như bôn mã, nhân mệnh vô thường quá ư sơn thủy, kim nhật tuy tồn minh diệc nan bảo. Chúng đấng các các nhất tâm cần tu tinh tiến, thận vật giải đãi lân nọa thuy miên tung ý, dạ tức nhiếp tâm tòn niệm tam bảo. Mạc dĩ không quá đồ thiết bì lao, hậu đại thâm hối.” Chúng đấng các các nhất tâm cần y thứ giới, như pháp tu hành, ung đương học (壯色不停猶如奔馬，人命無常過於山水，今日雖存明亦難保。眾等各各一心勤修精進，慎勿懈怠懶惰睡眠縱意，夜即攝心存念三寶。莫以空過徒設疲勞，後代深悔。』眾等各各一心謹依此戒，如法修行，應當學)。

CHƯƠNG 2

KINH PHẠM VÔNG,¹ PHẨM PHẬT LÔ-XÁ-NA NÓI VỀ GIỚI MÀNH ĐẤT TÂM CỦA BỒ-TÁT² THỨ 10³

¹ Trong *Kinh Phạm võng* (P. *Brahmajāla Sutta*, S. *brahmajāla-sūtra*, 梵網經), đức Phật mượn hình ảnh trảng lưới trong cung vua trời Đại Phạm Ma-hê-thủ-la để thuyết minh toàn thể của vô số hành tinh như các lỗ lưới từ sự nối kết của vô số hạt châu báu với nhiều màu sắc khác nhau. Nếu “Phẩm Giới uẩn” trong *Kinh Trường bộ* giới thiệu ba cấp giới luật, các kiến chấp, nguyên nhân và cách vượt qua 62 loại kiến chấp thì *Kinh Phạm võng* giới thiệu 10 giới trọng và 48 giới nhẹ cho các Tăng Ni có tâm nguyện muốn tiếp nhận giới Bồ-tát, giàu lòng vị tha, dân thân cứu giúp mọi loài.

² Bồ-tát (菩薩) gọi đầy đủ “Bồ-đề-tát-đỏa” (P. *bodhisatta*, S. *bodhisattva*, 菩提薩埵) nghĩa là chúng sinh đang đi trên con đường giác ngộ (覺有情, giác hữu tình), trên cầu Phật đạo, dưới độ quần sinh. Thuật ngữ “Bồ-tát” còn được dịch là “đại sĩ” (大士) như Quan âm đại sĩ (觀音大士). Trong Thượng tọa bộ, thuật ngữ “Bồ-tát” chỉ riêng cho đức Phật-Thích-ca trong sáu năm tầm đạo và các kiếp quá khứ hành Bồ-tát đạo của Ngài. Về sau, Bồ-tát là quả vị chứng đắc trên quả vị A-la-hán và được triển khai rộng trong nền văn học Phật giáo Đại thừa, tiêu biểu nhất là *Kinh Hoa Nghiêm* giới thiệu 52 giai đoạn tu của Bồ-tát (thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Diệu giác, Đẳng giác). Một cách rộng hơn, ai đang đi trên con đường giác ngộ, làm lành lánh dữ, chuyên hóa thanh tịnh tâm, truyền bá Phật pháp, biết san sẻ cho những mảnh đời cơ nhỡ bất hạnh thì đều được cho là Bồ-tát sống giữa đời thường.

³ Nguyên tác chữ Hán [truy cập ngày 3/6/21]: http://tripitaka.cbeta.org/T24n1484_002

Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập,⁴ nước Quy Tư,⁵ thời Hậu Tần.⁶

2.1. MƯỜI GIỚI QUAN TRỌNG

[1003b10] Vào lúc bảy giờ, Phật Lô-xá-na lược nói giảng dạy cho mọi người đây về mảnh đất tâm bằng đầu sợi lông trong số pháp môn không thể nói hết như hạt cát của trăm ngàn sông Hằng: “Tất cả đức Phật trong thời quá khứ đã từng nói qua. Các Phật ở đời vị lai sẽ nói. Các Phật ở đời hiện tại đang nói. Ta đã tu tập mảnh đất tâm⁷ này trải qua trăm kiếp nên hiệu của ta là Lô-xá-na⁸. Rất nhiều đức Phật chuyển lời của ta cho các

⁴ Cưu-ma-la-thập (S. *Kumārajīva*, 鳩摩羅什, 344 - 413), dịch nghĩa là Đồng Thọ (童壽), người nước Quy Tư, là nhà phiên dịch Phật học từ Phạn ngữ sang Hán văn, rất đại tài, nổi tiếng. Ngài có công trong việc dịch ra các bộ Kinh, Luận như *Kinh Maha Bát-nhã Ba-la-mật-đa* (摩訶般若波羅蜜多經), *Kinh Kim Cương* (金剛經), *Kinh Pháp Hoa* (法華經), *Kinh Duy-ma-cật* (維摩詰經), *Trung luận* (中論), *Bách luận* (百論), *Thập nhị môn luận* (十二門論), *Đại trí độ luận* (大智度論). Xá-lợi lưỡi của ngài để lại sau khi thiêu là minh chứng cho lời phát nguyện rằng những kinh điển do ngài phiên dịch đúng với ý của đức Phật.

⁵ Quy Tư quốc (龜茲國), nước Quy Tư (nay là huyện Khố Xa, Trung Quốc).

⁶ Hậu Tần (後秦), triều đại (384–417) của Trung Quốc.

⁷ Tâm địa (心地), mảnh đất tâm.

⁸ Đức Phật có ba thân: (i) Pháp thân (S. *dharma-kāya*, 法身) tức thân chân lý. Trong Kim cương thừa, pháp thân còn gọi là “thanh tịnh pháp thân” (清淨法身) được thể hiện qua hình ảnh đức Phật Tỳ-lô-giá na (S. *Vairocana Buddha*, 毗盧遮那佛) thường được biến đến là Đại Nhật Như Lai (大日如來) với thể tánh tròn sáng, thanh tịnh, bình đẳng không hai, (ii) Báo thân (S. *sajbhoga-kāya*, 報身) gọi đầy đủ “viên mãn báo thân” (圓滿報身) được thể hiện qua hình ảnh đức Phật Lô-xá-na (S. *Locana Buddha*, 盧舍那佛) với thân tướng trang nghiêm, khi thành tựu quả vị Phật do trải qua nhiều kiếp tu sáu hoàn hảo (六度, lục độ), (iii) Ứng hóa thân (S. *nirmāna-kāya*, 應化身), gọi đầy đủ “thiên bách ức hóa thân” (千百億化身) qua hình ảnh đức Phật Thích-ca Mâu-ni (P. *Gotama Buddha*, S. *Gautama Buddha*, 釋迦牟尼佛), với tâm nguyện thương xót chúng sinh vô minh, chìm trong sinh tử luân hồi nên Phật dùng mọi phương tiện hóa hiện đủ mọi thân hình để gần gũi, nói pháp cho chúng sinh nghe.

chúng sinh mở đường đất tâm”⁹. Lúc đó, Phật Lô-xá-na phóng các luồng sáng trên tòa sư tử Thiên Quang¹⁰ sáng rực ở trong thế giới Hoa Tạng¹¹, thừa các đức Phật trên ngàn cánh sen:¹² “Hãy mang pháp môn đất tâm¹³ của tôi đi truyền dạy đến trăm ngàn ức vị đức Phật Thích-ca và các chúng sinh, lần lượt giảng dạy pháp môn đất tâm. Các ông [nên hãy] giữ gìn, đọc tụng, một lòng tu hành”.

[1003b20] Bấy giờ, ngàn trăm ức Phật Thích-ca trên ngàn cánh sen, trang nghiêm đứng dậy từ tòa sư tử sáng chói bên thế giới Hoa Tạng, mỗi vị lìa khỏi, thân phóng ánh sáng không thể nghĩ bàn. Trong mỗi ánh sáng, hóa vô số Phật. Chỉ trong một lúc, cúng dường đức Phật Lô-xá-na với vô số bông hoa xanh, vàng, đỏ, trắng. Thọ trì pháp môn mảnh đất tâm được [Phật Lô-xá-na] nói thưở trước xong, mỗi vị [hóa Phật] liền ẩn mất ở thế giới Hoa Tạng rồi thể nhập vào tam-

⁹ Khai tâm địa đạo (開心地道), khai mở đường lối [tu tập] về pháp môn mảnh đất tâm.

¹⁰ Thiên Quang sư tử tòa (天光師子座), tòa sư tử Thiên Quang.

¹¹ Kinh Hoa Nghiêm gọi là thế giới Hoa Tạng (華藏世界). Theo Kinh Phạm võng gọi là thế giới Liên Hoa Đài Tạng (蓮華臺藏世界), hoặc thế giới Liên Hoa Tạng (S. *padma-garbha-loka-dhātu*, *kusuma-tala garbha-vyūhālajkāraloka-dhātu-samudra*, 蓮華藏世界) tức là ở trên giữa đài hoa sen lớn ngàn cánh có một vị Phật Lô-xá-na, mỗi cánh hoa sen là một thế giới. Đức Phật Tỳ-lô-xá-na hóa ra ngàn vị đức Phật Thích-ca ở ngàn thế giới đó.

¹² Thiên hoa thượng Phật (千花上佛), các Phật ngự trên ngàn cánh hoa.

¹³ Tâm địa pháp môn (心地法門), pháp môn đất tâm.

muội Thê Tánh Hư Không Hoa Quang, quay về chỗ cũ, dưới cây bồ-đề cội Diêm-phù-đề, xuất định Thê Tánh Hư Không Hoa Quang, ra ngòi trên tòa Kim Cương Thiên Quang Vương và Diệu Quang đường nói mười biển thế giới.

Các hóa Phật đó từ chỗ đứng dậy đến cung Đế Thích, giảng về mười trụ. Từ chỗ đứng dậy đến cội trời Diêm giảng nói mười hạnh. Từ chỗ đứng dậy đến trời Tứ thiên vương, giảng mười hồi hương. Từ chỗ đứng dậy đến trời Hóa Lạc giảng mười thiên định. Từ chỗ đứng dậy, đến trời Tha Hóa giảng nói mười địa. Đến trời Thiên một giảng mười kim cương. Đến trời Thiên hai giảng về mười nhẫn. Đến trời Thiên ba giảng nói mười nguyện. Đi đến cung trời Ma-hê-thủ-la thuộc Thiên thứ tư, giảng nói về phẩm pháp môn đất tâm mà bản thân là Phật Lô-xá-na đã giảng ở thế giới Hoa Tạng. Tương tự như vậy, với trăm ngàn ức Phật Thích-ca khác, không sai, không khác, như đã được nói trong phẩm Hiền kiếp.

[1003c08] Bây giờ, đức Phật Thích-ca Mâu-ni lúc đầu xuất hiện thế giới Hoa Tạng từ phương đông đến vào cung vua trời, sau khi thuyết giảng *Kinh Ma tiếp nhận sự giáo hóa*¹⁴ xong, sinh xuống

¹⁴ Ma thọ hóa kinh (魔受化經), *Kinh Ma tiếp nhận sự giáo hóa*.

quốc gia Ca-di-la,¹⁵ thuộc Nam Diêm-phù-đề,¹⁶ mẹ tên Ma-da,¹⁷ cha tên Tịnh Phạn,¹⁸ họ tên của ta là Tất-đạt-đa, [cho đến vào năm] xuất gia thứ bảy,¹⁹ thành đạo [tôi cao] ở tuổi ba mươi,²⁰ hiệu của ta là Thích-ca Mâu-ni, ngồi tòa Kim Cương Hoa Quang Vương ở đạo tràng Tịch Diệt, đến cung Thiên vương Ma-hê-thủ-la,²¹ trong đó lần lượt thuyết giảng mười chỗ.

Khi đó, đức Phật quan sát cờ lưới của các đại

¹⁵ Ca-di-la quốc (P. *Kapilavattu*, S. *Kapilavastu*, 迦夷羅國) tức chỉ cho nước Ca-tỳ-la-vệ (迦毗羅衛國), dưới sự trị vì của đức vua Tịnh Phạn (P. *Suddhōdana*, S. *Suddhodana*, 淨飯王)

¹⁶ Diêm-phù-đề (P. *Jambudīpa*, S. *Jambudvīpa*, 閻浮提) được dịch là châu Thắng Kim (勝金洲).

¹⁷ Ma-da (摩耶), phiên âm của chữ Phạn “*Māyādevī*”, danh xưng chỉ cho mẹ của đức Phật Thích-ca.

¹⁸ Bạch Tịnh (白淨). Tôi sử dụng tên gọi phổ quát tại Việt Nam là vua Tịnh-phạn (P. *Suddhōdana*, S. *Suddhodana*, 淨飯王).

¹⁹ Thất tuế xuất gia (七歲出家), theo văn phạm thông thường, có nghĩa là “bảy tuổi xuất gia”. Ngữ nghĩa này đúng với văn phạm nhưng không phù hợp với lịch sử. Ở đây, ngài Curu-ma-la-thập có lẽ dùng phép đảo câu (倒裝句) nên chúng ta có thể dịch cụm từ trên là “năm xuất gia thứ 7”. Dựa vào dữ liệu của Thượng tọa bộ, thái tử Tất-đạt-đa đi xuất gia vào năm 29 tuổi. Như vậy, “bảy năm sau khi xuất gia” thì thái tử Tất-đạt-đa được 35-36 tuổi (tùy theo cách tính năm hay tính tháng).

²⁰ Cụm từ “tam thập thành đạo” (三十成道) có nghĩa là “ba mươi tuổi thành đạo,” hoặc “thành đạo ở tuổi ba mươi” phù hợp với dữ liệu Phật giáo Đại thừa, nhưng không phù hợp với Thượng tọa bộ. Nếu chịu ngồi trầm tĩnh, quán chiếu lại thì bài kinh này cho các học giả nghiên cứu có một góc nhìn nào đó về giai đoạn lịch sử tầm đạo của thái tử Tất-đạt-đa. Nếu bỏ hết những năm tháng ép xác khổ hạnh không có lợi ích gì cho việc tu tập, giải thoát mà chỉ tính từ lúc thái tử xuất gia và khoảng thời gian khi ngài biết tu Trung đạo, biết thực tập thiền như khi ngài con nhỏ tham dự lễ Hạ Hiền cho đến khi giác ngộ dưới cội bồ-đề thì chỉ mất có một năm hoặc một năm rưỡi là cùng (từ lúc thái tử xuất gia năm 29 tuổi đến năm 30 tuổi).

²¹ Ma-hê-thủ-la thiên vương cung (摩醯首羅天王宮), cung vua trời Ma-hê-thủ-la. Mê-hê-thủ-la (摩醯首羅) là từ phiên âm của tiếng Sanskrit “*Maheśvara*” thường dịch trong Hán Việt là trời Đại Tự Tại (大自在天), tên gọi khác của đấng sáng thế trong Ấn-độ giáo.

Phạm thiên vương,²² do vì giảng nói vô số thể giới giống như mạng lưới, mỗi một thể giới không giống, sai khác, không thể tính đếm. Tương tự đối với ngõ cửa [đi vào] lời dạy của Phật.

Nay ta tới lui cõi thế giới này được tám ngàn lần, ngồi trên tòa Kim Cương Hoa Quang Vương, cõi Kham Nhãn²³ này, đến cung vua trời Ma-hê-thủ-la, sau khi lược giảng phạm pháp môn về mảnh đất tâm cho tất cả mọi người. Ta lại từ cõi cung trời Thiên Vương xuống Diêm-phù-đề, gốc cây bồ-đề, vì tất cả các chúng sinh phàm phu vô minh, tăm tối trên địa cầu này giảng dạy giới luật về một mối, chói sáng trong mảnh đất tâm mà chính bản thân Phật Lô-xá-na thường hay đọc tụng khi mới phát tâm.

Giới luật quý báu, bền như kim cương là cội nguồn của tất cả các Phật, tất cả Bồ-tát, hạt giống tánh Phật.²⁴ Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật.²⁵ Tất cả tâm sắc, ý thức là tình, là tâm đều thể nhập vào trong giới tánh Phật, có nhân như vậy

²² Đại Phạm thiên vương (S. *Mahā-brahmā(-deva)*, 大梵天王), vua trời Đại Phạm gọi tắt Phạm thiên (S. *Brahmā*, 梵天).

²³ Ta-bà thế giới (S. *sahā-lokadhātu*, 娑婆世界) chỉ cho thế giới của chúng ta. Một thế giới mà các chúng sinh phải chịu sự khổ đau, bị ràng buộc bởi ba độc tham, sân, si và các phiền não khác. Đây cũng là nơi giáo hóa của đức Phật Thích-ca.

²⁴ Giới thị nhất thiết Phật bản nguyên, nhất thiết Bồ-tát bản nguyên (戒是一切佛本源、一切菩薩本源), giới là nguồn gốc của các đức Phật cũng như các bậc Bồ-tát.

²⁵ Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh (一切眾生皆有佛性), tất cả chúng sanh đều có tính giác ngộ như Phật.

thì đương nhiên có thân pháp thường trụ. Mười giới như vậy, có mặt thế gian, đều là giới pháp, là đỉnh đầu đội và giữ gìn của tất cả chúng sinh ở trong ba đời. Nay ta sẽ vì tất cả mọi người giảng lại từ đầu mười khoản giới trong kho tàng vô tận,²⁶ là đạo đức của tất cả chúng sinh, vốn khởi nguồn từ tự tính thanh tịnh.

Nay tôi đức Lô-xá-na,
 Vừa ngồi trên đài hoa sen,
 Trên xung quanh ngàn cánh hoa
 Lại hiện ngàn đức Thích-ca.

Mỗi cánh có trăm ức cõi
 Mỗi cõi có một Thích-ca
 Đều ngồi dưới cây bồ-đề
 Trong một lúc thành Phật đạo.

Trăm ngàn ức Phật như vậy,
 Bản thân đức Lô-xá-na,
 Ngàn trăm ức đức Thích-ca,
 Tiếp độ chúng sinh vi trần,
 Đều đi đến chỗ của ta,
 Nghe ta tụng giới luật Phật,
 Mở ra cánh cửa cam lộ.

Trăm ngàn ức [đức Thích-ca],

²⁶ Thập vô tận tạng giới phẩm (十無盡藏戒品), mười phẩm giới với kho tàng vô tận.

Điều về đạo tràng của mình,
 Điều ngồi dưới cây bồ-đề,
 Tụng giới luật của thầy mình,
 Gồm mười điều giới quan trọng
 Bốn mươi tám [điều giới nhẹ].
 Giới sáng như vàng nhật nguyệt
 Cũng như chuỗi hạt anh lạc.²⁷
 Bồ-tát đông như bụi nhỏ
 Nhờ giới thành Chánh giác.²⁸

Đức Lô-xá-xa tụng giới
 Nay con thành kính tụng theo
 Các Bồ-tát mới tu học
 Đầu mang đội, giữ gìn giới.
 Sau khi giữ gìn giới này
 Truyền dạy tất cả mọi người,
 Tôi tụng giới, hãy lắng nghe,
 Kho tàng giới trong pháp Phật,
 Mọi người chú tâm, lắng nghe,
 Kính tin các điều giới luật.
 “Các con là Phật sẽ thành,
 Ta là đức Phật đã thành”²⁹
 Thường khởi lòng tin như vậy,

²⁷ Giới như minh nhật nguyệt, diệp như anh lạc châu (戒如明日月，亦如瓔珞珠), giới như mặt trăng và mặt trời tỏa sáng, cũng như ngọc anh lạc.

²⁸ Vì trần Bồ-tát chúng, do giới thành Chánh giác (微塵菩薩眾，由戒成正覺), các vị Bồ-tát nhiều như cát bụi nhờ giới luật mà thành bậc giác ngộ trọn vẹn.

²⁹ Nhữ thị đương thành Phật, ngã thị dĩ thành Phật (汝是當成佛，我是已成佛), các con là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành.

Thì đã đầy đủ giới phạm.
 Tất cả những ai có tâm,
 Đều nên nhận giới luật Phật,
 Chúng sinh nhận giới luật Phật.
 Thành tựu quả vị như Phật.
 Phạm vị giống bậc đại giác,
 Xứng đáng Phật tử chân thật
 Mọi người đều nên cung kính,
 Một lòng nghe tụng giới luật.

[1004a23] Ngày xưa, đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngồi dưới gốc cây bồ-đề, trở thành bậc giác ngộ tối cao, lần đầu quy định giới cho Bồ-tát: “Những điều tối cao của đạo Phật về việc hiếu thuận gồm: Hiếu thảo cha mẹ, thầy tổ, Tam bảo. Hiếu thuận là giới, cũng gọi ngăn dưng”. Đức Phật từ miệng phóng ra vô số ánh sáng, lúc này các Bồ-tát trong đại chúng có trăm, ngàn, ức, mười tám Phạm thiên, thiên tử trên sáu tầng trời cõi dục³⁰ và mười sáu các vị quốc vương lớn,³¹

³⁰ Lục dục (六欲), sáu tầng trời trong cõi dục: (i) Trời Tứ thiên vương (四天王天), (ii) Trời Dao-lợi (忉利天), (iii) Trời Dạ-ma (夜摩天), (iv) Trời Đâu-suất (兜率天), (v) Trời Hóa-lạc (化樂天), (vi) Trời Tha-hóa (他化天).

³¹ Mười sáu quốc vương [trị vì 16 tiểu bang của Ấn-độ thời đức Phật]. Theo *Kinh Hộ quốc nhân vương Bát-nhã Ba-la-mật-đa* (S. *Karunika-rāja Prajñāpāramitā sutra*, 護國仁王般若波羅蜜多經) ghi: “Kính thưa Đại vương! Ta đem kinh này truyền trao các nước: (i) Nước Tỳ-xá-ly (*Vāśāli*, 毘舍離國); (ii) Nước Kiều-tát-la (*Kosala*, 憍薩羅國), (iii) Nước Thất-la-phiệt (*Śrāvastī*, 室羅筏國), (iv) Nước Ma-già-đà (*Magadha*, 摩伽陀國); (v) Nước Ba-la-nại (*Bārāṇasī*, 波羅奈國); (vi) Nước Ca-tỳ-la (*Kapilavastu*, 迦毘羅國); (vii) Nước Câu-thi-na (*Kuśinagara*, 拘尸那國); (viii) Nước Kiều-thường-di (*Kauśāmbī*, 憍曇彌國); (ix) Nước Bát-giá-la (*Pañcāla*, 般遮羅國); (x) Nước Ba-tra-la (*Pāṭaliputra*, 波吒羅國); (xi) Nước Mạt-thô-la (*Mathurā*, 末吐羅國); (xii) Nước

một lòng chấp tay nghe đức Phật tụng giới Đại thừa của các đức Phật.

[1004a28] Đức Phật bảo các Bồ-tát như sau: “Nay mỗi nửa tháng, tự bản thân tôi đọc tụng giới luật của các đức Phật. Tất cả Bồ-tát phát tâm đọc theo. Ngay cả Bồ-tát ở mười phát thú,³² hoặc mười trường dưỡng,³³ hoặc mười kim cương,³⁴ hoặc mười địa vị cũng tụng đọc theo. Vì thế ánh sáng giới³⁵ từ miệng ta phóng ra, có duyên chẳng phải do không có nhân. Mỗi loại ánh sáng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng và đen,³⁶ chẳng phải hình sắc cũng chẳng phải tâm,³⁷ chẳng phải có

Ô-thi (*Uṣa*, 烏尸國); (xiii) Nước Bôn-tra-bạt-đa (*Puṅgavardhana*, 奔吒跋多國); (xiv) Nước Đề-bà-bạt-đa (*Devātāra*, 提婆跋多國); (xv) Nước Ca-thi (*Kāśī*, 迦尸國); (xvi) Nước Chiêm-ba (*Campā*, 瞻波國). Các quốc vương như vậy đều nên thọ trì trí tuệ ba-la-mật-đa.

³² Mười phát thú (十發趣, thập phát thú) nghĩa là phát khởi mười thứ tâm cao lớn để hướng về đạo màu, gồm mười điều sau: (i) Tâm buông xả (捨心), (ii) Tâm giới hạnh (戒心), (iii) Tâm kiên nhẫn (忍心), (iv) Tâm tinh tấn (進心), (v) Tâm thiền định (定心), (vi) Tâm trí tuệ (慧心), (vii) Tâm phát nguyện (願心), (viii) Tâm hộ trì (護心), (ix) Tâm hoan hỷ (喜心), (x) Tâm tuệ giác tối cao (頂心).

³³ Mười tâm trường dưỡng (十長養心) bao gồm: (i) Tâm tình thương (慈心), (ii) Tâm bi cảm (悲心), (iii) Tâm hoan hỷ (喜心), (iv) Tâm buông xả (捨心), (v) Tâm bố thí (施心), (vi) Tâm lời tốt (好語心), (vii) Tâm lợi ích (益心), (viii) Tâm đồng nhất (同心), (ix) Tâm thiền định (定心), (x) Tâm trí tuệ (慧心).

³⁴ Mười tâm kim cương (十金剛心) bao gồm: (i) Tâm chánh tín (信心), (ii) Tâm chánh niệm (念心), (iii) Tâm hồi hướng (迴向心), (iv) Tâm thông đạt (達心), (v) Tâm viên mãn (圓心), (vi) Tâm không lùi (不退心), (vii) Tâm Đại thừa (大乘心), (viii) Tâm vô tướng (無相心), (ix) Tâm trí tuệ (慧心), (x) Tâm bất hoại (不壞心).

³⁵ Giới quang (戒光), giới như ánh sáng.

³⁶ Quang quang phi thanh huỳnh xích bạch hắc (光光非青黃赤白黑), mỗi một ánh sáng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng và đen. Câu này chỉ cho giới thể không bị rơi vào vọng cảnh.

³⁷ Phi sắc phi tâm (非色非心), chẳng phải hình sắc cũng chẳng phải tâm. Câu này chỉ cho giới thể, không bị rơi vào vọng tình.

cũng chẳng phải không có,³⁸ chẳng phải điều thuộc về luật nhân quả,³⁹ là cội nguồn sinh ra các đức Phật, là nền móng của các vị Bồ-tát và là nền tảng của những người con Phật. Vì thế, những người con Phật ở trong đại chúng cần nên giữ gìn, đọc tụng, tu học khéo léo.

Phật tử lắng nghe! Nếu ai nhận giới, quốc vương, vương tử, bá quan, tể tướng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mười tám Phạm thiên,⁴⁰ thiên tử sáu dục, thứ dân, huỳnh môn,⁴¹ dâm nam, dâm nữ,

³⁸ Phi hữu phi vô (非有非無), chẳng phải có cũng chẳng phải không có. Câu này chỉ cho ai có được giới thể không bị rơi vào nhận thức và kiến giải sai lầm.

³⁹ Phi nhân quả pháp (非因果法), chẳng phải điều thuộc về luật nhân quả. Câu này chỉ cho giới thể không thuộc trong phạm trù đoạn kiến hoặc thường kiến.

⁴⁰ Thập bát Phạm thiên (十八梵天) 18 cõi trời trong cõi Sắc, bao gồm: (i) Ba cõi trời trong sơ thiên: Trời Phạm Chúng (梵眾天), trời Phạm Phụ (梵輔天), trời Đại Phạm (大梵天), (ii) Ba cõi trời trong nhị thiên: Trời Thiểu Quang (少光天), trời Vô Lượng Quang (無量光天), trời Quang Âm (光音天), (iii) Ba cõi trời trong tam thiên: Trời Thiểu Tịnh (少淨天), trời Vô Lượng Tịnh (無量淨天), trời Biến Tịnh (徧淨天), (iv) Chín cõi trời trong tứ thiên: Trời Vô Vân (無雲天), trời Phước Sinh (福生天), trời Quảng Quả (廣果天), trời Vô Tưởng (無想天), trời Vô Phiền (無煩天), trời Vô Nhiệt (無熱天), trời Thiện Kiến (善見天), trời Thiện Hiện (善現天), trời Sắc Cứu Kỉnh (色究竟天).

⁴¹ Huỳnh môn (P=S. *Paṇḍaka*, 黃門), người bất nam, thường gọi trong tiếng Việt là bê-đê, hay “gay” trong tiếng Anh. Theo *Luật Tỳ-phần* gồm có năm loại: (i) Không là con trai từ thuở sinh ra (S. *jāti-panḍaka*, 生不能男, sinh bất năng nam) chỉ cho những người sinh ra đã trở thành bất nam, như trường hợp tả tướng Lê Văn Duyệt ở Việt Nam ta; (ii) Không làm được đàn ông cứ mỗi nửa tháng (S. *jāti-panḍaka*, 半月不能男, bán nguyệt bất năng nam) chỉ cho những người nam nửa tháng hành dâm được, nửa tháng không được; (iii) Không thể làm đàn ông do bởi sự ganh tỵ (S. *īṣyā-panḍaka*, 妒不能男, đố bất năng nam), khi thấy người khác hành dâm liền khởi tâm dâm dục, nam căn đứng lên; (iv) Không thể làm đàn ông do sự thay đổi (S. *āsaktaprādurbhāvī-panḍaka*, 變不能男, biến bất năng nam) chỉ cho những người nam đột nhiên bất đi nam căn khi đang hành dâm; (v) Không thể làm đàn ông do vì bệnh tật (S. *āpat-panḍaka*, 病不能男, bệnh bất năng nam) chỉ cho những người có bộ phận sinh dục bị thối rữa lúc sinh ra, hoặc bị cắt đi do nhiễm trùng bởi sâu bọ cắn và bao gồm cả những người được đưa vào cung cấm phục vụ, hầu hạ như các thái giám trong triều đình Trung Hoa và Việt Nam.

nô tỳ, tám bộ quỷ thần, thần Kim cang, động vật, cho đến người biến hóa⁴² chỉ cần hiểu lời dạy của pháp sư, đều được thọ giới, đều được gọi là bậc thanh tịnh số một.

[1004b11] Đức Phật bảo các Phật tử như sau: “Có mười giới trọng, thọ giới Bồ-tát, nếu không tụng đọc, chẳng phải Bồ-tát, cũng chẳng phải là hạt giống của Phật. Ta cũng tụng giới. Tất cả Bồ-tát đã học, sẽ học, đang học. Tôi đã lược giảng về tướng mạo của giới luật Bồ-tát, cần nên tu học những điều như vậy, vâng lời làm theo với tâm tôn kính.”

Giới trọng thứ nhất:⁴³ Không giết mạng sống

[1004b16] Đức Phật dạy rằng: “Nếu Phật tử nào tự mình giết hoặc dạy người khác giết, dùng đủ mọi cách khen ngợi sự giết, thấy giết vui theo, cho đến giết hại bằng các thuật chú. Từ khởi tâm⁴⁴ giết, hỗ trợ⁴⁵ giết hại, cách thức⁴⁶ giết hại, hành động⁴⁷ giết hại, cho đến tất cả loài có mạng

⁴² Trong truyền thuyết, các tiên nhân và loài yêu tinh biến hóa ra làm hình người như hồ ly biến làm người thường.

⁴³ Điều khoản giới này có đề cập ở giới trọng thứ 1 trong *Kinh Ưu-bà-tát giới* với 2 chi tiết sau: (i) Đích thân giết hoặc dạy bảo người khác giết, (ii) Đối tượng được giết là tất cả các loài động vật.

⁴⁴ Nhân (因) nghĩa là do tham, sân và si khởi lên từ trong tâm mà giết hại.

⁴⁵ Duyên (緣), các yếu tố hỗ trợ cho hành động được thành tựu.

⁴⁶ Pháp (法), những cách thức, phương thức như dao, kiếm, thuốc độc v.v... giết người khác.

⁴⁷ Nghiệp (業), hành động. Ở ngữ cảnh này là sự [thành tựu] của việc làm.

sống, đều không được phép cố ý giết hại. Vị Bồ-tát này nên thường phát khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dùng đủ mọi cách cứu hộ tất cả mọi loài chúng sinh, trái lại giết hại chúng sinh với tâm tùy tiện, khoái chí thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.”

Giới trọng thứ hai:⁴⁸ Không được trộm cắp

[1004b21] Nếu Phật tử nào tự mình trộm cắp, bảo người khác trộm, dùng đủ cách thức để trộm cắp được. Khởi tâm trộm cắp, hỗ trợ trộm cắp, cách thức trộm cắp, hành động trộm cắp, trộm bằng chú thuật, cho đến trộm đồ của các quỷ thần,⁴⁹ có chủ sở hữu⁵⁰ và những bọn cướp.⁵¹ Tất cả của cải, dù một cây kim hay một ngọn cỏ cũng không được phép cố ý trộm cắp. Bồ-tát nên mở tâm từ bi lớn, hiếu thuận, tánh Phật, thường giúp mọi người tăng thêm phước báu, tăng niềm an vui. Trái lại trộm cắp tài sản của người thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.⁵²

⁴⁸ Điều khoản giới này đề cập một phần của giới trọng thứ 2 trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* với 2 chi tiết sau: (i) Đích thân trộm hoặc dạy bảo người khác trộm cắp, (ii) Đối tượng được trộm cắp là tất cả của cải. Nếu Bồ-tát xuất gia dù một cây kim hay một cọng cỏ không được lấy thì Bồ-tát tại gia không được trộm cắp dù một đồng tiền.

⁴⁹ Các đồ trong những ngôi miếu Thành Hoàng, miếu Thổ Địa.

⁵⁰ Những đồ đặc cũng như tài sản đã có chủ sở hữu mua về hoặc có bằng văn bản ký kết.

⁵¹ Những đồ đặc phạm pháp của bọn giặc cướp trộm cắp về.

⁵² Ba-la-di (P=S. *pārājika*, 波羅夷) thường được dịch là trục xuất (驅擯, khu tân, defeat), gồm các nghĩa sau: (i) Tội đọa (đọa tội, 墮罪) nghĩa là người phạm giới này chết đọa vào ba đường ác và các chỗ không như ý, (ii) Tội vứt bỏ (khí tội, 棄罪) nghĩa là người phạm giới này thì tất cả công đức mất hết, mãi không dự được vào dòng Thánh, cũng tức là vĩnh viễn bị loại ra khỏi Phật pháp, (iii) Chỗ để người khác giành phần thắng

Giới trọng thứ ba:⁵³ Không được dâm dục

[1004b26] Nếu Phật tử nào tự mình dâm dục, dạy người dâm dục với người khác phái,⁵⁴ không được cố ý hành động dâm dục. Khởi tâm dâm dục, hỗ trợ dâm dục, cách thức dâm dục, hành động dâm dục, dù động vật cái, các cô thiên nữ, thần nữ, quỷ nữ, hành dâm trái đạo. Là vị Bồ-tát, theo lý phát khởi tâm hạnh hiếu thuận, cứu độ tất cả mọi loài chúng sinh, trao cho người khác lời dạy trong sạch, trái lại khởi tâm, hành dâm với người, bất kể động vật, cho đến hành dâm với sáu bà con⁵⁵ gồm

(他勝處法, tha thắng xứ pháp) nghĩa là người thọ giới này vốn dĩ muốn phá sạch phiền não, dấy lui quân Ma. Nay mình phạm giới Bồ-tát này chẳng khác nào cho giặc phiền não, quân Ma vương giành phần thắng lợi, (iv) Điều cực ác (極惡法, cực ác pháp) còn được dịch “chặt đầu” (斷頭, đoạn đầu) hoặc được dịch “chặt đứt lõi cây Đa-la” (斷多羅樹心, đoạn Đa-la thụ tâm) nghĩa là như kim xuyên thủng lỗ mũi, như tảng đá vỡ làm hai v.v... không thể trở lại như ban đầu. Theo Luật Tỳ-kheo, Tăng sĩ vi phạm sẽ bị trục xuất Tăng đoàn trọn đời và không còn cơ hội phục hồi tư cách Tăng sĩ nữa. Bên Tăng có 4 giới, đang khi bên Ni có 8 giới trục xuất, bao gồm: (i) Quan hệ tình dục với người hoặc động vật, (ii) Trộm cắp tài sản, (iii) Giết người, xúi giục, đồng lõa, ủng hộ giết người, (iv) Tuyên bố lừa dối rằng mình là thánh nhân, chứng đắc thiên định, (v) Tiếp xúc cơ thể người nam, (vi) Cho người nam chạm cơ thể, (vii) Che giấu đồng tu phạm tội trục xuất, (viii) Đi theo Tăng/Ni bị tổ giác.

⁵³ Việc nói dối tuy có được đề cập ở giới trọng 3, trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* theo nghĩa chung chung, không cho Bồ-tát tại gia nói dối về việc tự ngôn chứng Thánh và việc này không đề cập đối với giới Bồ-tát xuất gia. Điều này được đề cập trong giới Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

⁵⁴ Nguyên văn là “nhất thiết nữ nhân” (一切女人), tất cả người nữ. Trong ngữ cảnh này, tôi đổi thành “người khác phái” để đối tượng áp dụng rõ ràng hơn.

⁵⁵ Lục thân (六親), sáu nhóm bà con. Trong văn học Trung Quốc, “lục thân” là khái niệm có nhiều nội dung khác nhau về các mối quan hệ thân quyến như sau: (i) Gồm cha con (父子), anh em ruột (親兄弟), con của chú bác (從父兄弟), anh em bên nội (從祖兄弟), anh em bên ông bà cố (從曾祖兄弟), anh em cùng chủng tộc (同族兄弟), (ii) Gồm cha con (父子), anh em (兄弟), cô (姑姊), cháu trai (甥舅), bà con của thông gia (婚媾), thông gia (姻亞), (iii) Gồm cha (父), mẹ (母), anh (兄), em (弟), vợ (妻),

mẹ, chị, em, con gái, không có tâm từ bi thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.

Giới trọng thứ bốn:⁵⁶ Không được nói dối

[1004c03] Nếu Phật tử nào tự mình dối trá, dạy người dối trá, dùng đủ mọi cách nói lời dối trá. Khởi tâm dối trá, hỗ trợ dối trá, cách thức dối trá, hành động dối trá, cho đến tình huống không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, thân tâm dối trá. Là vị Bồ-tát theo lý thường phát lời nói chân chính, tầm nhìn chân chính, cũng phát khởi lên tầm nhìn chân chính, lời nói chân chính của mọi chúng sinh; trái lại phát ra lời nói sai trái, tầm nhìn sai lệch, hành động sai nguấy thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.

Giới trọng thứ năm:⁵⁷ Không bán rượu [bia]

[1004c08] Nếu Phật tử nào tự mình bán rượu,⁵⁸ dạy người bán rượu. Từ khởi tâm bán [các loại] rượu [bia], hỗ trợ bán rượu, cách thức bán rượu,

con cái (子女), (iv) Gồm cha (父), con (子), anh (兄), em (弟), chồng (夫), vợ (婦), (v) Gồm cha (父), mẹ (母), anh (兄), em (弟), vợ (老婆), con (孩子), (vi) ông bà ngoại (外祖父母), cha mẹ (父母), chị (姊), em gái (妹), con của anh em vợ (妻兄弟之子), con trai bên mẹ (從母之子), con trai của con gái (女之子).

⁵⁶ Điều khoản giới này trùng giới trọng 3, trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* ở chỗ khuyến khích người tu không dâm dục. Tuy nhiên, người xuất gia là hoàn toàn từ bỏ dâm dục đang khi người tại gia bị giới hạn ở chỗ không ngoại tình. Vì họ vẫn còn đời sống sinh hoạt một vợ một chồng.

⁵⁷ Điều khoản giới này có nội dung chính trùng giới trọng 6 của *Kinh Ưu-bà-tắc giới* ở chỗ không uống rượu bia.

⁵⁸ Cô tỵ (酤酒), buôn bán rượu [bia].

hành động bán rượu, không được phép bán các loại rượu bia. Nên biết rượu là nguồn gốc tội lỗi. Là vị Bồ-tát theo lý phải giúp tất cả chúng sinh được sự thấu hiểu,⁵⁹ trái lại khiến họ khởi tâm điên đảo thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.

Giới trọng thứ sáu:⁶⁰ Không rao lỗi người

[1004c13] Nếu Phật tử nào tự bản thân mình kể hoặc dạy người, kể tội Tỳ-kheo, lỗi Tỳ-kheo-ni, Bồ-tát tại gia, Bồ-tát xuất gia, khởi tâm tạo tội, hỗ trợ tạo tội, cách thức tạo tội, hành động tạo tội; là vị Bồ-tát theo lý khi nghe những người xấu ác, thuộc nhóm ngoại đạo, hay hàng nhị thừa⁶¹ nói về những điều trái lời Phật dạy, trái với luật Phật. Ở trong Phật pháp, khởi tâm thương xót, giáo hóa người ác, giúp mở tâm thiện, niềm tin đúng đắn về pháp Đại thừa; trái lại bản thân bêu rói tội lỗi ở trong Phật pháp thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.

Giới trọng thứ bảy: Không khen mình chê người

⁵⁹ Minh đạt chi tuệ (明達之慧), trí tuệ thấu hiểu, hay trí tuệ có được nhờ sự thấu hiểu.

⁶⁰ Điều khoản giới này có nội dung chính trùng với giới trọng 5, trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* ở chỗ không rêu rao lỗi người.

⁶¹ Nhị thừa (二乘) chỉ cho cỗ xe Thanh văn (聲聞乘, Thanh văn thừa) và cỗ xe Duyên giác (緣覺乘, Duyên giác thừa). Thanh văn là thánh quả đạt được do nghe đức Như Lai thuyết giảng Bốn chân lý thánh (四聖諦, Tứ thánh đế). Duyên giác là thánh quả đạt được do tu quán chiếu mười hai nhân duyên (十二因緣).

[1004c19] Nếu Phật tử nào tự bản thân mình, hoặc dạy người khác khen mình chê người, khởi tâm chê người, hỗ trợ chê người, cách thức chê người, hành động chê người. Là vị Bồ-tát theo lý nên phải, thay các chúng sinh chịu lời chê bai, tự đem việc xấu về phía phần mình, còn những việc tốt về phần người khác; [trái lại] ca ngợi công đức của mình, che giấu việc tốt của những người khác, khiến cho người khác chịu sự chê bai thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.

Giới trọng thứ tám: Không được bủn xỉn

[1004c24] Nếu Phật tử nào tự mình bủn xỉn,⁶² dạy người bủn xỉn. Khởi tâm bủn xỉn, hỗ trợ bủn xỉn, cách thức bủn xỉn, hành động bủn xỉn. Là vị Bồ-tát thấy những người nghèo đến chỗ mình xin thì theo nhu cầu của tất cả mọi người, trước mặt trao cho mọi thứ [cần dùng], trái lại dùng tâm xấu ác, giận hờn, đến độ không chịu bố thí một đồng tiền, cây kim, cọng cỏ. Người có cầu pháp không vì họ nói một câu, một kệ, một hạt bụi pháp mà còn lảng mạ thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.

Giới trọng thứ chín: Không được sân hận

[1005a05] Nếu Phật tử nào tự mình giận hờn, dạy

⁶² Xan (慳), bủn xỉn, keo kiệt. Trong ngữ cảnh trên, “xan” chỉ cho người đang thọ giới Bồ-tát có tâm bủn xỉn đối với người đến xin và người cầu pháp.

người giận hờn, khởi tâm giận hờn, hỗ trợ cơn giận, cách thức giận hờn, hành động giận hờn. Là vị Bồ-tát theo lý nên phải khiến sinh căn lành trong mọi chúng sinh, việc không tranh chấp, tâm thường xót thương, trái lại dùng miệng lăng mạ và còn dùng tay đánh đập cùng với dao gậy với ý không nguôi trong mọi chúng sinh, chẳng phải chúng sinh. Người đến trước mặt cầu xin ăn năn, sám hối⁶³ thông qua nói lời nhẹ nhàng mà không nguôi giận thì Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giới trọng thứ mười: Không vu khống Tam bảo

[1005a11] Nếu Phật tử nào tự mình vu khống, dạy người vu khống Ba ngôi tâm linh. Khởi tâm vu khống, hỗ trợ vu khống, cách thức vu khống, hành động vu khống. Là vị Bồ-tát theo lý khi thấy những người ngoại đạo và người xấu ác, vừa thốt lên tiếng vu khống đức Phật như ba trăm ngọn giáo⁶⁴ chích vào tim. Hướng hồ vu khống bằng chính miệng mình, không khởi tín tâm và tâm hiếu thuận, trái lại thêm phần hỗ trợ người có cái thấy lệch lạc, xấu ác và những người ác vu khống thì Bồ-tát này phạm Ba-la-di.

⁶³ Sám tạ (懺謝), sám hối. Trong đó “tạ” (謝) nghĩa là tự nhận sai lầm.

⁶⁴ Mâu (鉞, spear), cái giáo.

[1005a16] Các vị nhân giả⁶⁵ hãy khéo tu học! Nên học mười giới của các Bồ-tát, không được phép phạm bất kỳ giới nào, dù hạt bụi nhỏ, huống hồ phạm đủ mười giới nặng này. Nếu ai vi phạm thì trong hiện đời không thể phát khởi tâm bồ-đề lớn, mất đi ngôi vị vua của một nước, ngôi Chuyển Luân vương, cũng mất luôn cả phẩm vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, mất mười phát thú, mất mười trường dưỡng, mất mười kim cương, mất hết mười địa, mất cả diệu quả thường trụ Phật tính, đọa ba đường ác, không nghe được tên của cha mẹ mình, không biết Tam bảo trong hai, ba kiếp. Vì thế, tất cả Bồ-tát đang học, sẽ học, đã học, không nên phạm giới. Cần nên tu học mười giới khoản này, vâng lời làm theo với tâm cung kính. Cả tám mươi ngàn phẩm chất oai nghi sẽ được rộng mở, ngày càng sáng tỏ.

2.2. BỐN MƯƠI TÁM GIỚI NHẸ

[1005a25] Đức Phật chỉ dạy Bồ-tát như sau: “Thầy đã nói xong mười giới [quan trọng]. Thầy sẽ nói bốn mươi tám tội nhẹ.”

Giới nhẹ thứ 1:⁶⁶ Không khinh thầy, bạn

⁶⁵ Nhân giả (仁者) là cách xưng hô giữa các Bồ-tát trong kinh điển Đại thừa. Giữa các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni thì xưng hô là “tôn giả” (尊者).

⁶⁶ Điều khoản giới này có hai chi tiết thuộc phần hai tám giới nhẹ trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*: (i) Phải có tâm cung kính và hiếu thuận với thầy mình (giới nhẹ 1), (ii) Phải đứng dậy lễ lạy, hỏi thăm thầy mình (giới nhẹ 5).

[1005a27] Đức Phật dạy rằng: “Nếu Phật tử nào muốn được tiếp nhận ngôi vị quốc vương, hoặc Chuyển Luân vương, bá quan [văn võ] thì trước tiên phải thọ giới Bồ-tát. Tất cả quý thân hộ vệ thân thể của quốc vương và các bá quan đó. Các vị đức Phật thấy đều hoan hỷ. Khi đã được giới, [Bồ-tát theo lý] sinh tâm hiếu thuận và tâm cung kính, nhìn thấy [các vị] Hòa thượng, Thượng tọa, thầy A-xà-lê,⁶⁷ bạn tu học⁶⁸ lớn, người cùng hiểu biết, người cùng đồng hành thì nên đứng dậy lễ lạy, hỏi thăm. Trái lại, khởi tâm kiêu mạn, vô minh, không chịu đứng dậy, nghênh đón, lễ lạy, không chịu cúng dường từng vị đúng pháp. Thông qua việc bán thân thể của mình, trăm đồ bảy báu, trai gái, kinh thành, quốc gia, [để có của cải] cung ứng cho họ. Nếu không làm vậy thì Bồ-tát đó vi phạm tội nhẹ.⁶⁹”

Giới nhẹ thứ 2:⁷⁰ Không uống rượu bia

[1005b06] Nếu Phật tử nào cố uống rượu [bia],

⁶⁷ A-xà-lê (P. *Ācariya*, S. *Ācārya*, C. 阿闍梨), thầy mô phạm về đạo đức (軌範師, quỹ phạm sư), còn gọi là giáo thọ sư (教授師). Đây là vị Tỳ-kheo/ Tỳ-kheo-ni có nhiệm vụ dạy dỗ, dẫn dắt cho các học trò. Có năm loại A-xà-lê: (i) Thầy xuất gia, (ii) Thầy thọ giới, (iii) Thầy truyền dạy giáo pháp, (iv) Thầy dạy kinh điển, (v) Thầy y chỉ.

⁶⁸ Đồng học (同學), người cùng học, người học cùng lớp. *Phẩm Bồ-tát* (菩薩品), thuộc *Kinh Duy-ma-cật* (維摩詰經) ghi: “Vui gần bạn học” (樂近同學, lạc cận đồng học).

⁶⁹ Kinh cầu tội (輕垢罪), tội dơ nhẹ. Đây là những tội ác làm dơ bản các hạnh trong sạch (淨行, tịnh hạnh) của người tu hạnh Bồ-tát nhưng có mức độ nhẹ hơn so với mười giới nghiêm trọng của Bồ-tát.

⁷⁰ Điều khoản giới này có nội dung chính trùng với giới nhẹ 2 trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* ở chỗ không uống rượu [bia].

sanh ra vô số tội lỗi từ rượu,⁷¹ tự tay mình trao bình rượu cho người thì không có tay trong năm trăm kiếp, hưởng là tự uống. [Bồ-tát] không được dạy người, chúng sinh uống các rượu [bia] hưởng hồ tự uống. Nếu cố ý uống và dạy người uống [các rượu bia] thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ thứ 3: Không ăn động vật

[1005b10] Nếu Phật tử nào cố ý ăn thịt, [từ nay trở đi] không được phép ăn tất cả các thịt. [Ăn thịt là nhân] chặt đứt hạt giống từ bi rộng lớn. Các loại chúng sinh thấy [người ăn thịt liền sợ] bỏ đi. Vì thế Bồ-tát không được ăn thịt của các chúng sinh. Ăn thịt mắc tội nhiều đến vô lượng. Người cố ăn thịt thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ thứ 4: Không ăn ngũ tân⁷²

⁷¹ Kinh Phân biệt thiện ác sơ khởi đề cập ba mươi sáu lỗi (三十六失, tam thập lục thất) như sau: 1) Con không kính thờ cha mẹ, 2) Nói năng lộn lạo, 3) Nói nhiều và nói hai chiều, 4) Nói việc đã giấu kín, 5) Mắng chửi trời đất và người khác, 6) Không biết đường về nhà, bỏ mất đồ đạc, 7) Không thể sửa mình chính đáng, 8) Dễ bị té ngã, 9) Đi đứng không vững vàng, 10) Dễ xúc phạm người khác, 11) Phế bỏ công việc, không lo làm ăn, 12) Tồn hao tài sản, 13) Không chăm sóc vợ con, 14) Kêu la, chửi mắng, 15) Thoát ý phục trên đường, 16) Khuấy rối phụ nữ, 17) Thích gây gổ, 18) Nói lớn, làm kinh động xóm làng, 19) Giết súc vật, 20) Đập phá đồ đạc, 21) Không tôn trọng vợ con, 22) Gân gūi kẻ xấu, 23) Xa lánh bậc hiền thiện, 24) Ngủ như chết, đau nhưc thân thể, 25) Nôn mửa thật ghê tởm, 26) Liều mạng, không biết sợ sệt, 27) Không kính bậc hiền thiện, 28) Hoang dâm vô độ, 29) Mọi người tránh xa, 30) Giống như người chết, không biết gì cả, 31) Thân thể xấu dần, 32) Thiện thần tránh xa, 33) Bạn tốt lánh xa, 34) Không kiêng sợ ai, 35) Chết đọa địa ngục, 36) Kiếp sau làm người hôn ám.

⁷² Ngũ tân (S. *parivyaya*, 五辛) còn gọi “ngũ huân” (五葷), năm loại thực vật cay nồng, bao gồm: (i) Củ tỏi (S. *palāṇḍu*, 大蒜, đại toán), (ii) Hành, hành tây (S. *lat-ārka*, 荳蔻, cách thông), (iii) Củ kiệu (薤, thà; 慈葱, từ thông), (iv) Rau họ (韭菜, cửu thái; 蘭葱, lan thông), (v) Hưng cử (S. *hiigu*, 興葉) là loại thực vật có mùi hôi không thua gì tỏi, được trồng ở Tân Cương (Trung Quốc), Tây Tạng, Ấn-độ, Iran, A-phù-hân.

[1005b14] Tất cả Phật tử không được phép ăn năm thứ hăng cay: Tỏi, hành, rau họ, củ kiệu, hưng cừ. Không được phép ăn các loại thức ăn có năm thứ này. Nếu cố ý ăn thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ thứ 5: Không dạy sám hối

[1005b17] Nếu Phật tử nào nhìn thấy tất cả chúng sinh phạm vào năm giới,⁷³ tám giới,⁷⁴ mười giới,⁷⁵ phá hủy giới cấm và tất cả tội về việc phạm giới thuộc vào trong nhóm bảy nghịch,⁷⁶

⁷³ Ngũ giới (五戒), năm điều đạo đức, bao gồm: (i) Không giết hại sự sống (不殺生, bắt sát sinh); (ii) Không trộm cắp (不偷盜, bắt đầu đạo); (iii) Không tà dâm (不邪淫, bắt tà dâm); (iv) Không nói dối (不妄語, bắt vọng ngữ); (v) Không uống rượu [bia] (不飲酒, bắt ẩm tửu).

⁷⁴ Bát giới (八戒) còn gọi “bát trai giới” (八齋戒), “bát quan giới” (八關齋), “bát chi giới” (八支齋) là tám điều đạo đức, dành cho người tập sự xuất gia trong 24 giờ, bao gồm: (i) Không giết hại sự sống (不殺生, bắt sát sinh); (ii) Không lấy của không cho (不與取, bắt dữ thủ); (iii) Không được dâm dục (不非梵行, bắt phi phạm hạnh); (iv) Không nói lời hư dối (不虛誑語, bắt hư cuồng ngữ); (v) Không uống rượu [bia] (不飲酒, bắt ẩm tửu); (vi) Không thoa hương, trang sức, xem nghe ca múa (不塗飾鬘舞歌觀聽, bắt đồ sức man vũ ca quan thính); (vii) Không nằm và ngồi trên giường cao rộng, đẹp (不眠坐高廣嚴麗床上, bắt miên tọa cao quảng nghiêm lệ sàng thượng), (viii) Không ăn trái giờ (不非時食, bắt phi thời thực).

⁷⁵ Thập giới (十戒), mười điều đạo đức của Sa-di: (i) Không được giết hại (不殺生), (ii) Không được trộm cắp (不盜), (iii) Không được dâm dục (不淫), (iv) Không được nói dối (不妄語), Không được uống rượu bia (不飲酒), (vi) Không đeo hoa thơm, không bôi hương liệu (不著香花鬘, 不香塗身), (vii) Không được ca múa, chơi các nhạc cụ, không đến xem nghe (不歌舞倡妓, 不往觀聽), (viii) Không được ngồi giường lớn, cao, rộng (不坐高廣大床), (ix) Không ăn trái giờ (不非時食), (x) Không được cầm giữ vàng bạc đồ quý (不捉持生像金銀寶物). Ở ngữ cảnh này, mười giới có phạm vi khá rộng, có thể chỉ cho mười giới trọng của giới Bồ-tát, hoặc mười nghiệp thiện: (i) Không được giết hại (不殺生), (ii) Không được trộm cắp (不偷盜), (iii) Không được tà dâm (不邪淫), (iv) Không được nói dối (不妄語), (v) Không lưỡi đôi chiều (不兩舌), (vi) Không nói lời ác (不惡口), (vii) Không nói thêu dệt (不綺語), (viii) Không được tham dục (不貪欲), (ix) Không được giận hờn (不瞋恚), (x) Không được tà kiến (不邪見).

⁷⁶ Thất nghịch (七逆), bảy tội nghịch ác, bao gồm: (i) Làm thân Phật chảy máu (出佛身血), (ii) Giết cha (殺父), (iii) Giết mẹ (殺母), (iv) Giết Hòa thượng (殺和尚), (v) Giết A-xà-lê (殺阿闍黎), (vi) Phá hoại Tăng đoàn biểu quyết và quay bánh xe chân lý

tám nạn.⁷⁷ [Bồ-tát theo lý] nên dạy mọi người phương pháp sám hối. Trái lại Bồ-tát không dạy sám hối, không những chung sống với họ trong lợi dưỡng của Tăng đoàn mà còn cùng họ bỏ-tát, sống cùng tập thể, nói về giới luật, không tố giác tội, dạy phép hối lỗi thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ thứ 6: Không thỉnh cầu pháp

[1005b22] Nếu Phật tử nào thấy vị pháp sư, bạn cùng tu học,⁷⁸ người cùng hiểu biết,⁷⁹ những người đồng hành⁸⁰ theo pháp Đại thừa,⁸¹ đi vào

(破羯磨轉法輪僧), (vii) Giết thánh nhân (殺聖人).

⁷⁷ Tám nạn (八難), tám khó nạn gây trở ngại cho việc tu đạo, bao gồm: (i) Địa ngục (地獄), (ii) Súc sinh (畜生), (iii) Nga quỷ (餓鬼), (iv) Cõi trời Trường Thọ (長壽天), (v) Sống ở châu Bắc Cu-lô (北俱盧洲), (vi) Đuôi, điếc và câm (盲聾瘖啞), (vii) Thế trí biện thông (世智辯聰), (viii) Sinh ra trước thời Phật hoặc sau thời Phật (生在佛前佛後).

⁷⁸ Đồng học (同學), người cùng học với mình. Ngoài ra, thuật ngữ này được dùng cho bạn học cùng lớp ở thế tục. Như *Phẩm Bồ-tát* (菩薩品), thuộc *Kinh Duy-ma-cật* (維摩詰經) ghi: “Vui gần bạn học” (樂近同學, lạc cận đồng học).

⁷⁹ Đồng kiến (同見), người có cùng sự hiểu biết.

⁸⁰ Đồng hạnh (S. *sāhacarya*, 同行), người có cùng chí hướng tu đạo và học Phật.

⁸¹ Đại thừa (S. *mahāyāna*, 大乘), cỗ xe lớn, còn gọi là “thượng thừa” (上乘), “thắng thừa” (勝乘), “đệ nhất thừa” (第一乘). Thuật ngữ này chỉ cho giáo pháp đưa con người từ bến mê này sang bờ giác ngộ tối cao, mở ra trí tuệ trọn vẹn, nhập thế cứu đời, làm lợi ích cho mọi người, dẫn dắt mọi người hướng đến quả vị cao nhất là quả Phật. Đại thừa còn là khái niệm ngược với Tiểu thừa (S. *hīnayāna*, 小乘) như *Phẩm thí dụ* (譬喻品) thuộc *Kinh Pháp Hoa* (法華經) ghi: “Nếu có chúng sinh nghe pháp, tin nhận từ Phật Thế Tôn, siêng tu tinh tấn, cầu nhất thiết trí, trí tuệ của Phật, trí tuệ tự nhiên, trí tuệ vô sư, tri kiến Như Lai, lực, vô sở úy, thương xót, nhớ nghĩ, làm an vui cho vô số chúng sinh, lợi ích trời người, độ thoát tất cả, gọi là Đại thừa. Bồ-tát nào cầu Đại thừa thì gọi vị ấy là đại Bồ-tát.” (若有眾生從佛世尊聞法信受, 勤修精進, 求一切智、佛智、自然智、無師智、如來知見、力、無所畏, 愍念安樂無量眾生利益天人度脫一切, 是名大乘, 菩薩求此乘故名為摩訶薩, 無著 hữu chúng sinh tùng Phật Thế Tôn văn pháp tín thọ, cần tu tinh tấn, cầu nhất thiết trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, Như Lai tri kiến, lực, vô sở úy, mãn niệm an lạc vô lượng chúng sinh lợi ích thiên nhân độ thoát nhất thiết, thị danh Đại thừa, Bồ-tát cầu thử thừa cố danh vi Ma-ha-tát).

Tăng xá, chỗ ở,⁸² thành thị,⁸³ dù xa trăm dặm, hay là ngàn dặm thì phải lập tức đứng dậy nghênh đón; khi đi tiễn đưa, lễ lạy cúng dường. Mỗi ngày cúng dường vào ba thời điểm,⁸⁴ giá ăn một ngày bằng ba lượng vàng, ẩm thực trăm vị, giường nằm, ghé ngồi, thuốc men, phụng sự, tất cả nhu cầu đều cung ứng đủ cho vị pháp sư. [Bồ-tát] thường thỉnh pháp sư nói pháp trong ba thời điểm, hằng ngày lễ lạy trong ba thời điểm, không sinh tâm giận, không tâm buồn rầu, bỏ thân vì pháp, thỉnh pháp không chán. Nếu không vậy thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ thứ 7:⁸⁵ Không đi nghe pháp

[1005b29] Nếu Phật tử là Bồ-tát mới tu⁸⁶ nên đem quyển kinh đến chỗ pháp sư nghe giảng, thưa hỏi ở khắp đạo tràng có giảng dạy về kinh, luật, tỳ-ni⁸⁷ và chỗ giảng pháp trong ngôi nhà lớn.⁸⁸ Tất cả các chỗ giảng dạy Phật pháp như dưới gốc cây, rừng núi hoặc trong Tăng xá đều đến

⁸² Xá trạch (舍宅) chỉ cho nhà hoặc chỗ ở được dâng cúng để xây chùa.

⁸³ Thành ấp (城邑), thành thị, thành phố.

⁸⁴ Tam thời (三時), ba thời điểm: (i) Sáng sớm (晨朝, thần triều); (ii) Buổi trưa (日中), buổi trưa, giữa ngày; (iii) Lúc chiều tà (黃昏, hoàng hôn).

⁸⁵ Điều khoản giới này có nội dung chính tương tự với giới nhẹ 8 của *Kinh giới Ưu-bà-tắc* ở chỗ không đi nghe pháp.

⁸⁶ Tân học Bồ-tát (新學菩薩), người mới tiếp nhận giới Bồ-tát và tu học theo hạnh Bồ-tát.

⁸⁷ Tỳ-ni (P=S. *vinaya*, 毘尼) còn gọi “tỳ-nại-da” (毘奈耶) tức giới luật.

⁸⁸ Đại trạch xá (大宅舍), ngôi nhà lớn.

nghe giảng. Nếu không đến đó nghe giảng Phật pháp thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ thứ 8: Không phản Đại thừa

[1005c05] Nếu Phật tử nào có tâm trái ngược đạo lý Đại thừa, thường nói kinh, luật chẳng phải Phật nói mà lại thọ trì [giáo pháp] Thanh văn thuộc hàng Nhị thừa, kinh luật tà kiến, cái thấy xấu ác và các giới cấm của nhóm ngoại đạo⁸⁹ thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ thứ 9:⁹⁰ Không bỏ người bệnh

[1005c08] Nếu Phật tử nào thấy những người thân đang bị bệnh tật, thường nên cúng dường như Phật không khác. Trong tám ruộng phước, ruộng phước chăm sóc bệnh là bậc nhất. Nếu như cha mẹ, thầy tổ, đệ tử, thân mang bệnh tật, giác quan không đủ,⁹¹ trầm bệnh khổ sâu, nuôi cho hết bệnh, trái lại Bò-tát dùng tâm xấu ác, giận hờn, không đến Tăng xá, thành thị, núi rừng hoang dã, trên các tuyến đường, thấy bệnh không cứu thì phạm tội nhẹ.

⁸⁹ Ngoại đạo ác kiến, nhất thiết cấm giới (外道惡見、一切禁戒), tất cả giới cấm và cái thấy xấu ác của nhóm ngoại đạo.

⁹⁰ Điều khoản giới này có hai chi tiết thuộc phần hai tám giới nhẹ trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*: (i) Chăm sóc người bị bệnh tật (giới nhẹ 3), (ii) Gặp bệnh nhân trên các tuyến đường (giới nhẹ 28).

⁹¹ Chư căn bất cụ (諸根不具) chỉ cho thiếu mất một trong sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý và chi phần trên thân.

Giới nhẹ thứ 10: Không giữ hung khí

[1005c14] Nếu là Phật tử thì không cất giữ vũ khí chiến đấu: Dao, gậy, cung tên, cái giáo, cái rìu và các dụng cụ giết hại sự sống như mạng lưới ác. [Tu hạnh] Bồ-tát dù cha mẹ mình [bị người] giết hại, còn không báo thù, huống hồ đối với các chúng sinh khác. Nếu cố ý giữ các thứ dao, gậy thì phạm tội nhẹ.

[Này các Phật tử], mười giới trên đây, cần phải học tập, vâng lời làm theo với tâm cung kính. Sáu phẩm sau sẽ nói rộng hơn.

Giới nhẹ 11: Không làm sứ giả

[1005c20] Phật dạy như sau: “Phật tử không được vì sự lợi dưỡng dùng các tâm ác, trình quan sứ giả⁹² ra lệnh họp mặt quân trận [hai nước], cùng khởi binh giết vô số sinh linh. Trái lại Bồ-tát không được đi đến bên trong quân trại, huống hồ cố ý làm người phản quốc.⁹³ Nếu cố ý làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 12: Không được buôn bán

[1005c24] Nếu Phật tử nào cố ý buôn bán người

⁹² Quốc sứ (國使), quan sứ giả, sứ thần. Theo nghĩa thông thường, sứ giả là người được phái đi các nước lân bang, làm việc ngoại giao, xây dựng tình hữu nghị giữa hai quốc gia. Trong ngữ cảnh trên, sứ giả chỉ cho người làm gián điệp, được nước nhà phái đi, nhằm nắm tình hình quân cơ, âm thầm phá hoại sự hòa bình của nước địch. Việc làm này trái với tinh thần tu hạnh Bồ-tát nên đức Phật cấm.

⁹³ Quốc tặc (國賊), giặc của đất nước, người phản quốc.

tốt, nô tỳ, sáu loài gia súc,⁹⁴ trao đổi các loại ván gỗ quan tài chôn cất người chết.⁹⁵ [Bồ-tát theo lý] còn không tự làm, hướng dạy người làm. Nếu cố ý làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 13: Không được vu khống

[1006a02] Nếu Phật tử nào với tâm xấu ác, không có chuyện mà vu khống quý nhân, quốc vương, thầy tổ, pháp sư, người hiền, nói lời như sau: “Người đã phạm vào bảy tội nghịch ác và mười giới trọng.” [Bồ-tát theo lý] khởi tâm từ bi và tâm hiếu thuận đối với cha mẹ, họ hàng, thân thuộc, cũng như anh em, trái lại phản nghịch, gây hại [người khác] nên đọa vào chỗ không được như ý thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 14: Không được phóng hỏa

[1006a06] Nếu Phật tử nào gây hỏa hoạn lớn, thiêu cháy rừng núi và nơi hoang dã với tâm xấu ác, không được cố ý thiêu đốt gia đình, nhà cửa người khác, thành thị, Tăng xá, ruộng cây, đồ đạc của quan, quý thần, tất cả đồ vật có chủ sở hữu,

⁹⁴ Lục súc (六畜), sáu loài gia súc: Heo (猪), bò (牛), dê (羊), ngựa (馬), gà (雞), chó (狗).

⁹⁵ Có ít nhất hai lý do tại sao đức Phật không cho buôn bán, trao đổi quan tài: (i) Nếu tu sĩ dẫn thân vào công việc này rất dễ bị mọi người nghĩ rằng công việc của Sa-môn và người thế tục có gì khác nhau, chỉ có khác nhau về ngoại hình. (ii) Việc dẫn thân kinh doanh quan tài muốn được bán đắt thì người bán phải có tâm mong nhiều người chết đi và đây là việc làm trái với tâm từ bi của Bồ-tát.

từ tháng bốn đến tháng chín [âm lịch].⁹⁶ Nếu cố ý đốt thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 15: Không dạy pháp ngoài

[1006a10] Nếu là Phật tử thường phải dạy bảo cho từng người một, từ đệ tử Phật, những người ngoại đạo, họ hàng, thân thuộc, thiện hữu tri thức thọ trì kinh luật của phái Đại thừa, cần dạy cho hiểu nghĩa lý bên trong, giúp họ phát khởi tâm bồ-đề lớn, mười tâm phát thú, mười tâm trưởng dưỡng, mười tâm kim cương. [Bồ-tát theo lý] chỉ dạy từng điều về sự vận dụng ba mươi tâm đó. Trái lại [Bồ-tát] dạy ngang⁹⁷ cho người kinh luật Thanh Văn thuộc bậc nhị thừa⁹⁸ và các luận

⁹⁶ Tứ nguyệt nãi chí cửu nguyệt (四月乃至九月), từ tháng 4 cho đến tháng 9 âm lịch. Khoảng thời gian này, có nhiều sâu bọ, cầm thú sinh sản, cây cỏ mọc sum suê. Nếu phóng hỏa thiêu đốt sẽ gây chết nhiều loài chúng sinh.

⁹⁷ Dạy ngang (橫教, hoành giáo), dạy những điều không chân thật, trái với chân lý, điều nên dạy không dạy và ngược lại. Người học muốn học các pháp lớn thì mình đi dạy các pháp nhỏ và ngược lại. Dạy không đúng theo căn cơ như người bác sĩ cho không đúng thuốc.

⁹⁸ Nhị thừa Thanh văn kinh luật (二乘聲聞經律), kinh luật của Thanh văn của bậc Nhị thừa gồm Thanh văn thừa (聲聞乘) và Duyên giác thừa (緣覺乘). Kinh ở đây chỉ cho bốn bộ A-hàm. Giới luật bao gồm: (i) Năm chương (五篇, ngũ thiên), (ii) Bảy nhóm (七聚, thất tụ). Năm chương bao gồm: (i) Tội trục xuất (P. *pārājika*, S. *pārājika*, 驅擯), (ii) Tội Tăng tàn (P. *saṅghādisesa*, S. *saṅghāvaśeṣa*, 僧殘), (iii) Tội sám hối (P. *pācittiya*, *pācittika*, S. *pāyattika*, 懺悔), (iv) Hối lỗi (P. *pātidesaṇīya*, S. *pratidesaṇīya*, 悔過), (v) Tội đột-kiết-la (P. *dukkāṭa*, S. *duṣṣṛta*, 突吉羅). Bảy nhóm bao gồm: (i) Tội trục xuất (P. *pārājika*, S. *pārājika*, 驅擯), (ii) Tội Tăng tàn (P. *saṅghādisesa*, S. *saṅghāvaśeṣa*, 僧殘), (iii) Tội thân-lan-giá (P. *thūlaccaya*, S. *sthūlātyaya*, 偷蘭遮), (iv) Tội sám hối (P. *pācittiya*, *pācittika*, S. *pāyattika*, 懺悔), (v) Hối lỗi (P. *pātidesaṇīya*, S. *pratidesaṇīya*, 悔過), (vi) Tội đột-kiết-la (P. *dukkāṭa*, S. *duṣṣṛta*, 突吉羅), (vii) Tội ác ngữ (P. *dubbhāsita*, 惡語).

thuyết tà kiến ngoại đạo⁹⁹ bằng tâm xấu ác¹⁰⁰ và tâm giận hờn¹⁰¹ thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 16: Không đảo kinh luật

[1006a16] Nếu là Phật tử trước tiên nên học kinh luật, oai nghi của phái Đại thừa¹⁰² với tâm ý tốt,¹⁰³ thông đạt, hiểu thấu, nghĩa lý thú vị, rất là sâu xa.¹⁰⁴ [Bồ-tát] thấy người lớp sau từ xa trăm dặm, nghìn dặm đến đây, cầu học kinh luật Phật giáo Đại thừa, nên đứng theo pháp, giảng về khổ hạnh như đốt thân thể và đốt ngón tay. Nếu không đốt vậy cúng dường các Phật thì chẳng phải là Bồ-tát xuất gia. Cho đến xả bỏ tay chân và thịt ở trên thân thể mà bố thí cho sư tử, sói, hổ và các quỷ đói.¹⁰⁵ Sau đó lần lượt giảng cho họ biết chân lý đúng đắn để tâm ý được thông suốt hiểu rõ. Trái lại, Bồ-tát vì lợi dưỡng nên điều cần trả lời thì không trả lời, đảo trật tự dạy câu chữ kinh luật không theo thứ tự, vu khống đây là lời Tam bảo dạy thì phạm tội nhẹ.

⁹⁹ Ngoại đạo tà kiến luận (外道邪見論), các luận thuyết tà kiến của các tôn giáo.

¹⁰⁰ Ác tâm (惡心), tâm xấu ác. Ở ngữ cảnh này chỉ cho việc người đó có những ý nghĩ bất thiện muốn đẩy người vào con đường tà.

¹⁰¹ Sân tâm (瞋心), tâm sân giận, tâm giận hờn.

¹⁰² Trước tiên nên học kinh luật và oai nghi của Đại thừa (先學大乘威儀經律, tiên học Đại thừa oai nghi kinh luật) nhằm nâng cao việc tu học của bản thân, là nền tảng cho việc lợi ích người khác ở hiện tại và tương lai.

¹⁰³ Tâm ý tốt (好心, hảo tâm), tâm cao thượng với thái độ trên cầu Phật đạo, dưới độ quần sinh, lợi mình và lợi ích người khác.

¹⁰⁴ Quảng khai giải nghĩa vị (廣開解義味), thông đạt thấu hiểu nghĩa lý thú vị sâu xa của kinh luật từ đại cương đến chi tiết.

¹⁰⁵ Quỷ đói (S. *Preta*, P. *Peta*, 餓鬼, nga quỷ).

Giới nhẹ 17: Không cậy quyền thế

[1006a25] Nếu Phật tử nào vì sự ăn uống, tiền của, lợi dưỡng, hay vì tiếng tăm nên đến gần gũi quốc vương, hoàng tử, đại thần, bá quan, cậy vào quyền thế, xin xỏ bằng việc lôi kéo, đánh đập [thương tổn] người khác,¹⁰⁶ lấy tiền tài người và các cầu lợi một cách ngang ngược gọi là “cầu ác,”¹⁰⁷ cầu xin nhiều lần,¹⁰⁸ dạy người khác xin... đều được gọi là tâm không từ bi, tâm không hiếu thuận. [Bồ-tát làm vậy] thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 18: Không được chưa hiểu mà đi làm thầy

[1006b01] Nếu Phật tử nào học tụng giới luật, ngày đêm sáu thời giữ giới Bồ-tát, hiểu rõ nghĩa lý tự tính giác ngộ.¹⁰⁹ Trái lại, Bồ-tát do không hiểu rõ một câu, một kệ trong kinh và luật, dối rằng đã hiểu. Việc này chính là gạt mình, gạt người. [Bồ-tát] không hiểu lần lượt từng điều trong tất cả pháp, làm thầy truyền giới cho những người khác thì phạm tội nhẹ.

¹⁰⁶ Khất sách đả phách khiên vãn (乞索打拍牽挽), việc xin xỏ được phẩm vật bằng sự đánh đập, lôi kéo người khác để ra oai và bức hiếp, chứ không xuất phát từ sự tự nguyện của người cúng dâng.

¹⁰⁷ Ác cầu (惡求), cầu mong xấu, mong muốn từ động cơ không tốt.

¹⁰⁸ Đa cầu (多求), xin không biết chán, không biết đủ.

¹⁰⁹ Phật tánh (佛性), tính Phật, tính giác ngộ như tiềm năng trong tất cả chúng sinh. *Kinh Niết-bàn* (涅槃經) ghi: “Phật tánh giả tức đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không giả danh vi trung đạo. Trung đạo giả danh vi Phật tánh. Phật tánh giả danh đại niết-bàn.” (佛性者，即第一義空。第一義空者，名為中道。中道者，名為佛性。佛性者，名大涅槃).

Giới nhẹ 19: Không lưỡng đôi chiều

[1006b06] Nếu Phật tử nào với tâm xấu ác¹¹⁰ nhìn thấy có thầy Tỳ-kheo giữ giới tay bung lò hương,¹¹¹ tu hạnh Bồ-tát thì gây tranh đấu,¹¹² chia rẽ hai bên,¹¹³ vu không Thánh hiền, không điều ác gì mà không gây tạo. Nếu cố ý làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 20: Không bỏ sự sống

[1006b09] Nếu Phật tử nào làm việc phóng sinh với tâm thương yêu, [hiểu các kiếp trước], tất cả người nam từng là cha ta, tất cả người nữ từng là mẹ ta; không có người nào mà chưa sinh ta trong nhiều đời trước. Vì thế, chúng sinh ở trong sáu nẻo là cha mẹ ta mà giết để ăn, cũng chẳng khác nào giết cha, giết mẹ, giết người thân cũ trong những kiếp trước. Thân trước của ta [được cấu tạo bởi] đất, nước, lửa, gió.¹¹⁴ Vì thế [ta nên] thường xuyên phóng sinh. Đời đời được sinh

¹¹⁰ Tâm xấu ác (惡心, ác tâm) gồm hai yếu tố: (i) Giận tức khi người khác hòa hợp, (ii) Ganh tỵ với người khác về đọa đức thánh thiện.

¹¹¹ Tay bung lò hương (手捉香爐, thủ tróc lò hương) tượng trưng cho tay nâng năm phần hương pháp thân (五分法身香), gồm: (i) Giới hương (戒香), (ii) Định hương (定香), (iii) Tuệ hương (慧香), (iv) Giải thoát hương (解脫香), (v) Giải thoát tri kiến hương (解脫知見香).

¹¹² Đấu (鬪), tạo ra tranh đấu.

¹¹³ Cấu lưỡng đầu (構兩頭), gây chia rẽ hai bên bằng việc đem chuyện đầu này kể đầu kia nghe và ngược lại.

¹¹⁴ Nhất thiết địa thủy thị ngã tiên thân. Nhất thiết hỏa phong thị ngã bản thể (一切地水是我先身, 一切火風是我本體), tất cả đất và nước đều là thân trước của ta. Tất cả lửa và gió là bản thể của ta.

trong pháp thường trụ, dạy người phóng sinh. Nếu thấy người đời giết hại động vật nên dùng mọi cách cứu hộ, hóa giải khổ nạn của chúng, thường xuyên giáo hóa, giảng giới Bồ-tát, cứu độ chúng sinh. Vào ngày giỗ của cha mẹ, anh em, [bà con, họ hàng] thì nên cung thỉnh pháp sư giảng dạy *Kinh Bồ-tát giới* để người đã chết hưởng một phần phước,¹¹⁵ được thấy các Phật, sinh cõi trời, người. Nếu [Bồ-tát nào] không làm như vậy thì phạm tội nhẹ.

Mười giới như vậy cần phải tu học, vâng lời làm theo với tâm cung kính. Về mỗi một giới như được nói rõ trong *phẩm Diệt tội*.

Giới nhẹ 21: Không trả thù hận

[1006b21] Đức Phật dạy rằng Phật tử không được đáp trả sân giận bằng sự sân giận, đáp trả đánh đập bằng sự đánh đập. Ngay cả trường hợp, cha mẹ, anh em, họ hàng, bà con bị người khác giết, không được báo thù. Nếu vua một nước bị người khác giết cũng không báo thù. Đáp trả bạo lực bằng giết hại là không thuận hiếu đạo. Không

¹¹⁵ Phước tư vong giả (福資亡者), tặng phước cho người đã khuất. Thành ngữ này giống với lời dạy *Lợi ích kẻ còn người mất* (利益存亡) thuộc phẩm thứ 7 trong *Kinh Địa Tạng*. Việc thỉnh Tăng đoàn về tư gia, khai thị gia đình mình nhằm gieo hạt giống Phật trong lòng người sống, giúp họ bớt khổ đau, sống có giá trị hơn qua việc tu tạo phước đức. Việc này giúp cho người chết được hưởng một phần phước do người thân gây tạo.

nuôi nô tỳ, đánh đập, chửi nhục. Hằng ngày dấy khởi ba nghiệp bất thiện, trong đó cái miệng mắc vô số tội, huống hồ cố ý tạo bảy tội nghịch. Bồ-tát xuất gia không có tâm thù, cố ý trả thù, dù vì bà con thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 22: Không khinh người, pháp

[1006b27] Nếu Phật tử nào, lúc mới xuất gia, chưa hiểu gì hết mà tự ý vào thông minh có trí, tuổi cao, quý phái, dòng tộc danh giá, gia đình quyền quý, học rộng hiểu nhiều, phước lớn, giàu có, đủ bảy thứ báu; với kiêu mạn này mà không tiếp nhận, học hỏi kinh luật của vị pháp sư đã học trước đó. Vị pháp sư đó tuy tuổi nhỏ hơn, dòng tộc thấp hèn, gia đình nghèo khổ, giác quan không đủ nhưng thật có đức, thông suốt hiểu rõ tất cả kinh luật. Bồ-tát mới học không được đánh giá pháp sư đó về giai cấp, dòng tộc mà không đến đây thưa hỏi, tiếp nhận chân lý tuyệt đối¹¹⁶ thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 23: Không khinh mới học

[1006c05] Nếu Phật tử nào, khi Phật qua đời¹¹⁷

¹¹⁶ Đệ nhất nghĩa đế (P. *paramattha sacca*, S. *paramārtha satya*, 第一義諦), chân lý tuyệt đối.

¹¹⁷ Niết-bàn (P. *nibbāna*, S. *nirvana*, 涅槃), trạng thái an lạc tuyệt đối, do chấm dứt toàn bộ khổ đau và nguyên nhân khổ đau. Người chứng đạt niết-bàn là người giác ngộ gồm các quả A-la-hán, Bồ-tát và Phật. Từ “nhập niết-bàn” còn gọi là “diệt độ” (滅度), có nghĩa là sự qua đời của bậc giác ngộ, không còn trôi lăn sinh tử luân hồi.

dù tâm tham lam hay tâm ý tốt, thọ giới Bồ-tát, phát lời nguyện rằng thọ giới trước hình tượng Phật, Bồ-tát, sám hối trước Phật trong suốt bảy ngày. Nếu thấy điềm lành¹¹⁸ thì đạt được giới. Nếu chưa thấy được thì nên sám hối suốt mười bốn ngày,¹¹⁹ hai mươi một ngày cho đến một năm sẽ thấy điềm tốt. Sau khi thấy xong thì được thọ giới ở trước hình tượng Phật và Bồ-tát. Không thấy điềm tốt dù được thọ giới trước hình tượng Phật cũng không đắc giới. Nếu thọ giới trước mặt pháp sư đã thọ giới Bồ-tát, không cần điềm lành.

Vì sao như vậy? Vì pháp sư được truyền dạy cho nhau,¹²⁰ không cần điềm lành. Hãy thọ giới trước vị pháp sư này và tâm kính trọng¹²¹ thì sẽ đắc giới. Nếu trong ngàn dặm mà không có thầy truyền giới Bồ-tát thì được thọ giới ở trước hình tượng Phật và Bồ-tát nhưng cần phải thấy được điềm tốt lành. Nếu pháp sư nào ỷ mình thông suốt, hiểu thấu kinh luật, giới luật Đại thừa, kết bạn tốt với quốc vương, thái tử, bá quan [văn võ], còn [đối với] các Bồ-tát mới học, đi đến chỗ

¹¹⁸ Điềm lành (好相, hảo tướng), thấy hoa, thấy ánh sáng, thấy Phật, Bồ-tát xoa đầu v.v... trong lúc nằm mơ, hoặc trong thiền định, hoặc lúc sám hối.

¹¹⁹ Nhị thất (二七), mười bốn ngày. Tương tự, hai mươi một ngày là tam thất (三七).

¹²⁰ Sư sư tương thụ (師師相授), thầy thầy truyền nhau. Mạng mạch Như Lai được truyền từ đời này đến đời khác là nhờ sự truyền bá chân lý của các Tăng sĩ.

¹²¹ Tâm kính trọng (重心, trọng tâm), bầy tỏ tâm chí thành, tha thiết, khó mà gặp được để tâm được phát khởi lớn như mảnh đất rộng mênh mông.

mình hỏi về nghĩa kinh, giới luật, oai nghi lại không trả lời rành mạch từng điều với tâm xem thường,¹²² xấu ác,¹²³ kiêu mạn¹²⁴ thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 24: Không bỏ kim cương¹²⁵

[1006c19] Nếu Phật tử nào có các kinh luật, chánh pháp Đại thừa, chánh kiến,¹²⁶ chánh tính¹²⁷ và chánh pháp thân¹²⁸ của Phật [truyền trao] nhưng lại không thể siêng học, tu tập, bỏ bảy thứ báu,¹²⁹ trái lại học theo cái thấy lệch lạc, giáo pháp Nhị

¹²² Tâm xem thường (輕心, khinh tâm) ở ngữ cảnh này là xem thường người mới học, do ý bản thân mình có quen biết những người có quyền thế và tài hiểu thấu kinh luật nên thấy những câu hỏi của người đặt ra là quá tầm thường.

¹²³ Tâm xấu ác (惡心, ác tâm) ở ngữ cảnh này là xuất phát từ tâm bần xỉn không muốn chia sẻ những điều hay cho người khác và tâm ganh tỵ do sợ người khác sẽ học giỏi hơn mình.

¹²⁴ Tâm kiêu mạn (慢心, mạn tâm) ở ngữ cảnh này chỉ cho việc ý vào mình có phước huệ nên cống cao, ngạo mạn.

¹²⁵ Kim cương mà tôi sử dụng ở đây là chỉ cho những giáo pháp cao thượng.

¹²⁶ Chánh kiến (正見), tầm nhìn chân chính, thấy biết đúng đắn, xa lìa mọi sự điên đảo. Tuy nhiên, ở ngữ cảnh này là cái thấy trọn vẹn về cội nguồn mảnh đất tâm.

¹²⁷ Chánh tính (*samyaktva*, 正性), theo *Duy thức học* (唯識學) gọi là bản tính của Thánh (聖性, Thánh tính) tức dùng hạt giống của trí vô lậu để làm bản thể mang tính chất của bậc Thánh, đang khi *Luận Câu-xá* (俱舍論) gọi là bản tính đúng đắn qua việc xa lìa hết phiền não.

¹²⁸ Chánh pháp thân (正法身), do hành giả ngộ được tự tính mà tu vô số công hạnh thuộc sáu hoàn hảo (ba-la-mật), chứng thể tánh nhiệm mầu (妙體, diệu thể) bởi công đức đạt được từ kết quả cũng như giác ngộ (果德, quả đức) mang tính chân thật và thường hằng (真常, chân thường).

¹²⁹ Bảy thứ báu (七寶, thất bảo). Các kinh luận Phật giáo liệt kê không giống nhau. Như *Phẩm Thọ ký* thứ sáu thuộc *Kinh Pháp Hoa*: “Được hợp thành bởi bảy thứ báu, gồm: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, mai quý” (金、銀、琉璃、磔磔、瑪瑙、真珠、玫瑰七寶合成). Trong khi bảy thứ báu trong *Kinh A-di-đà* gồm: vàng (*Suvarṇa*, 金), bạc (*Rūpya*, 銀), lưu ly (*Vaidūrya*, 琉璃), pha lê (*Sphaṭika*, 玻璃), xa cừ (*Musāra-galva*, 磔磔), xích châu (*Rohita-mukta*, 赤珠), mã não (*Aśmagarbha*, 瑪瑙). *Luận Đại trí độ*, quyển 10, đưa ra bảy thứ báu gồm vàng (金), bạc (銀), tỳ lưu ly (毗琉璃), pha lê (頗梨), xà cừ (車渠), mã não (馬瑙), chân châu đỏ (赤真珠).

thừa, các nhóm ngoại đạo, sách vở thế tục,¹³⁰ *Luận A-tỳ-đàm*,¹³¹ kinh sách ngoại đạo¹³² và sách vở¹³³ khác. Vì những thứ này làm đứt tánh Phật, ngăn che đường Thánh, chẳng phải là cách hành Bồ-tát đạo. Nếu ai cố làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 25: Không hiểu sai người

[1006c24] Nếu Phật tử nào, khi Phật qua đời, làm người đứng đầu [trong các lĩnh vực]: Làm thầy quản chúng,¹³⁴ nói pháp,¹³⁵ giảng luật,¹³⁶ giáo hóa,¹³⁷ ngồi thiền¹³⁸ và việc đi lại¹³⁹ nên khởi tâm từ, khéo léo trong việc hòa giải tranh cãi, giữ đồ Tam bảo, không dùng hoang phí cho bản thân mình. Trái lại, [Bồ-tát] gây loạn, tranh

¹³⁰ Tục điển (俗典) chỉ cho các sách bàn về các sự việc của thế tục.

¹³¹ A-tỳ-đàm (S. *Abhidharma*, P. *Abhidhamma*, 阿毘曇) còn được phiên âm là A-tỳ-đạt-ma, tức luận tạng của Thượng tọa bộ, thường được dịch là Vô tỷ pháp (無比法). Theo Kinh Luận của Đại thừa thì A-tỳ-đàm chỉ mới dừng lại ở quả vị A-la-hán, đang khi Bồ-tát đạo hướng đến các quả vị Bồ-tát và cuối cùng là thành Phật. Thực ra, công tâm mà nói, việc các Tăng Ni và Phật tử đọc hiểu và thực hành A-tỳ-đàm có khả năng khai sáng, giải ngộ và giải thoát.

¹³² Tạp luận (雜論), các luận kiến, học thuyết của nhóm ngoại đạo.

¹³³ Thư ký (書記), sách chứa những lời bàn của các tôn giáo khác.

¹³⁴ Tăng phưởng chủ (僧房主) chỉ cho thầy trụ trì, giám tự, thầy quản chúng, sắp xếp chuyện nội trú cho các thành viên Tăng đoàn.

¹³⁵ Thuyết pháp chủ (說法主), giảng sư, pháp sư. Thầy/Sư cô này chủ yếu thay đức Phật tuyên giảng chân lý.

¹³⁶ Hành pháp chủ (行法主) chỉ cho luật sư, người nắm vững thanh quy trong chùa, giúp mọi người hành xử đúng theo giới luật Phật dạy.

¹³⁷ Giáo hóa chủ (教化主), thầy/ sư cô đứng đầu trong việc khuyến hóa người khác tu các điều phước.

¹³⁸ Tọa thiền chủ (坐禪主), thầy/ sư cô đứng đầu trong việc hướng dẫn mọi người thực tập thiền.

¹³⁹ Hành lai chủ (行來主), thầy/ sư cô nắm rõ thành viên Tăng đoàn ra vào, tới lui và các vị khách.

chấp đối với mọi người, tùy tiện sử dụng đồ của Tam bảo thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 26: Không nhận riêng mình

[1007a03] Nếu Phật tử nào, lúc trước sống trong các phòng Tăng xá, sau thấy Tỳ-kheo, Bồ-tát làm khách đến ở Tăng xá,¹⁴⁰ thành thị, nhà của Tăng sĩ,¹⁴¹ hay của quốc vương,¹⁴² ngồi ở trong đó an cư mùa mưa¹⁴³ hay trong đại hội.¹⁴⁴ Tăng sĩ ở trước nên đón, tiễn đi, cúng dường ẩm thực, dâng cho mọi thứ giường dây, phòng xá và dụng cụ nằm.¹⁴⁵ [cho vị Tăng khách]. Nếu không có đồ nên bán thân mình và con cái mình [phát tâm] cúng dâng, đồng thời cung ứng những thứ cần thiết. Nếu có thí chủ¹⁴⁶ đến thỉnh Tăng đoàn thì Tăng làm khách có phần lợi dưỡng,¹⁴⁷ trưởng phòng Tăng xá nên tuần tự bảo các vị Tăng khách hãy nhận lời mời; trái lại thầy đó nhận lời

¹⁴⁰ Tăng-già-lam-ma (S=P. *Saṅghārāma*, 僧伽藍摩), Tăng-già-lam (僧伽藍), gọi tắt là Già-lam (伽藍), thường dịch là Tăng viên (僧園), Tăng viện (僧院), Chúng viên (眾園) là nơi thanh tịnh, vắng vẻ thích hợp cho Tăng đoàn tu tập.

¹⁴¹ Xá trạch (舍宅) chỉ cho nhà hoặc chỗ ở được dâng cúng để xây chùa.

¹⁴² Quốc vương xá trạch (國王舍宅) chỉ cho nhà mà vua xây cho Tăng đoàn.

¹⁴³ Chỗ an cư mùa mưa (夏坐安居處, Hạ tọa an cư xứ) chỉ cho chỗ mà vua, quan thân, thí chủ thỉnh Tăng đoàn an cư mùa mưa trong ba tháng.

¹⁴⁴ Đại hội (大會) gồm ba ngày (mùng 1, mùng 8 và 15) trong mỗi tháng của người Ấn-độ thời cổ đại.

¹⁴⁵ Ngọa cụ (P. *sayanāsana*, S. *śayanāsana*, 臥具), dụng cụ nằm.

¹⁴⁶ Đàn-việt (S. *dānapati*, 檀越), thí chủ (施主), người làm việc thiện, bố thí người nghèo, cúng dường Tam bảo.

¹⁴⁷ Hữu lợi dưỡng phần (有利養分), được phần cúng. Nghĩa là tất cả thành viên Tăng đoàn dù phạm Tăng hay Thánh Tăng, người đến trước hay người đến sau, tất cả đều được nhận phẩm vật như thức ăn, pháp y, tài sản từ tín thí một cách bình đẳng.

mời riêng, không nhân Tăng khách. Thầy trưởng phòng đó mắc vô số tội, không khác động vật,¹⁴⁸ chẳng phải Sa-môn¹⁴⁹ cũng chẳng phải là dòng họ Thích-ca.¹⁵⁰ Nếu cố ý làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 27: Không nhận mời riêng

[1007a13] Nếu là Phật tử không được nhận lời thỉnh mời cá nhân, lợi dưỡng cho mình. Vì lợi dưỡng này thuộc mười phương Tăng. Nhận lời mời riêng tức lấy đồ vật của mười phương Tăng thành của riêng mình. Tự mình sử dụng các loại đồ vật trong tám ruộng phước¹⁵¹ của Phật, Thánh nhân, cha mẹ, thầy tổ, cũng như bệnh nhân thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 28: Không thỉnh Tăng riêng

[1007a17] Nếu Phật tử có Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát tại gia và mọi thí chủ vào lúc cầu nguyện, thỉnh ruộng phước Tăng nên vào Tăng xá hỏi thầy tri sư: Nay tôi muốn thỉnh thứ tự từng vị để được

¹⁴⁸ Không khác động vật (畜生無異, súc sinh vô dị) ở ngữ cảnh này chỉ cho vị thầy đến ở trước chỉ biết ăn cho riêng mình mà không biết lễ nghi tiếp khách theo thứ tự.

¹⁴⁹ Phi Sa-môn (非沙門), chẳng phải Sa-môn; trái thông lệ của Tăng sĩ.

¹⁵⁰ Phi Thích chủng tính (非釋種姓), chẳng phải/ mất đi tư cách của Tăng sĩ, chẳng phải đệ tử Phật.

¹⁵¹ Tám loại ruộng phước (八福田, bát phước điền): Đức Phật (佛), Thánh nhân (聖人), Hòa thượng (和尚), thầy giáo thọ (闍梨), Tăng sĩ (僧), cha (父), mẹ (母), bệnh nhân (病人). Trong đó Phật, thánh nhân và Tăng sĩ thuộc “ruộng phước đáng tôn kính” (敬田, kính điền). Hòa thượng, thầy giáo thọ và cha mẹ thuộc “ruộng ân nghĩa” (恩田, ân điền). Bệnh nhân thuộc “ruộng bi cảm” (悲田, bi điền). Sở dĩ gọi là ruộng phước vì nếu ai cúng dường tám hạng người nêu trên thì được phước báo vô lượng.

mười phương các hiền Thánh Tăng. Người đời thường hay thỉnh riêng năm trăm vị A-la-hán và Bồ-tát Tăng, không bằng thỉnh mời một phàm phu Tăng ở trong Tăng đoàn. Nếu ai thỉnh riêng là cách ngoại đạo. Bảy Phật¹⁵² cũng không có pháp thỉnh riêng, không thuận hiểu đạo. Nếu ai cố ý thỉnh Tăng riêng biệt thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 29: Không sống nghề tà

[1007a23] Nếu Phật tử nào vì sự lợi dưỡng buôn bán sắc đẹp của trai và gái với tâm xấu ác, tự chế thức ăn, tự xay, tự giã, bói tướng nam nữ, giải mộng tốt xấu, [đoán thai] trai gái, kỹ xảo chú thuật, phương pháp huấn luyện những con chim ưng, hòa trộn trăm ngàn các thứ thuốc độc như nọc độc rắn, độc vàng bạc sống, độc của sâu bọ, đều không tâm từ. Nếu ai cố làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 30:¹⁵³ Không phạm giới cấm

[1007a28] Nếu Phật tử nào với tâm xấu ác, tự mình vu không ba ngôi tâm linh,¹⁵⁴ giả dạng gần

¹⁵² Bảy đức Phật (七佛, thất Phật) bao gồm: (i) Tỳ-bà-thi Phật (P. *Vipassin*, S. *Vipasyin*, 毘婆尸佛), (ii) Thi-khí Phật (P. *Sikhī*, S. *Sikhin*, 尸棄佛), (iii) Tỳ-xá-bà Phật (P. *Vessabhū*, S. *Viśvabhu*, 毗舍浮佛), (iv) Câu-lưu-tôn Phật (P. *Kakusandha*, S. *Krakucchanda*, 拘留孫佛), (v) Câu-na-hàm Mâu-ni Phật (P. *Koṇāgamana*, S. *Kanakamuni*, 拘那含牟尼佛), (vi) Ca-diếp Phật (P. *Kassapa*, S. *Kāśyapa*, 迦葉佛), (vii) Thích-ca Mâu-ni Phật (P. *Gotama Buddha*, S. *Sākyamuni Buddha*, *Gautama Buddha*, 釋迦牟尼佛).

¹⁵³ Điều khoản giới này được đề cập trong giới nhẹ 7, thuộc Kinh Ưu-bà-tắc giới ở chỗ vi phạm giới luật trong sáu ngày trai.

¹⁵⁴ “Ba ngôi tâm linh” là cụm từ dịch thoát nghĩa của chữ “Tam bảo” (P. *tiratana*, S.

gũ, miệng tuy nói không nhưng làm thì có, quản lý kinh doanh cư sĩ bạch y, làm mai mối cho [cư sĩ] bạch y, đẽ đôi nam nữ, gặp mặt, làm tình, tạo các trói buộc [trong kiếp sinh tử]. Nếu ai sát sinh, trộm cắp, phá trai, vi phạm giới luật trong sáu ngày trai¹⁵⁵ hay ba tháng trai trường kỳ trong năm¹⁵⁶ thì phạm tội nhẹ.

Mười giới như vậy, cần phải tu học, vâng lời làm theo với tâm cung kính. [Từng điều khoản giới] như được nói rõ trong *Phẩm Chế giới*.

Giới nhẹ 31: Không bán hình tượng

[1007b04] Phật dạy: “Phật tử! Khi Phật qua đời, nếu thấy ngoại đạo, những người xấu ác trộm cắp, buôn bán hình tượng cha mẹ, Phật và Bồ-tát, buôn bán kinh luật, buôn bán Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, bán người phát tâm, tu đạo Bồ-tát, hoặc làm sứ thần, làm nô tỳ cho tất cả mọi người trong đời xấu ác. Trái lại Bồ-tát thấy việc này rồi nên khởi tâm từ, tìm cách cứu hộ, giáo hóa mọi nơi, lấy đồ đi chuộc hình tượng đức Phật, Bồ-tát, Tỳ-kheo, hay Tỳ-kheo-ni, Bồ-tát phát tâm, tất cả kinh luật. Nếu không chuộc về thì phạm tội nhẹ.

triratna, 三寶), Ba ngôi báu gồm: đức Phật, giáo pháp và Tăng đoàn.

¹⁵⁵ Sáu ngày trai (六齋日, lục trai nhật) bao gồm: mùng 8, 14, 15, 23, 29 và 30.

¹⁵⁶ Ba tháng trai trường kỳ (三長齋月, tam trường trai nguyệt) bao gồm: tháng một, tháng năm, tháng chín.

Giới nhẹ 32:¹⁵⁷ Không tổn hại người

[1007b11] Nếu là Phật tử thì không được giữ dao, gậy, cung tên, buôn bán cân thiếu, cậy quyền thế quan, lấy tài sản người, ác tâm ràng buộc, phá hỏng thành công, nuôi sống những loài mèo, cáo, heo, chó. Nếu ai cố làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 33: Không nghe nhìn ác

[1007b14] Nếu là Phật tử [thì không được phép] quan sát tranh đấu của nam hoặc nữ, quân trận, binh tướng, hay các giặc cướp v.v... bằng tâm xấu ác. Cũng không được nghe tiếng thổi vỏ sò,¹⁵⁸ ống kèn,¹⁵⁹ đàn cầm,¹⁶⁰ đàn sắt,¹⁶¹ đàn tranh,¹⁶² ống sáo,¹⁶³ đàn không¹⁶⁴ và tiếng ca hát.¹⁶⁵ Không chơi các trò: Sư bò,¹⁶⁶ cờ vây,¹⁶⁷ song lục,¹⁶⁸ lục

¹⁵⁷ Điều khoản giới này có hai chi tiết thuộc phần hai tám giới nhẹ trong *Kinh Ưu-bà-tắc* giới: (i) Không nuôi mèo và cáo (giới nhẹ 15), (ii) Buôn bán cân thiếu (giới nhẹ 19).

¹⁵⁸ Xuy bôi (吹貝), vỏ ốc, vỏ sò.

¹⁵⁹ Cổ giác (鼓角), ống kèn dùng để ra hiệu lệnh trong quân trại.

¹⁶⁰ Cầm (琴), đàn cầm, loại đàn có năm dây hoặc bảy dây.

¹⁶¹ Sắt (瑟), đàn sắt, loại đàn có hai mươi lăm dây.

¹⁶² Tranh (箏), đàn tranh, loại đàn bằng tre có mười ba dây.

¹⁶³ Địch (笛), ống sáo.

¹⁶⁴ Không hầu (箜篌), đàn làm bằng tre, có ít nhất năm dây, nhiều nhất là hai mươi lăm dây.

¹⁶⁵ Ca khiêu kỹ nhạc chi thanh (歌伎樂之聲), âm thanh ca hát và tấu nhạc của các kỹ nữ.

¹⁶⁶ Sư bò (擣蒲), một hình thức cờ bạc như trò chơi xúc sắc ngày nay.

¹⁶⁷ Vây kỳ (圍碁), cờ vây, loại cờ có các con cờ màu trắng và đen.

¹⁶⁸ Ba-la-trại hý (S. *Prāsaka*, 波羅賽戲) loại cờ Song Lục (雙陸棋) của Trung Quốc.

bác,¹⁶⁹ các trò đánh cầu,¹⁷⁰ ném đá vào hũ, giữ thành tám hướng.¹⁷¹ Không được xem bói những chuyện tốt xấu bằng kính chiếu yêu,¹⁷² cỏ thi,¹⁷³ dương chi, thau bát, đầu lâu.¹⁷⁴ Không làm sứ thần cho bọn giặc cướp. Những điều trên đây không được phép làm. Nếu ai cố làm thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 34: Không rời tâm giác

[1007b21] Nếu là Phật tử hãy giữ giới cấm, ngày đêm sáu thời, đi, đứng, nằm, ngồi, đọc tụng giới này giống như kim cương, như mang chiếc phao, lội qua biển lớn, như những dây cỏ trói Tỳ-kheo lại, thường khởi tâm lành, kính tin Đại thừa, tự biết rằng mình là Phật chưa thành. Tất cả đức Phật là Phật đã thành, khởi tâm bồ-đề, không bỏ tâm ấy trong từng ý niệm. Nếu khởi một niệm hướng về Nhị thừa và tôn giáo khác thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 35: Không lười phát nguyện

[1007b27] Nếu là Phật tử nên thường phát nguyện

¹⁶⁹ Lục Bác (六博) còn được viết dưới dạng hán tự “陆博”, là trò chơi phổ biến ở Trung Quốc. Sở dĩ có tên gọi này là vì dùng 6 que để di chuyển các con cờ tại các điểm đối xứng trên bàn cờ.

¹⁷⁰ Bác cầu (拍毬) chỉ chung các trò chơi liên quan đến cầu như đá banh, đánh cầu v.v...

¹⁷¹ Bát đạo hành thành (八道行城), trò chơi dùng cờ để canh giữ tám đường trên đường ngang và đường dọc.

¹⁷² Trào cảnh (爪鏡) còn được gọi là kính chiếu yêu, kính Chuẩn-đề. Đây là phép viên quang (圓光法) của Đạo giáo ngày xưa, bằng cách dùng chú thuật điểm vào tấm kính nhỏ.

¹⁷³ Thi thảo (著草), cỏ thi. Loại cỏ này dùng để bói quẻ.

¹⁷⁴ Độc lâu (鬲髅), đầu lâu. Đây là phép tu luyện theo thần Nhĩ Báo (耳報神).

hiếu thuận cha mẹ, thầy tổ, Tam bảo. Tôi nguyện gặp được những bậc thầy tốt, những đồng tu tốt, những người bạn hiền và người hiểu biết, thường dạy cho tôi kinh luật Đại thừa, mười tám pháp thú, mười tám trường dưỡng, mười tám kim cương cũng như mười địa, khiến tôi hiểu rõ, tu hành đúng pháp, giữ giới luật Phật. Thà bỏ thân mạng, không bỏ tâm này trong từng ý niệm. Nếu các Bồ-tát không phát nguyện này thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 36: Không được không phát thệ nguyện

[1007c03] Nếu Phật tử nào phát mười nguyện lớn, giữ giới luật Phật nên nguyện như sau: “Thà đẩy thân này vào trong núi đao hay hầm lửa lớn được cháy mãnh liệt, quyết không vi phạm kinh luật của Phật ở trong ba đời, không làm bất tịnh¹⁷⁵ với những người nữ.”

[1007c07] Lại nguyện như sau: “Thà thân thể này bị quán xung quanh bởi ngàn lớp lưới nung bằng sắt nóng, quyết không được dùng thân phá giới này, tiếp nhận pháp phục của các thí chủ có tâm tin tưởng [vào Ba ngôi báu].”

[1007c10] Lại nguyện như sau: “Thà cái miệng này nuốt hòn sắt nóng và dòng lửa dữ, trải trăm

¹⁷⁵ Bất tịnh hạnh (不淨行) còn gọi là “chẳng phải hạnh Thánh” (非梵行, phi Phạm hạnh), chỉ cho tâm ô nhiễm dẫn đến các hành vi dâm dục.

ngàn kiếp, quyết không dùng miệng vi phạm giới này, ăn các món ăn với trăm vị [ngon] của các thí chủ có tâm tin tưởng [vào Ba ngôi báu].”

[1007c13] Lại nguyện như sau: “Thà thân thể này nằm trên mặt đất làm bằng sắt nóng với mạng lưới được nung bởi lửa dữ, quyết không được dùng thân phá giới này, tiếp nhận trăm kiểu giường nằm, ghế ngồi của các thí chủ có tâm tin tưởng [vào Ba ngôi báu].”

[1007c16] Lại nguyện như sau: “Thà thân thể này chịu ba trăm ngọn giáo đâm xuyên qua, suốt một, hai kiếp, quyết không được dùng thân phá giới này, tiếp nhận thuốc men trăm thứ mùi vị của các thí chủ có tâm tin tưởng [vào Ba ngôi báu].”

[1007c19] Lại nguyện như sau: “Thà thân thể này đẩy vào nồi sắt nóng suốt trăm nghìn kiếp, quyết không được dùng thân phá giới này tiếp nhận ngàn mẫu ruộng đất, vườn rừng, nhà cửa, phòng xá của các thí chủ có tâm tin tưởng [vào Ba ngôi báu].”

[1007c22] Lại nguyện như sau: “Thà bầm nát thân này từ đầu đến chân như hạt bụi nhỏ¹⁷⁶ bằng dùi sắt, quyết không được dùng thân phá giới này tiếp nhận lễ lạy, cung kính của các thí chủ có tâm tin tưởng [vào Ba ngôi báu].”

¹⁷⁶ Vi trần (S=P. *aṇu-rajā, aṇu-rajās*, 微塵), hạt bụi nhỏ.

[1007c25] Lại nguyện như sau: “Thà móc đôi mắt bằng trăm ngàn dao, cây giáo sắt nóng, quyết không được dùng tâm phá giới này nhìn ngó sắc đẹp của người khác phái.

[1008a02] Lại nguyện như sau: “Thà cắt xung quanh, hay chọc thủng tai bằng trăm ngàn cây dùi sắt, suốt một, hai kiếp, quyết không được dùng tâm phá giới này nghe âm thanh hay.

[1008a05] Lại nguyện như sau: “Thà cắt mũi bằng trăm ngàn lưỡi dao, quyết không được dùng tâm phá giới này đả nhiễu các hương.”

[1008a07] Lại nguyện như sau: “Thà cắt lưỡi bằng trăm ngàn lưỡi dao, quyết không được dùng tâm phá giới này ăn thức ăn sạch, trăm vị [ngon lạ] của người [khác làm].”

[1008a09] Lại nguyện như sau: “Thà chặt thân này bằng chiếc rìu nhọn, quyết không được dùng tâm phá giới này tham đả xúc chạm [đồ vật] láng mịn.¹⁷⁷”

[1008a11] Lại nguyện như sau: “Nguyện các chúng sinh đều được thành Phật.”¹⁷⁸ Vị Bồ-tát nào không phát nguyện này thì phạm tội nhẹ.

¹⁷⁷ Hảo xúc (好觸), tiếp xúc [đồ vật] mềm mại, láng mịn.

¹⁷⁸ Nguyện nhất thiết chúng sinh tất đắc thành Phật (願一切眾生悉得成佛), nguyện các chúng sanh đều thành Phật.

Giới nhẹ 37:¹⁷⁹ Không vào hiểm nạn

[1008a13] Nếu là Phật tử nên thường [thực tập] các hạnh Đầu-đà¹⁸⁰ trong hai thời điểm. Mùa đông, mùa hạ thực tập ngồi thiền, an cư mùa mưa. Thường xuyên sử dụng: Xỉa răng, nước tro,¹⁸¹ ba y,¹⁸² bình¹⁸³ bát,¹⁸⁴ tọa cụ,¹⁸⁵ tích trượng,¹⁸⁶ lò

¹⁷⁹ Điều khoản giới này có nội dung được đề cập trong giới nhẹ 11, thuộc *Kinh Ưu-bà-tắc giới* ở chỗ đi vào chỗ hiểm nạn.

¹⁸⁰ Đầu-đà (P=S. *Dhūta*, 頭陀), lối sống khổ hạnh về dùng pháp phục, ăn uống và chỗ ở. Hạnh Đầu-đà gồm 12 điều: (i) Lìa xa chỗ ở của người thế tục, sống nơi hoang vắng, yên tĩnh (阿蘭若處, A-la-nhã xứ), (ii) Thường đi khất thực, (iii) Tuân tự khất thực, không phân biệt gia đình giàu nghèo, không cầm bát đứng sát lề cửa của các hộ gia đình, (iv) Chỉ ăn một cử trong ngày, (v) Ăn vừa đủ, không ăn hơn, trong bát chỉ có một nắm cơm, (vi) Không uống nước ép khi qua giờ Ngọ, (vii) Mặc y cũ rách, (viii) Chỉ dùng ba y, (ix) Sống ở nghĩa địa, (x) Nghi dưới gốc cây, (xi) Ngồi ở đất trống, (xii) Chỉ ngồi không nằm.

¹⁸¹ Nước tro (漂豆, tháo đậu) được nấu từ các loại đậu được nghiền nát. Ngày xưa, Tăng đoàn Phật sử dụng nước tro như xà phòng để loại sạch các vết dơ trên thân thể cũng như quần áo.

¹⁸² Ba y (S. *trinl civarani*, 三衣, tam y) bao gồm: (i) Tăng-già-lê (P=S. *saṃghāṭī*, 僧伽梨), đại y, (ii) Uất-đa-la-tăng (P=S. *uttarāsavga*, 鬱多羅僧), thượng y, (iii) An-đà-hội (S. *antarvāsa*, P. *antaravāsa*, 安陀會), nội y.

¹⁸³ Bình (瓶) gồm có 3 loại: (i) Bình sạch (淨瓶, tinh bình) dùng để chứa nước uống, (ii) Bình mang theo dùng (隨用瓶, tùy dụng bình) dùng để chứa nước rửa tay, (iii) Bình rửa vùng kín (觸瓶, xúc bình) dùng để chứa nước rửa vùng đại tiện và tiểu tiện.

¹⁸⁴ Bát-đa-la (S. *Pātra*, P. *Patta*, 鉢多羅) thường được dịch “ứng lượng khí” (應量器) nghĩa là dụng cụ đo lường [sức ăn của người hành khất]. Khi sử dụng bát cần chú ý 3 điều sau: (i) Về mặt chất liệu, bát chỉ được làm từ sắt hoặc sành, không được dùng bát bằng vàng, bạc, đồng, gỗ v.v... bảy thứ báu, (ii) Về màu sắc, bát được hun từ khói thuốc hoặc dầu mè, (iii) Về thể tích, dựa vào sức ăn của mỗi người mà phân ra ba loại bát: Lớn, vừa, nhỏ. Loại bát lớn nhất không được hơn ba thăng, loại nhỏ nhất không được quá nửa thăng.

¹⁸⁵ Ni-sư-dàn (S. *Nisadana*, P. *Nisidana*, 尼師壇) là “tọa cụ” (坐具), dụng cụ lót ngồi để giữ pháp phục được sạch sẽ đồng thời bảo vệ cơ thể giúp tránh tiếp xúc trực tiếp hơi lạnh từ mặt đất.

¹⁸⁶ Tích trượng (錫杖), biểu tượng thiền tướng của một vị Sa-môn.

hương,¹⁸⁷ lọc nước,¹⁸⁸ khăn tay,¹⁸⁹ dao nhỏ,¹⁹⁰ đá lửa,¹⁹¹ cây nhiếp,¹⁹² giường dây, kinh luật, hình tượng đức Phật và các Bồ-tát. Bồ-tát thường xuyên mang theo bên mình mười tám thứ này này [trong các trường hợp]: Vân du bốn phương,¹⁹³ tu hạnh Đầu-đà, tới lui trăm dặm cho đến ngàn dặm. Tu hạnh Đầu-đà trong hai thời gian: Một, từ ngày rằm tháng một cho đến ngày rằm tháng ba. Hai, từ ngày rằm tháng tám cho đến ngày rằm tháng mười. Thường mang bên mình mười tám món đồ như đôi cánh chim.

Vào ngày tụng giới, Bồ-tát mới học tụng mười giới trọng, bốn mươi tám giới nhẹ vào mỗi nửa tháng. Lúc này, ở trước hình tượng đức Phật và các Bồ-tát, một người nghe giới thì một người tụng, dù hai, ba người đến trăm, ngàn người thì cũng chỉ có một người tụng giới. Người tụng giới thì ngồi ở chỗ cao, người nghe giới thì ngồi ở chỗ thấp. Mỗi vị đắp đủ [ba y] cà-sa: Pháp y

¹⁸⁷ Lư hương (香爐), dụng cụ thắp hương. Lò hương dùng xông trầm hương để bày tỏ lòng tôn kính.

¹⁸⁸ Lự thủy nang (*P. parissāvana, S. parisrāvāṇa, 澆水囊*), đồ lọc nước dùng để lọc vi trùng trong nước.

¹⁸⁹ Thủ cân (手巾), khăn tay.

¹⁹⁰ Dao tử (刀子), loại dao nhỏ có độ dài không hơn ba ngón tay, rộng không hơn một ngón tay.

¹⁹¹ Hỏa toại (火燧), dụng cụ đánh ra lửa. Người xưa dùng hai miếng đá nhỏ đập vào nhau để tạo lửa.

¹⁹² Nhiếp tử (鐺子), cây nhiếp dùng để nhỏ râu hoặc lông ở lỗ mũi.

¹⁹³ Du phương (遊方), các Tăng sĩ ngày xưa đi bốn phương, tìm cầu đạo màu và gieo duyên Phật pháp với mọi người.

năm điều, pháp y bảy điều, pháp y chín điều. Mỗi vị làm đúng mọi việc như pháp.

Nếu [Bồ-tát] khi tu hạnh Đầu-đà thì chớ đi vào chỗ hiểm nạn như quốc gia bất an,¹⁹⁴ hôn quân vô đạo, đất đai gồ ghề, cỏ cây sâu xa, chỗ ở của loài sư tử, hổ, sói, chỗ có nạn nước, nạn lửa, nạn gió, hang ổ rắn độc và bọn giặc cướp. Tất cả những chỗ hiểm nguy, khôn khó đều không được vào. Những chỗ nạn trên đều không được vào dù cho tu hạnh Đầu-đà cho đến an cư mùa mưa. Nếu ai cố vào thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 38: Không ngồi loạn xạ

[1008b01] Nếu là Phật tử thì nên tuân tự ngồi đúng như pháp. Bất luận già trẻ, Tăng hay là Ni, người thuộc cao sang, quốc vương, vương tử cho đến hoạn quan,¹⁹⁵ nô tỳ đều nên tuân tự ngồi đúng như pháp. Người thọ giới trước thì ngồi phía trước, người thọ giới sau thì ngồi phía sau. Không nên giống như nhóm người ngoại đạo và người ngu si, dù già hay trẻ không có tôn ti, ngồi không tuân tự theo kiểu của những binh lính, nô bộc. Trong Phật pháp ta, ai thọ giới trước thì được

¹⁹⁴ Quốc nạn (國難), nạn nước, chỉ cho quốc gia đang gặp chiến tranh, phạm pháp và sống phi đạo đức.

¹⁹⁵ Huỳnh môn (黃門) gồm có năm loại (như trình bày ở chú thích 63). Huỳnh môn ở ngữ cảnh này chỉ cho thái giám, một chức quan phục dịch trong cung cấm, triều đình Trung Hoa cũng như Việt Nam ngày xưa.

ngồi trước, ai thọ giới sau thì được ngồi sau. Trái lại Bồ-tát ngồi không tuần tự thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 39: Không lười tu tập

[1008b08] Nếu là Phật tử nên thường giáo hóa tất cả chúng sinh, xây dựng Tăng xá, dựng tháp Phật ở rừng núi, ruộng vườn. Những chỗ ngồi thiền, những chỗ an cư mùa đông, mùa hạ và các tuyến đường đều nên xây dựng. Hơn nữa, Bồ-tát nên vì tất cả chúng sinh giảng nói kinh luật Đại thừa. Nếu bị bệnh tật, bị nạn nước nhà, bị nạn giặc cướp, vào ngày giỗ của cha mẹ, anh em, những bậc Hòa thượng và A-xà-lê thì nên đọc tụng, giảng nói kinh luật Đại thừa trong ba tuần thất hoặc bảy tuần thất.

Những khi cầu phước trong các pháp hội, kiếm kế mưu sinh, hoặc bị những nạn: Lửa lớn thiêu đốt, nước lớn cuốn trôi, giông bão thổi bay những chiếc ghe thuyền, nạn quỷ La-sát¹⁹⁶ ở vùng biển lớn hay vùng sông lớn, cũng nên đọc tụng, giảng kinh luật này. Cho đến người phạm tất cả tội báo, ba loại nghiệp báo,¹⁹⁷ bảy

¹⁹⁶ La-sát (*Rākṣasa*, 羅刹), tên gọi chung của người loài quỷ dữ. Người nam La-sát thì có hình hài xấu xí thân thể đen thui, đôi mắt màu xanh vàng. Trong khi người nữ La-sát có hình hài rất quyến rũ, xinh đẹp. Sau này, thuật ngữ này còn chỉ cho những người có tâm ý xấu xa, độc ác, hung dữ trong xã hội ngày nay.

¹⁹⁷ Tam báo (三報), ba loại nghiệp báo, bao gồm: (i) Hiện báo (現報) tức quả báo được chịu bởi các nghiệp nhân trong hiện tại, (ii) Sinh báo (生報) tức quả báo được chịu bởi đời sau bởi nghiệp nhân của đời này, (iii) Hậu báo (後報) tức quả báo được chịu sau hơn hai kiếp bởi nghiệp nhân của đời này.

tội nghịch ác và tám điều nạn, gông cùm, xiềng xích trói buộc vào thân, người nhiều dâm dục, người nhiều giận hờn, người nhiều ngu si, người nhiều bệnh tật đều nên đọc tụng, giảng nói kinh luật này. Bồ-tát mới học nếu không làm vậy thì phạm tội nhẹ.

Chín điều giới này nên cần phải học, vâng lời làm theo với tâm cung kính và sẽ được nói trong *Phẩm Phạm đàn*.

Giới nhẹ 40: Không thiên vị chọn

[1008b21] Đức Phật dạy rằng: “Các Phật tử nào truyền giới cho người, không được chọn lựa. Tất cả quốc vương, vương tử, đại thần, bá quan, Tăng Ni, thiện nam, tín nữ, dâm nam, dâm nữ, đáng phạm thiên vương cõi trời mười tám, các thiên tử thuộc cõi trời Lục dục, những người không có cơ quan sinh dục hoặc người có hai cơ quan sinh dục, huỳnh môn, nô tỳ và các quỷ thần đều được thọ giới. [Bồ-tát] nên bảo cà-sa được đắp trên thân của họ làm hồng màu đi mới tương ứng đạo. Tất cả y nhuộm đến dụng cụ nằm đều làm hồng màu bằng cách nhuộm xanh, vàng, đỏ, đen, tím. Tất cả pháp y được mặc trên thân đều nhuộm màu lên. Nếu quần áo nào được người dân mặc trong các quốc gia thì pháp y của các Tỳ-kheo nên có sự khác biệt với người thế tục.

Khi muốn thọ giới, giới sư hỏi rằng: “Trong hiện đời này, ông có gây tạo tội bảy nghịch không?” Pháp sư BỒ-tát không được cho người tạo tội bảy nghịch thọ giới BỒ-tát. Tội bảy nghịch gồm: Làm cho thân thể của Phật chảy máu, giết cha, giết mẹ, giết hại Hòa thượng, giết A-xà-lê, phá hoại Tăng đoàn biểu quyết và quay bánh xe chân lý, giết hại Thánh nhân. Nếu ai hội đủ bảy tội ngăn che¹⁹⁸ thì trong hiện đời không thể đắc giới, còn những người khác đều được thọ giới. Luật người xuất gia không có lễ lạy trước những quốc vương, không có lễ lạy trước đấng sinh thành, không có tôn kính sáu loại bà con, không có làm lễ trước các quỷ thần, chỉ hiểu lời thầy. Có người cầu pháp đến chỗ mình xa trăm dặm, ngàn dặm. Pháp sư BỒ-tát với tâm xấu ác không truyền giới ngay cho các chúng sinh thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 41: Không giả làm thầy¹⁹⁹

[1008c09] Nếu Phật tử nào giáo hóa cho người phát khởi lòng tin, BỒ-tát làm vị pháp sư giảng dạy cho những người khác, thấy người mong

¹⁹⁸ Thất giá (七遮) là tên gọi khác của bảy tội nghịch ác (七逆, thất nghịch) trong Đại thừa.

¹⁹⁹ Ở điều tội nhẹ 41 này có điểm giống với điều tội nhẹ 18 là giả dạng làm pháp sư. Nếu ở điều 18 là giả dạng thầy vì sự háo danh thì điều 41 này chỉ rõ động cơ giả dạng làm thầy vì sự lợi dưỡng từ những người khác.

muốn thọ giới [Bồ-tát] nên dạy họ thỉnh hai thầy như sau: Kính bạch Hòa thượng và thầy A-xà-lê. Hai vị giới sư hỏi [giới tử] rằng: “Ông có vi phạm bảy tội nghịch không?” Nếu trong hiện đời có bảy tội nghịch, giới sư không nên cho họ thọ giới. Những người không có bảy tội nghịch ác thì được thọ giới. Nếu ai vi phạm vào mười giới cấm thì nên dạy họ phương pháp sám hối. Ngày đêm sáu thời ở trước hình tượng đức Phật, Bồ-tát, tụng mười giới trọng, bốn tám giới nhẹ. Nếu đến đánh lễ ngàn vị đức Phật ở trong ba đời thì thấy điềm tốt. Nếu trong bảy ngày, mười bốn ngày hoặc hai mươi một ngày cho đến một năm, phải thấy điềm tốt.

Thấy điềm tốt như Phật xoa đánh đầu, nhìn thấy ánh sáng, nhìn thấy bông hoa, đủ tướng lạ thường... thì được diệt tội. Nếu không thấy vậy, tuy có sám hối thì cũng vô ích. Người này hiện đời cũng không đắc giới nhưng được nhân lành thọ giới mai sau. Nếu ai vi phạm bốn tám giới nhẹ thì nên thừa nhận ở trước [Tăng đoàn], tội sẽ được xóa. Đối với người phạm bảy tội nghịch ác thì không giống vậy. Thầy giáo giới có [nhiệm vụ] giảng dạy từng điều cụ thể.

Nếu ai không hiểu kinh luật Đại thừa mà chỉ chú trọng những chuyện thị phi, cũng không hiểu

rõ tính chất huân tập,²⁰⁰ tính chất nuôi dưỡng, tính không hư hoại, tính trung đạo²⁰¹ và tính đúng đắn của chân lý tuyệt đối.²⁰² Trong đó bao nhiêu phép ra vào của thiền quán chiếu tâm,²⁰³ mười loại nhánh thiền²⁰⁴ và các hành pháp, không hiểu đúng chuẩn từng pháp trong đây.²⁰⁵ Trái lại Bồ-tát vì sự lợi dưỡng, vì sự danh tiếng, những ước muốn xấu, muốn nhiều đệ tử,²⁰⁶ tham sự lợi dưỡng mà giả vờ hiểu tất cả kinh luật. Vì sự cúng dường mà tự dối mình, dối gạt người khác nên truyền trao giới cho những người khác thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 42: Không truyền người xấu

[1009a06] Nếu là Phật tử thì không được phép vì sự lợi dưỡng mà ở trước mặt người chưa tiếp nhận giới Bồ-tát và những người ác thuộc nhóm

²⁰⁰ Tập chủng tính (S. *samudānīta-gotra*, 習種性), tính thiện do huân tập trong thời gian lâu dài.

²⁰¹ Đạo chủng tính (道種性) chỉ cho Bồ-tát ở giai vị mười hồi hướng, do vì thật sự tu tập phương pháp quán trung đạo mà thông đạt tất cả Phật pháp.

²⁰² Đệ nhất nghĩa đế (P. *paramattha sacca*, S. *paramārtha satya*, 第一義諦), chân lý tuyệt đối.

²⁰³ Quán hạnh (觀行), dùng tâm quan sát để hiểu rõ bản tâm của mình.

²⁰⁴ Thập thiền chi (十禪支), mười bước thiền gồm: (i) Giác tỉnh (覺支), (ii) Quán chiếu (觀支), (iii) Hoan hỷ (喜支), (iv) An lạc (樂支), (v) Nhất tâm (一心支), (vi) Nội tịnh (內淨支), (vii) Buông xả (捨支), (viii) Chánh niệm (念支), (ix) Trí tuệ (慧支), (x) Không khổ không vui (不苦不樂支).

²⁰⁵ Nhất nhất bất đắc thủ pháp trung ý (一一不得此法中意), không thể hiểu rõ từng điều ở trong pháp này một cách đúng đắn. Việc không hiểu đúng ở đây có 3 điều: (i) Không hiểu đúng tội nào nặng, tội nào nhẹ, (ii) Không hiểu đúng về chân lý tuyệt đối, (iii) Không hiểu đúng về tính thiện nhờ sự huân tập.

²⁰⁶ Đệ tử (弟子) nghĩa là người học dưới sự dẫn dắt và mở trí từ người thầy.

ngoại đạo nói đại giới này của ngàn đức Phật, cũng không được nói cho người tà kiến và những người khác, ngoại trừ quốc vương.²⁰⁷ Hạng người ác này không nhận giới Phật gọi là động vật.²⁰⁸ Đời đời sinh ra không thấy Tam bảo, họ như gỗ đá không có tâm thức nên mới gọi là hạng người tà kiến thuộc nhóm ngoại đạo. Họ và miếng gỗ không có gì khác. Trái lại Bồ-tát giảng về giới này của bảy đức Phật thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 43: Không hủy chánh giới

[1009a13] Nếu Phật tử nào xuất gia, tiếp nhận giới luật chân chánh của đức Phật dạy với tâm kính tin mà khởi lên tâm hủy phạm Thánh giới thì không được nhận phẩm vật cúng dường,²⁰⁹ cũng không được đi trên đất của vua, không được uống nước của các quốc vương, năm ngàn quỹ lớn thường che phía trước. Quỹ nói lời rằng: “Đồ giặc cướp lớn.” Nếu đi vào trong phòng xá, thành thị cũng như nhà ở, loài quỷ đó thường quét đi dấu chân. Tất cả người đời mắng lời như sau: “Giặc trong Phật pháp.” Mắt của chúng sinh không muốn nhìn thấy. Người vi phạm giới không khác động

²⁰⁷ Vì vua là người đứng đầu một nước, ngoại hộ Tam bảo và đức Phật là người từng dẫn Tăng đoàn hãy giảng dạy cho các vua nghe về giới luật và chân lý.

²⁰⁸ Súc sinh (S. *tiryagyonī*, 畜生) còn dịch là “bàng sinh” (傍生) có nghĩa là các loài động vật.

²⁰⁹ Đản-việt cúng dường (檀越供養), thí chủ cúng dường.

vật, không khác khúc gỗ. Nếu hủy chánh giới thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 44: Không khinh kinh luật

[1009a20] Nếu là Phật tử nên thường một lòng thọ trì đọc tụng kinh luật Đại thừa, lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm bút, biên chép giới Phật.²¹⁰ Nên viết lên trên giấy dâu,²¹¹ giấy dó,²¹² lụa dệt,²¹³ tre lụa.²¹⁴ Thường dùng túi, hộp bằng đồ quý nhất thuộc bảy thứ báu, các thứ hoa thơm và các tạp báu đựng quyển kinh luật, Nếu không cúng dường theo đúng như vậy thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 45: Không bỏ giáo hóa

[1009a25] Nếu là Phật tử thì nên thường xuyên khởi tâm đại bi. Nếu vào các nhà, hoặc vào thành thị, thấy các chúng sinh nên khuyên²¹⁵ lời rằng: “Các bạn thân mến,²¹⁶ hết lòng tiếp nhận tam quy,²¹⁷ thập giới.” Nếu [Bồ-tát] thấy bò, ngựa,

²¹⁰ Bóc bì vì chi, thích huyết vì mực, dĩ tủy vì thủy, chiết cốt vì bút, thư tả Phật giới (剥皮為紙、刺血為墨、以髓為水、析骨為筆書寫佛戒), lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm bút, biên chép giới Phật.

²¹¹ Mộc bì (木皮), da cây. Cụ thể dùng da của cây dâu tằm để sản xuất giấy.

²¹² Cốc chi (穀紙), giấy róc hoặc giấy dó. Loại giấy được làm từ da cây róc (楮樹皮).

²¹³ Quyên tố (絹素), lụa dệt bằng tơ sống.

²¹⁴ Trúc bạch (竹帛), tre lụa. Đây là vật liệu (thẻ tre và mảnh lụa) để viết chữ trước khi giấy ra đời.

²¹⁵ Nguyên văn: “Xướng” (唱), nói to, gọi to, kêu to.

²¹⁶ Nhữ đẳng chúng sanh (汝等眾生), chúng sanh các vị. Ở đây, tôi dùng từ hiện đại “Các bạn thân mến” để gây cảm giác gần gũi cho người đọc.

²¹⁷ Tam quy (三歸) còn được gọi “tam quy y” (三歸依) nghĩa là quay về, nương tựa

heo, dê và các động vật, miệng nên niệm rằng: “Các bạn²¹⁸ động vật, phát tâm bồ-đề.” Các vị Bồ-tát đi vào những chỗ hoang dã, rừng núi và các sông ngòi, giúp các chúng sinh phát tâm bồ-đề. Làm Bồ-tát mà không cứu chúng sinh thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 46: Không bỏ nghi lễ

[1009b02] Nếu Phật tử nào thường đi giáo hóa, khởi tâm đại bi với các chúng sinh, vào nhà thí chủ giàu sang, đẳng cấp thì không được đứng giữa người áo trắng, giảng nói Phật pháp. [Pháp sư] nên ngồi ở trên ghế cao, trước mặt tất cả [cư sĩ] áo trắng. Tỳ-kheo pháp sư không đứng trên đất mà nói pháp cho bốn nhóm đệ tử.²¹⁹ Đang khi nói pháp, bốn nhóm đệ tử nên cúng hoa thơm trước tòa pháp cao của vị pháp sư và ngồi phía dưới như [những người con] hiếu thuận cha mẹ, vâng lời thầy dạy, như Bà-la-môn [tôn thờ thần] lửa. [Bồ-tát] nói pháp không đúng theo pháp thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 47: Không diệt Tam bảo²²⁰

Ba ngôi báu bao gồm: (i) Nương tựa Phật (歸依佛), (ii) Nương tựa chân lý Phật (歸依法), (iii) Nương tựa Tăng đoàn Phật (歸依僧).

²¹⁸ Nguyên văn: “Nhữ” (汝), người; đại từ ngôi 2 có thể dịch linh động tùy theo ngữ cảnh.

²¹⁹ Tứ chúng (四眾), bốn nhóm đệ tử bao gồm: (i) Tỳ-kheo (比丘), (ii) Tỳ-kheo-ni (比丘尼), (iii) Cận sự nam (近事男), (iv) Cận sự nữ (近事女).

²²⁰ Nương theo giới văn, ta thấy được việc xóa bỏ Tam bảo qua ba việc: (i) Không cho làm tượng và dựng tháp Phật là xóa bỏ Phật bảo, (ii) Không cho in kinh và luật là xóa bỏ Pháp bảo, (iii) Không cho bốn nhóm đệ tử xuất gia là cách xóa bỏ Tăng bảo.

[1009b09] Nếu các Phật tử như bậc quốc vương, thái tử, bá quan, bốn nhóm đệ tử²²¹ tiếp nhận giới Phật với lòng tin tưởng [vào ba ngôi báu] mà cậy vào mình quyền quý cao sang, muốn xóa bỏ hết kinh luật Phật pháp, đưa người lập pháp quy định bốn nhóm đệ tử của ta, không cho phép họ xuất gia hành đạo, cũng không được phép tạo lập hình tượng [Phật và Bồ-tát], tháp Phật, kinh luật. Lập quan thống lĩnh quản lý Tăng đoàn,²²² lập sổ Tăng đoàn²²³ ghi lại [họ tên]. Tỳ-kheo Bồ-tát đứng trên mặt đất, cư sĩ ngòi cao, làm điều sai ngụy,²²⁴ như việc thờ chủ của bọn binh nô.

Bồ-tát theo lý tiếp nhận cúng dường của tất cả người, lại làm tay sai cho bọn quan thần, trái với chánh pháp và giới luật Phật. Nếu các quốc vương, bá quan tiếp nhận giới luật của Phật với tâm ý tốt thì đừng tạo tội phá hủy Tam bảo. Nếu ai cố ý phá hoại Phật pháp thì phạm tội nhẹ.

Giới nhẹ 48: Không phá giáo pháp

[1009b14] Nếu Phật tử nào [bỏ đời], xuất gia với

²²¹ Tứ bộ đệ tử (四部弟子), bốn nhóm đệ tử: (i) Cư sĩ (居士), (ii) Vợ cư sĩ (居士婦), (iii) Đồng nam (童男), (iv) Đồng nữ (童女).

²²² Lập thống quan chế chúng (立統官制眾) chỉ cho việc thiết lập cơ cấu quan lại quản lý việc Tăng đoàn.

²²³ Việc làm này giống như làm sổ dân (戶籍, hộ tịch) của người thế tục. Ở ngũ cảnh trên thì việc lập sổ Tăng này chỉ nhằm mục đích giám sát nghiêm túc số lượng thành viên nhất định trong Tăng đoàn.

²²⁴ Quảng hành phi pháp (廣行非法), làm những điều sai ngụy, ngược lại hoàn toàn với chánh pháp.

tâm ý tốt nhưng vì tiếng tăm và sự lợi dưỡng mà nói giới luật của bảy đức Phật cho các quốc vương và các bá quan, ngang nhiên tóm bắt đệ tử Bồ-tát, các thầy Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni như trùng sư tử ăn thịt sư tử; chứ các thiên ma, người khác tôn giáo chẳng thể phá hoại [đạo Phật của ta].²²⁵

Người đã tiếp nhận giới luật của Phật thì nên giữ giới như con duy nhất kính thờ cha mẹ. Khi các Bồ-tát nghe ngoại đạo ác²²⁶ dùng những lời ác, hủy báng giới Phật như ba trăm ngọn giáo đâm vào tim, cũng không khác gì ngàn dao, muôn gậy đánh vào thân mình. Thà rằng thân mình vào cõi địa ngục, trải qua trăm kiếp, không nhẫn tâm nghe một lời hủy báng giới luật của Phật. Huống hồ tự mình phá giới của Phật, dạy người tạo ra tình huống phá giới, cũng không có tâm hiếu thuận [với người]. Nếu ai cố làm thì phạm tội nhẹ.

Chín giới như vậy cần phải tu học, vâng lời làm theo với tâm cung kính.

[1009b25] Nay các Phật tử! Các con nên giữ bốn tám giới nhẹ. Các vị Bồ-tát trong đời quá khứ đã từng đọc tụng. Các vị Bồ-tát trong đời vị lai sẽ

²²⁵ Như sư tử thân trung trùng tự thực sư tử nhục, phi ngoại đạo天魔能破), chỉ có các con trùng trong thân sư tử ăn thịt sư tử, chẳng phải năng lực của thiên ma, ngoại đạo có thể phá được.

²²⁶ Ngoại đạo ác nhân (外道惡人), người xấu ác của các tôn giáo khác.

phải đọc tụng. Các vị Bồ-tát trong đời hiện tại vẫn đang đọc tụng. Nay các Phật tử, hãy lắng nghe kỹ! Tất cả đức Phật ở trong ba đời đã tụng, sẽ tụng cũng như đang tụng gồm mười giới trọng, bốn tám giới nhẹ. Nay tôi noi gương cũng đọc tụng theo. Tất cả đệ tử giữ giới Bồ-tát, dù là quốc vương, vương tử, bá quan, hoặc là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo ni, thiện nam, tín nữ thì nên giữ gìn, đọc tụng, giải thích, biên chép quyển Giới thường trụ Phật tánh, truyền bá rộng rãi trong suốt ba đời, không ngừng giáo hóa tất cả chúng sinh, được thấy ngàn Phật, đưa tay [tiếp dẫn], đời đời kiếp kiếp không đọa đường ác hoặc trong tám nạn; thường được sinh trong cõi trời, cõi người. Nay ta ở dưới gốc cây bồ-đề, lược giảng giới pháp của bảy đức Phật. Tất cả đệ tử phải chuyên học giới, hoan hỷ vâng lời, giữ gìn giới luật.

Các giới khoản này Thầy đã nói rõ trong Phần khuyến học, thuộc *Phẩm Vua trời Vô tướng*. Khi các học sĩ trong ba ngàn cõi nghe Phật đích thân tụng [giới Bồ-tát], tâm của mỗi vị [khởi lòng] tôn kính, hoan hỷ, giữ gìn.

[1009c09] Bảy giờ, đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng xong *Phẩm Mười giới pháp vô tận* trong *Phẩm Pháp môn mảnh đất tâm* của Phật Lô-xá-na đã từng nói ở thế giới Hoa Tạng. Ngàn trăm

ức vị đức Phật Thích-ca cũng nói như vậy. Từ cung vua trời Ma-hê-thủ-la đến cây bồ-đề giảng các pháp môn [của mảnh đất tâm] trải qua mười chỗ. Tương tự như vậy, ta vì tất cả các Bồ-tát và tất cả mọi người, nhiều không kể xiết mà phải giữ gìn, đọc tụng, giải thích nghĩa lý [giới luật]. Thế giới Hoa Tạng với ngàn trăm ức thế giới như cội vi trần [chứa đủ] tất cả kho tàng tâm của đức Phật, kho tàng mảnh đất, kho tàng giới luật, vô số [các thứ] kho tàng hạnh nguyện, kho tàng thường trụ Phật tánh nhân quả.

Sau khi tất cả đức Phật giảng nói vô số [các thứ] kho tàng Phật pháp,²²⁷ tất cả chúng sinh trong ngàn trăm ức thế giới thấy đều giữ gìn, vâng lời, thực hành làm theo với niềm hoan hỷ.

Nếu muốn nói rộng về mỗi tướng mạo của mảnh đất tâm thì như đã nói trong *Phẩm Phật Hoa Quang Vương*.

Người sáng suốt mạnh về
Trí tuệ và kham nhẫn,
Trong lúc chưa thành Phật,
Đạt được năm lợi ích:
Một, mười phương các Phật
Thương xót, thường bảo hộ.

²²⁷ Pháp tạng (法藏), kho tàng chân lý Phật.

Hai, khi sắp qua đời
 Chánh kiến, tâm hoan hỷ.
 Ba, sinh ra chỗ nào
 Làm bạn các Bồ-tát.
 Bốn, đủ các công đức
 Thành tựu các giới hạnh.
 Năm, đời này, đời sau
 Đủ phước huệ, giới tánh.
 Đây là chỗ của Phật
 Bậc trí khéo tư duy
 Người chấp tướng và ngã
 Không thể tin pháp này.
 Người chứng pháp Nhị thừa
 Chẳng phải chỗ uơng mầm.
 Muốn nẩy mầm bồ-đề
 Ánh sáng soi thế gian
 Nên quan sát thật kỹ
 Tướng chân thật các pháp
 Không sinh cũng không diệt,
 Không thường cũng không dứt,
 Không một cũng không khác,
 Không đến cũng không đi,
 Trong cõi lòng như vậy
 Tìm cách, siêng trang nghiêm.
 Điều Bồ-tát nên làm,
 Cần phải tuần tự học,

Chớ khởi nghĩ phân biệt,
 Là con đường bậc nhất
 Cũng gọi là Đại thừa.
 Tất cả chỗ hý luận,
 Đều do đây mà diệt
 Nhất thiết trí của Phật
 Đều sinh ra từ đây.
 Vì thế các Phật tử
 Phát khởi dũng mãnh lớn,
 Giữ giới sạch của Phật
 Như giữ hạt châu sáng.

Các Bồ-tát quá khứ
 Đã học giới pháp này
 Người vị lai sẽ học
 Người hiện đời đang học
 Đây là hành xú Phật
 Chỗ bậc Thánh khen ngợi
 Ta đã tùy thuận nói
 Nhóm vô lượng phước đức
 Hướng đến khắp chúng sinh
 Cùng về nhất thiết trí
 Nguyện người nghe pháp này
 Mau chóng được thành Phật.

CHƯƠNG 3

PHẦN SÁM NGUYỆN

3.1. KINH TINH HOA TRÍ TUỆ¹

Quán Tự Tại² thực hành trí tuệ,
 Bát-nhã ba-la-mật sáng ngời,
 Bảy giờ Bồ-tát quán soi,
 Thấy rằng năm uân ba đời đều không. O
 Vượt tất cả các vòng khổ ách,
 Hãy nghe này, Xá-lợi-phất³ ông!
 Sắc nào có khác gì không,
 Không nào khác sắc, sắc không vốn đồng. O

¹ Tựa đề bài kinh bằng Sanskrit: “*Prajñā Pāramitā Hridaya Sūtra*”. Ngài Cuu-ma-la-thập dịch là “*Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật đại minh chú kinh*” (摩訶般若波羅蜜大明咒經). Ngài Huyền Tráng dịch là “*Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm kinh*” (般若波羅蜜多心經), gọi tắt là “*Bát-nhã tâm kinh*” (般若心經) hoặc ngắn hơn là “*Tâm kinh*” (心經). Chúng tôi dịch là “*Kinh Tinh hoa trí tuệ*”.

² Nguyên văn Sanskrit “*Avalokiteśvara Bodhisattva*”, ngài Cuu-ma-la-thập dịch là Quán Thế Âm Bồ-tát (觀世音菩薩) trong khi ngài Huyền Tráng dịch là Quán Tự Tại Bồ-tát (觀自在菩薩).

³ Ngài Cuu-ma-la-thập dịch là “*Xá-lợi-phất*” (P. *Sāriputta*, S. *Sāriputra*, 舍利弗). Ngài Huyền Tráng dịch là “*Xá-lợi tử*” (舍利子). Sở dĩ tôn giả được đặt tên này là vì khi sinh ra, mắt của ngài như chim Xá-lợi nên tôn giả này được mệnh danh là trí tuệ đệ nhất, một trong mười vị đại đệ tử của đức Phật.

Cả thọ, tướng, thức, hành cũng thế,
 Tánh chân không các pháp viên thành
 Thấy đều chẳng diệt, chẳng sanh,
 Chẳng nhớ, chẳng sạch, chẳng tăng giảm gì. O
 Trong chân không chẳng hề có sắc,
 Chẳng thọ, tướng, hành, thức trong không.
 Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân,
 Sắc, thanh, vị, xúc, pháp, hương không còn. O
 Không nhãn thức đến không ý thức,
 Không vô minh hoặc hết-vô-minh,
 Không điều già chết chúng sanh,
 Hết già, hết chết thực tình cũng không.
 Không trí huệ cũng không chứng đắc,
 Bởi có gì là chỗ đắc đâu.
 Bấy lâu Bồ-tát dựa vào,
 Trí ba-la-mật, thăm sâu thực hành,
 Mọi chướng ngại quanh mình tan biến,
 Mọi việc đều chẳng khiến hoảng kinh,
 Xa lìa mộng tưởng đảo điên,
 Niết-bàn rốt ráo an nhiên thanh nhàn. O
 Bát-nhã ấy rõ ràng trí tuệ,
 Mà ba đời chư Phật nương vào,
 Chứng thành quả giác tối cao,
 Nên xem Bát-nhã thâm sâu đó là: O
 Lời thần chú sâu xa bậc nhất,
 Lời chú thần rất mực quang minh,

Chú thân cao cả anh linh,
 Là lời thần chú thật tình cao siêu,
 Trừ dứt được mọi điều đau khổ,
 Đúng như vậy muôn thuở không sai.
 Ngài liền tuyên nói chú này,
 Để người trì niệm sáng bày chơn tâm: O

Ga-tê Ga-tê Pa-ra-ga-tê Pa-ra-san-ga-tê Bô-
 dhi Sva-ha.⁴ (3 lần) OOO

3.2. NIỆM PHẬT⁵

Thân Phật thanh tịnh như lưu ly
 Mặt Phật tựa như vàng trắng sáng
 Phật ở thế gian thường cứu khổ
 Tâm Phật từ bi khắp muôn nơi.

Nam-mô Ta-bà giáo chủ, tam giới Đạo sư, tứ
 sinh Từ phụ, nhân thiên Giáo chủ, thiên bá ức
 hoá thân, Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam mô Thiên hoa đài thượng Lô-xá-na Phật
 (3 lần) O

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật (18 lần) O

⁴ Nguyên văn Sanskrit của câu thần chú: “Gate, Gate, Pāragate, Pārasaṃgate, Bodhi Svāhā”. Ngài Cưu-ma-thập phiên âm bằng Hán văn: “Kiệt đế, kiệt đế, ba-la-kiệt-đế, ba-la-tăng-kiệt-đế, bò-đề-tăng-sa-ha” (竭帝, 竭帝, 波罗竭帝, 波罗僧竭帝, 菩提, 僧莎呵) trong khi ngài Huyền Tráng phiên âm bằng Hán văn: “Yết-đế, yết-đế, ba-la-yết-đế, ba-la-tăng-yết-đế, bò-đề-tát-bà-ha” (揭谛, 揭谛, 波罗揭谛, 波罗僧揭谛, 菩提萨婆诃). Chúng tôi tận dụng âm tiếng Việt, một ngôn ngữ có thể phiên âm hầu hết các âm thanh trên thế giới để phiên âm câu chú.

⁵ Phật thân thanh tịnh tự lưu ly, Phật diện do như mãn nguyệt huy. Phật tại thế gian thường cứu khổ, Phật tâm vô xứ bất từ bi (佛身清淨似琉璃, 佛面猶如滿月輝。佛在世間常救苦, 佛心無處不慈悲).

3.4. ĐẢNH LỄ BA NGÔI BÁU

Con xin nương tựa Phật,
 Bậc Phước Trí Viên Thành,
 Cầu tất cả chúng sanh
 Giác ngộ, phát tâm lành. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Pháp,
 Nguồn tuệ giác, từ bi,
 Cầu tất cả chúng sanh
 Hiểu đạo, tỏ nguồn tâm. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Tăng,
 Đoàn thể sống an vui,
 Cầu tất cả chúng sanh
 Hòa hợp, thương mến nhau. (1 lạy) O



PHỤ LỤC
 KINH PHẠM VÕNG GIỚI BỒ-TÁT
 BẢNG CHỮ HÁN

梵網經盧舍那佛說菩薩心地戒品第十卷下

後秦龜茲國三藏鳩摩羅什譯

[1003b10] 爾時盧舍那佛，為此大眾略開百千恒河沙不可說法門中心地，如毛頭許：「是過去一切佛已說、未來佛當說、現在佛今說，三世菩薩已學、當學、今學。我已百劫修行是心地，號吾為盧舍那。汝諸佛轉我所說，與一切眾生開心地道。」時蓮花臺藏世界赫赫天光師子座上盧舍那佛放光光，告千花上佛：「持我心地的法門品而去，復轉為千百億釋迦及一切眾生，次第說我上心地法門品。汝等受持讀誦一心而行。」

[1003b20] 爾時千花上佛、千百億釋迦，從蓮花藏世界赫赫師子座起，各各辭退，舉身放不可思議光，光皆化無量佛。一時以無量青黃赤白花供養盧舍那佛，受持上說心地法門品竟，各各從此蓮花藏世界而沒。沒已入體性虛空花光三昧，還本源世界閻浮提菩提樹下，從體性虛空華光三昧出。出已方坐金剛千光王座，及妙光堂說十世界海。復從座起，至帝釋宮說十住。復從座起，至炎天中說十行。復從座起，至第四天中說十迴向。復從座起，至化樂天說十禪定。復從座起，至他化天說十地。復至一禪中說十金剛，復至二禪中說十忍，復至三禪中說十願，復至四禪中摩醯首羅天王宮，說我本源蓮花藏世界盧舍那佛所說心地法門品。其餘千百億釋迦亦復如是無二無別。如賢劫品中說。

[1003c08] 爾時釋迦牟尼佛，從初現蓮花藏世界東方來入天王宮中說魔受化經已，下生南閻浮提迦夷羅國，母名摩耶、父字白淨。吾名悉達，七歲出家、三十成道，號吾為釋迦牟尼佛。於

寂滅道場坐金剛花光王座，乃至摩醯首羅天王宮。其中次第十住處所說。時佛觀諸大梵天王網羅幢，因為說無量世界猶如網孔，一一世界各各不同別異無量，佛教門亦復如是。吾今來此世界八千返，為此娑婆世界坐金剛花光王座，乃至摩醯首羅天王宮，為是中一切大眾略開心地法門品竟。復從天王宮下至閻浮提菩提樹下，為此地上一切眾生凡夫癡闇之人，說我本盧舍那佛心地中初發心中常所誦一戒光明。金剛寶戒是一切佛本源、一切菩薩本源、佛性種子。一切眾生皆有佛性，一切意識色心是情是心，皆入佛性戒中，當當常有因故，有當當常住法身。如是十波羅提木叉出於世界，是法戒，是三世一切眾生頂戴受持。吾今當為此大眾重說十無盡藏戒品，是一切眾生戒本源自性清淨。

「我今盧舍那，	方坐蓮花臺，
周匝千花上，	復現千釋迦。
一花百億國，	一國一釋迦，
各坐菩提樹，	一時成佛道。
如是千百億，	盧舍那本身，
千百億釋迦，	各接微塵眾，
俱來至我所，	聽我誦佛戒，
甘露門則開。	是時千百億，
還至本道場，	各坐菩提樹，
誦我本師戒。	十重四十八，
戒如明日月，	亦如瓔珞珠，
微塵菩薩眾，	由是成正覺。
是盧舍那誦，	我亦如是誦，
汝新學菩薩，	頂戴受持戒，
受持是戒已，	轉授諸眾生，
諦聽我正誦，	佛法中戒藏，
波羅提木叉，	大眾心諦信。
汝是當成佛，	我是已成佛，
常作如是信，	戒品已具足。
一切有心者，	皆應攝佛戒，
眾生受佛戒，	即入諸佛位。
位同大覺已，	真是諸佛子，
大眾皆恭敬，	至心聽我誦。」

[1004a23] 爾時釋迦牟尼佛，初坐菩提樹下成無上覺，初結菩薩波羅提木叉：「孝順父母、師僧、三寶，孝順至道之法，孝名為戒，亦名制止。」佛即口放無量光明。是時百萬億大眾諸菩薩，十八梵天，六欲天子，十六大國王，合掌至心聽佛誦一切佛大乘戒。

[1004a28] 佛告諸菩薩言：「我今半月半月，自誦諸佛法戒。汝等一切發心菩薩亦誦，乃至十發趣、十長養、十金剛、十地諸菩薩亦誦。是故戒光從口出，有緣非無因故。光光非青黃赤白黑、非色非心、非有非無、非因果法，是諸佛之本源、菩薩之根本、是大眾諸佛子之根本。是故大眾諸佛子應受持、應讀誦、善學。佛子諦聽！若受佛戒者，國王、王子、百官宰相、比丘、比丘尼、十八梵天、六欲天子、庶民黃門、姪男姪女奴婢、八部鬼神金剛神、畜生乃至變化人，但解法師語，盡受得戒，皆名第一清淨者。」

[1004b11] 佛告諸佛子言：「有十重波羅提木叉，若受菩薩戒不誦此戒者，非菩薩、非佛種子。我亦如是誦，一切菩薩已學、一切菩薩當學、一切菩薩今學。已略說菩薩波羅提木叉相貌，是事應當學，敬心奉持。」

[1004b16] 佛言：「佛子！若自殺、教人殺、方便讚歎殺、見作隨喜乃至呪殺。殺因、殺緣、殺法、殺業，乃至一切有命者不得故殺。是菩薩應起常住慈悲心、孝順心，方便救護一切眾生，而自恣心快意殺生者，是菩薩波羅夷罪。」

[1004b21] 「若佛子！自盜、教人盜、方便盜，盜因、盜緣、盜法、盜業，呪盜乃至鬼神有主、劫賊物，一切財物，一針一草不得故盜。而菩薩應生佛性孝順慈悲心，常助一切人生福生樂，而反更盜人財物者，是菩薩波羅夷罪。」

[1004b26] 「若佛子！自姪、教人姪，乃至一切女人不得故姪。姪因、姪緣、姪法、姪業，乃至畜生女、諸天鬼神女，及非道行姪。而菩薩應生孝順心，救度一切眾生，淨法與人，而反更起一切人姪，不擇畜生，乃至母女姊妹六親行姪，無慈悲心者，是菩薩波羅夷罪。」

[1004c03] 「若佛子！自妄語、教人妄語、方便妄語，妄語因、妄語緣、妄語法、妄語業，乃至不見言見、見言不見，身心妄語。而菩薩常生正語正見，亦生一切眾生正語正見，而反更起一切眾生邪語、邪見、邪業者，是菩薩波羅夷罪。」

[1004c08] 「若佛子！自酤酒、教人酤酒，酤酒因、酤酒緣、酤酒法、酤酒業，一切酒不得酤，是酒起罪因緣。而菩薩應生一切眾生明達之慧，而反更生一切眾生顛倒之心者，是菩薩波羅夷罪。」

[1004c13] 「若佛子！自說出家在家菩薩比丘、比丘尼罪過，教人說罪過，罪過因、罪過緣、罪過法、罪過業。而菩薩聞外道惡人及二乘惡人說佛法中非法非律，常生悲心教化是惡人輩，令生大乘善信，而菩薩反更自說佛法中罪過者，是菩薩波羅夷罪。」

[1004c19] 「若佛子！自讚毀他亦教人自讚毀他，毀他因、毀他緣、毀他法、毀他業。而菩薩應代一切眾生受加毀辱，惡事自向己、好事與他人，若自揚己德、隱他人好事，令他人受毀者，是菩薩波羅夷罪。

[1004c24] 「若佛子！自慳、教人慳，慳因、慳緣、慳法、慳業。而菩薩見一切貧窮人來乞者，隨前人所須一切給與。而菩薩以惡心瞋心，乃至不施一錢一針一草，有求法者不為說一句一偈一微塵許法，而反更罵辱者，是菩薩波羅夷罪。

[1005a05] 「若佛子！自瞋、教人瞋，瞋因、瞋緣、瞋法、瞋業。而菩薩應生一切眾生中善根無諍之事，常生悲心。而反更於一切眾生中，乃至於非眾生中，以惡口罵辱加以手打，及以刀杖意猶不息，前人求悔善言懺謝，猶瞋不解者，是菩薩波羅夷罪。

[1005a11] 「若佛子！自謗三寶、教人謗三寶，謗因、謗緣、謗法、謗業。而菩薩見外道及以惡人一言謗佛音聲，如三百鉾刺心。況口自謗不生信心孝順心，而反更助惡人邪見人謗者，是菩薩波羅夷罪。

[1005a16] 「善學諸仁者！是菩薩十波羅提木叉，應當學。於中不應一一犯如微塵許，何況具足犯十戒。若有犯者，不得現身發菩提心，亦失國王位轉輪王位，亦失比丘、比丘尼位，亦失十發趣、十長養、十金剛、十地佛性常住妙果，一切皆失。墮三惡道中，二劫三劫不聞父母三寶名字。以是不應一一犯。汝等一切諸菩薩今學、當學、已學，如是十戒應當學敬心奉持。八萬威儀品當廣明。」

[1005a25] 佛告諸菩薩言：「已說十波羅提木叉竟，四十八輕今當說。」

[1005a27] 佛言：「若佛子！欲受國王位時、受轉輪王位時、百官受位時，應先受菩薩戒。一切鬼神救護王身、百官之身，諸佛歡喜。既得戒已，生孝順心、恭敬心，見上座、和上、阿闍梨、大同學、同見同行者，應起承迎禮拜問訊。而菩薩反生憍心、慢心、癡心，不起承迎禮拜，一一不如法供養，以自賣身國城男女七寶百物而供給之。若不爾者，犯輕垢罪。

[1005b06] 「若佛子！故飲酒而生酒過失無量。若自身手過酒器與人飲酒者，五百世無手，何況自飲。不得教一切人飲，及一切眾生飲酒，況自飲酒。若故自飲、教人飲者，犯輕垢罪。

[1005b10] 「若佛子！故食肉。一切肉不得食，斷大慈悲性種子，一切眾生見而捨去，是故一切菩薩不得食一切眾生肉，食肉得無量罪。若故食者，犯輕垢罪。

[1005b14] 「若佛子！不得食五辛：大蒜、革葱、慈葱、蘭葱、興葉。是五種，一切食中不得食。若故食者，犯輕垢罪。

[1005b17] 「若佛子！見一切眾生犯八戒、五戒、十戒，毀禁、七逆八難一切犯戒罪，應教懺悔。而菩薩不教懺悔，共住同僧利養，而共布薩同一眾住說戒，而不舉其罪教悔過者，犯輕垢罪。

[1005b22] 「若佛子！見大乘法師、大乘同學、同見同行，來入僧坊舍宅城邑。若百里千里來者，即起迎來送去、禮拜供養。日日三時供養，日食三兩金，百味飲食床座醫藥供事法師，一切所須盡給與之。常請法師三時說法，日日三時禮拜，不生瞋心、患惱之心，為法滅身請法不懈。若不爾者，犯輕垢罪。

[1005b29] 「若佛子！一切處有講毘尼經律，大宅舍中講法處，是新學菩薩應持經律卷至法師所聽受諮問。若山林樹下、僧地房中，一切說法處悉至聽受。若不至彼聽受者，犯輕垢罪。

[1005c05] 「若佛子！心背大乘，常住經律言非佛說，而受持二乘聲聞、外道惡見、一切禁戒邪見經律者，犯輕垢罪。

[1005c08] 「若佛子！見一切疾病人，常應供養如佛無異，八福田中看病福田第一福田。若父母師僧弟子疾病，諸根不具、百種病苦惱，皆養令差。而菩薩以惡心瞋恨，不至僧房中，城邑曠野山林道路中，見病不救者，犯輕垢罪。

[1005c14] 「若佛子！不得畜一切刀杖弓箭鉞斧鬪戰之具，及惡網羅殺生之器，一切不得畜。而菩薩乃至殺父母尚不加報，況餘一切眾生。若故畜一切刀杖者，犯輕垢罪。如是十戒，應當學敬心奉持。下六品中當廣明。」

[1005c20] 佛言：「佛子！不得為利養惡心故，通國使命軍陣合會，興師相伐殺無量眾生。而菩薩不得入軍中往來，況故作國賊。若故作者，犯輕垢罪。

[1005c24] 「若佛子！故販賣良人奴婢六畜，市易棺材板木盛死之具，尚不自作況教人作。若故作者，犯輕垢罪。

[1006a02] 「若佛子！以惡心故，無事謗他良人善人法師師僧國王貴人，言犯七逆十重。於父母兄弟六親中應生孝順心慈悲心，而反更加於逆害墮不如意處者，犯輕垢罪。

[1006a06] 「若佛子！以惡心故放大火燒山林曠野。四月乃至九月，放火若燒他人家屋宅城邑僧房田木及鬼神官物，一切有主物不得故燒。若故燒者，犯輕垢罪。

[1006a10] 「若佛子！自佛弟子及外道人、六親、一切善知識，

應一一教受持大乘經律，應教解義理，使發菩提心、十發心、十長養心、十金剛心。三十心中，一一解其次第法用。而菩薩以惡心瞋心，橫教他二乘聲聞經律、外道邪見論等，犯輕垢罪。

[1006a16] 「若佛子！應好心先學大乘威儀經律，廣開解義味。見後新學菩薩有從百里千里來求大乘經律，應如法為說一切苦行，若燒身燒臂燒指。若不燒身臂指供養諸佛，非出家菩薩。乃至餓虎狼師子一切餓鬼，悉應捨身肉手足而供養之，後一一次第為說正法，使心開意解。而菩薩為利養故應答不答、倒說經律文字無前無後、謗三寶說者，犯輕垢罪。

[1006a25] 「若佛子！自為飲食錢物利養名譽故，親近國王王子大臣百官，恃作形勢，乞索打拍牽挽，橫取錢物一切求利，名為惡求。多求、教他人求，都無慈心無孝順心者，犯輕垢罪。

[1006b01] 「若佛子！學誦戒者，日夜六時持菩薩戒，解其義理佛性之性。而菩薩不解一句一偈戒律因緣，詐言能解者，即為自欺誑亦欺誑他人。一一不解一切法，而為他人作師授戒者，犯輕垢罪。

[1006b06] 「若佛子！以惡心故，見持戒比丘手捉香爐行菩薩行，而鬪搆兩頭謗欺賢人無惡不造。若故作者，犯輕垢罪。

[1006b09] 「若佛子！以慈心故行放生業，一切男子是我父、一切女人是我母，我生生無不從之受生，故六道眾生皆是我父母。而殺而食者，即殺我父母，亦殺我故身。一切地水是我先身，一切火風是我本體，故常行放生。生生受生常住之法，教人放生。若見世人殺畜生時，應方便救護解其苦難，常教化講說菩薩戒救度眾生。若父母兄弟死亡之日，應請法師講菩薩戒經福資亡者，得見諸佛生人天上。若不爾者，犯輕垢罪。如是十戒，應當學敬心奉持，如滅罪品中廣明一一戒相。」

[1006b21] 佛言：「佛子！不得以瞋報瞋、以打報打。若殺父母兄弟六親，不得加報。若國主為他人殺者，亦不得加報。殺生報生不順孝道。尚不畜奴婢打拍罵辱，日日起三業口罪無量，況故作七逆之罪。而出家菩薩無慈報讎，乃至六親中故報者，犯輕垢罪。

[1006b27] 「若佛子！初始出家未有所解，而自恃聰明有智、或恃高貴年宿、或恃大姓高門大解大福饒財七寶，以此驕慢而不諮受先學法師經律。其法師者，或小姓年少、卑門貧窮、諸根不具，而實有德一切經律盡解。而新學菩薩不得觀法師種姓，而不來諮受法師第一義諦者，犯輕垢罪。

[1006c05] 「若佛子！佛滅度後，欲心好心受菩薩戒時，於佛

菩薩形像前自誓受戒，當七日佛前懺悔，得見好相便得戒。若不得好相，應二七三七乃至一年，要得好相。得好相已，便得佛菩薩形像前受戒。若不得好相，雖佛像前受戒，不得戒。若現前先受菩薩戒，法師前受戒時，不須要見好相。何以故？以是法師師師相授故，不須好相。是以法師前受戒即得戒，以生重心故便得戒。若千里內無能授戒師，得佛菩薩形像前受戒，而要見好相。若法師自倚解經律大乘學戒，與國王太子百官以為善友。而新學菩薩來問若經義律義，輕心惡心慢心，不一一好答問者，犯輕垢罪。

[1006c19] 「若佛子！有佛經律大乘法、正見正性正法身，而不能勤學修習而捨七寶，反學邪見二乘外道俗典、阿毘曇雜論書記，是斷佛性障道因緣，非行菩薩道。若故作者，犯輕垢罪。

[1006c24] 「若佛子！佛滅後，為說法主、為僧房主、教化主、坐禪主、行來主，應生慈心善和鬪訟，善守三寶物，莫無度用如自己有。而反亂眾鬪諍、恣心用三寶物者，犯輕垢罪。

[1007a03] 「若佛子！先在僧房中住，後見客菩薩比丘來入僧房舍宅城邑國王宅舍中，乃至夏坐安居處及大會中。先住僧應迎來送去，飲食供養房舍臥具，繩床事事給與。若無物，應賣自身及以男女供給，所須悉以與之。若有檀越來請眾僧，客僧有利養分，僧房主應次第差客僧受請。而先住僧獨受請不差客僧，僧房主得無量罪。畜生無異，非沙門、非釋種姓。若故作者，犯輕垢罪。

[1007a13] 「若佛子！一切不得受別請利養入己，而此利養屬十方僧。而別受請，即取十方僧物入己。八福田諸佛聖人，一一師僧父母病人物。自己用故，犯輕垢罪。

[1007a17] 「若佛子！有出家菩薩、在家菩薩及一切檀越，請僧福田求願之時，應入僧房間知事人。今欲次第請者，即得十方賢聖僧。而世人別請五百羅漢菩薩僧，不如僧次一凡夫僧。若別請僧者，是外道法。七佛無別請法，不順孝道。若故別請僧者，犯輕垢罪。

[1007a23] 「若佛子！以惡心故、為利養故，販賣男女色，自手作食、自磨自舂，占相男女，解夢吉凶，是男是女，呪術工巧調鷹方法，和合百種毒藥千種毒藥、蛇毒生金銀蠱毒，都無慈心。若故作者，犯輕垢罪。

[1007a28] 「若佛子！以惡心故，自身謗三寶，詐現親附，口便說空、行在有中，為白衣通致男女交會姪色縛著。於六齋日、年三長齋月，作殺生、劫盜、破齋犯戒者，犯輕垢罪。如是十戒，應當學，敬心奉持。制戒品中廣解。」

[1007b04] 佛言：「佛子！佛滅度後於惡世中，若見外道一切惡人劫賊賣佛菩薩父母形像、販賣經律、販賣比丘比丘尼，亦賣發心菩薩道人，或為官使、與一切人作奴婢者。而菩薩見是事已，應生慈心，方便救護，處處教化。取物贖佛菩薩形像，及比丘、比丘尼、發心菩薩、一切經律。若不贖者，犯輕垢罪。」

[1007b11] 「若佛子！不得畜刀仗弓箭、販賣輕秤小斗、因官形勢取人財物、害心繫縛破壞成功、長養猫狸猪狗。若故作者，犯輕垢罪。」

[1007b14] 「若佛子！以惡心故觀一切男女等鬪，軍陣兵將劫賊等鬪，亦不得聽吹貝鼓角琴瑟箏笛篪篥歌叫伎樂之聲，不得擣蒲圍碁波羅賽戲彈碁六博拍毬擲石投壺八道行城，爪鏡著草楊枝鉢盂觸髀而作卜筮，不得作盜賊使命，一一不得作。若故作者，犯輕垢罪。」

[1007b21] 「若佛子！護持禁戒，行住坐臥日夜六時讀誦是戒。猶如金剛，如帶持浮囊欲度大海，如草繫比丘。常生大乘善信，自知我是未成之佛，諸佛是已成之佛。發菩提心，念念不去心。若起一念二乘外道心者，犯輕垢罪。」

[1007b27] 「若佛子！常應發一切願，孝順父母師僧三寶。願得好師同學善友知識，常教我大乘經律、十發趣、十長養、十金剛、十地，使我開解，如法修行堅持佛戒。寧捨身命，念念不去心。若一切菩薩不發是願者，犯輕垢罪。」

[1007c03] 「若佛子！發十大願已，持佛禁戒。作是願言：『寧以此身投熾然猛火大坑刀山，終不毀犯三世諸佛經律，與一切女人作不淨行。』」

[1007c07] 「復作是願：『寧以熱鐵羅網千重周匝纏身，終不以破戒之身，受於信心檀越一切衣服。』」

[1007c10] 「復作是願：『寧以此口吞熱鐵丸及大流猛火經百千劫，終不以破戒之口，食信心檀越百味飲食。』」

[1007c13] 「復作是願：『寧以此身臥大猛火羅網熱鐵地上，終不以破戒之身，受信心檀越百種床座。』」

[1007c16] 「復作是願：『寧以此身受三百鉞刺經一劫二劫，終不以破戒之身，受信心檀越百味醫藥。』」

[1007c19] 「復作是願：『寧以此身投熱鐵鑊經百千劫，終不以破戒之身，受信心檀越千種房舍屋宅園林田地。』」

[1007c22] 「復作是願：『寧以鐵鎚打碎此身從頭至足令如微塵，終不以破戒之身，受信心檀越恭敬禮拜。』」

[1007c25] 「復作是願：『寧以百千熱鐵刀鋒挑其兩目，終不以破戒之心視他好色。』」

[1008a02] 「復作是願：『寧以百千鐵錐遍劓刺耳根經一劫二劫，終不以破戒之心聽好音聲。』」

[1008a05] 「復作是願：『寧以百千刀割去其鼻，終不以破戒之心貪嗅諸香。』」

[1008a07] 「復作是願：『寧以百千刀割斷其舌，終不以破戒之心食人百味淨食。』」

[1008a09] 「復作是願：『寧以利斧斬斫其身，終不以破戒之心貪著好觸。』」

[1008a11] 「復作是願：『願一切眾生悉得成佛。』而菩薩若不發是願者，犯輕垢罪。」

[1008a13] 「若佛子！常應二時頭陀，冬夏坐禪、結夏安居。常用楊枝澡豆、三衣瓶鉢坐具錫杖、香爐灑水囊、手巾刀子、火燧鑷子、繩床、經律、佛像菩薩形像。而菩薩行頭陀時及遊方時，行來百里千里，此十八種物常隨其身。頭陀者從正月十五日至三月十五日，八月十五日至十月十五日。是二時中，此十八種物常隨其身如鳥二翼。若布薩日，新學菩薩半月半月布薩誦十重四十八輕戒。時於諸佛菩薩形像前，一人布薩即一人誦。若二人三人乃至百千人，亦一人誦。誦者高座，聽者下坐。各各披九條、七條、五條袈裟。結夏安居一一如法。若頭陀時，莫入難處，若國難惡王、土地高下草木深邃、師子虎狼水火風難、及以劫賊道路毒蛇，一切難處悉不得入。若頭陀行道乃至夏坐安居，是諸難處悉不得入。若故入者，犯輕垢罪。」

[1008b01] 「若佛子！應如法次第坐。先受戒者在前坐，後受戒者在後坐，不問老少、比丘比丘尼、貴人、國王王子乃至黃門奴婢，皆應先受戒者在前坐，後受戒者次第而坐。莫如外道癡人，若老若少無前無後，坐無次第兵奴之法。我佛法中先者先坐、後者後坐。而菩薩不次第坐者，犯輕垢罪。」

[1008b08] 「若佛子！常應教化一切眾生。建立僧房山林園田立作佛塔，冬夏安居坐禪處所，一切行道處皆應立之。而菩薩應為一切眾生講說大乘經律，若疾病國難賊難、父母兄弟和上阿闍梨亡滅之日，及三七日乃至七七日，亦應讀誦講說大乘經律，齋會求福行來治生。大火所燒、大水所漂、黑風所吹船舫、江河大海羅剎之難，亦應讀誦講說此經律。乃至一切罪報三報七逆八難，杻械枷鎖繫縛其身，多婬多瞋多愚癡多疾病，皆應讀誦講說此經

律。而新學菩薩若不爾者，犯輕垢罪。如是九戒，應當學，敬心奉持。梵壇品當說。」

[1008b21] 佛言：「佛子！與人受戒時，不得蘭擇。一切國王王子大臣百官、比丘比丘尼、信男信女媼男媼女、十八梵天、六欲天子、無根二根、黃門奴婢、一切鬼神盡得受戒。應教身所著袈裟，皆使壞色與道相應，皆染使青黃赤黑紫色一切染衣，乃至臥具盡以壞色，身所著衣一切染色。若一切國土中國人所著衣服，比丘皆應與其俗服有異。若欲受戒時，師應問言：『汝現身不作七逆罪耶？』菩薩法師不得與七逆人現身受戒。七逆者，出佛身血、殺父、殺母、殺和上、殺阿闍梨、破羯磨轉法輪僧、殺聖人。若具七遮，即現身不得戒，餘一切人盡得受戒。出家人法，不向國王禮拜、不向父母禮拜，六親不敬、鬼神不禮，但解師語。有百里千里來求法者，而菩薩法師以惡心而不即與授一切眾生戒者，犯輕垢罪。」

[1008c09] 「若佛子！教化人起信心時，菩薩與他人作教誡法師者，見欲受戒人，應教請二師：和上、阿闍梨。二師應問言：『汝有七遮罪不？』若現身有七遮，師不應與受戒，無七遮者得受。若有犯十戒者，應教懺悔。在佛菩薩形像前，日夜六時誦十重四十八輕戒。若到禮三世千佛得見好相，若一七日二三日乃至一年，要見好相。好相者，佛來摩頂，見光見華種種異相，便得滅罪。若無好相，雖懺無益。是人現身亦不得戒，而得增受戒。若犯四十八輕戒者，對首懺罪滅，不同七遮。而教誡師於是法中一一好解。若不解大乘經律若輕若重是非之相，不解第一義諦習種性、長養性、不可壞性、道種性、正性，其中多少觀行出入十禪支一切行法，一一不得此法中意。而菩薩為利養故、為名聞故，惡求多求貪利弟子，而詐現解一切經律，為供養故，是自欺詐亦欺詐他人。故與人受戒者，犯輕垢罪。」

[1009a06] 「若佛子！不得為利養故，於未受菩薩戒者前、若外道惡人前說此千佛大戒。邪見人前亦不得說，除國王餘一切不得說。是惡人輩不受佛戒，名為畜生。生生不見三寶，如木石無心，名為外道邪見人輩，木頭無異。而菩薩於是惡人前說七佛教戒者，犯輕垢罪。」

[1009a13] 「若佛子！信心出家受佛正戒，故起心毀犯聖戒者，不得受一切檀越供養，亦不得國王地上行，不得飲國王水，五千大鬼常遮其前。鬼言：『大賊。』若入房舍城邑宅中，鬼復常掃其腳跡。一切世人罵言：『佛法中賊。』一切眾生眼不欲見。犯戒之人，畜生無異、木頭無異。若毀正戒者，犯輕垢罪。」

[1009a20] 「若佛子！常應一心受持讀誦大乘經律。剝皮為紙、

刺血為墨、以髓為水、析骨為筆書寫佛戒。木皮穀紙絹素竹帛亦應悉書持。常以七寶無價香花一切雜寶，為箱囊盛經律卷。若不如法供養者，犯輕垢罪。

[1009a25] 「若佛子！常起大悲心。若入一切城邑舍宅，見一切眾生，應當唱言：『汝等眾生盡應受三歸十戒。』若見牛馬豬羊一切畜生，應心念口言：『汝是畜生，發菩提心。』而菩薩入一切處山林川野，皆使一切眾生發菩提心。是菩薩若不教化眾生者，犯輕垢罪。

[1009b02] 「若佛子！常行教化起大悲心。入檀越貴人家，一切眾中不得立為白衣說法，應白衣眾前高座上坐。法師比丘不得地立為四眾說法。若說法時，法師高座香花供養，四眾聽者下坐。如孝順父母敬順師教，如事火婆羅門。其說法者若不如法，犯輕垢罪。

[1009b09] 「若佛子，皆已信心受佛戒者。若國王、太子、百官、四部弟子，自恃高貴，破滅佛法戒律。明作制法，制我四部弟子，不聽出家行道，亦復不聽造立形像、佛塔、經律。立統官制眾，使安籍記僧。菩薩比丘地立，白衣高座。廣行非法，如兵奴事主。而菩薩正應受一切人供養，而反為官走使，非法非律。若國王、百官好心受佛戒者，莫作是破三寶之罪。若故作破法者，犯輕垢罪。」

[1009b14] 「若佛子！以好心出家，而為名聞利養，於國王百官前說七佛戒，橫與比丘比丘尼菩薩弟子作繫縛事，如師子身中蟲自食師子肉，非外道天魔能破。若受佛戒者，應護佛戒如念一子、如事父母。而菩薩聞外道惡人以惡言謗佛戒時，如三百鉞刺心，千刀萬杖打拍其身等無有異。寧自入地獄經百劫，而不用一聞惡言破佛戒之聲，而況自破佛戒。教人破法因緣，亦無孝順之心。若故作者，犯輕垢罪。如是九戒，應當學，敬心奉持。」

[1009b25] 「諸佛子！是四十八輕戒！汝等受持。過去諸菩薩已誦、未來諸菩薩當誦、現在諸菩薩今誦。諸佛子諦聽！此十重、四十八輕戒，三世諸佛已誦、當誦、今誦，我今亦如是誦。汝等一切大眾，若國王王子百官、比丘比丘尼、信男信女，受持菩薩戒者，應受持讀誦解說書寫佛性常住戒卷，流通三世一切眾生化化不絕。得見千佛佛佛授手，世世不墮惡道八難，常生人道天中。我今在此樹下，略開七佛法戒。汝等當一心學波羅提木叉，歡喜奉行。如無相天王品勸學中一一廣明。」三千學士時坐聽者，聞佛自誦，心心頂戴喜躍受持。

[1009c09] 爾時釋迦牟尼佛，說上蓮花臺藏世界盧舍那佛心地

法門品中十無盡戒法品竟。千百億釋迦亦如是說，從摩醯首羅天王宮至此道樹十住處說法品，為一切菩薩、不可說大眾受持讀誦解說其義亦如是。千百億世界蓮花藏世界、微塵世界，一切佛心藏、地藏、戒藏、無量行願藏、因果佛性常住藏，如如一切佛說無量一切法藏竟。千百億世界中，一切眾生受持，歡喜奉行，若廣開心地相相。如佛花光王品中說。

明人忍慧強，能持如是法，

未成佛道間，	安獲五種利：
一者十方佛，	愍念常守護；
二者命終時，	正見心歡喜；
三者生生處，	為諸菩薩友；
四者功德聚，	戒度悉成就；
五者今後世，	性戒福慧滿。
此是佛行處，	智者善思量，
計我著相者，	不能信是法。
滅盡取證者，	亦非下種處，
欲長菩提苗，	光明照世間，
應當靜觀察，	諸法真實相。
不生亦不滅，	不常復不斷，
不一亦不異，	不來亦不去，
如是一心中，	方便勤莊嚴。
菩薩所應作，	應當次第學，
於學於無學，	勿生分別想，
是名第一道，	亦名摩訶衍。
一切戲論處，	悉由是處滅，
諸佛薩婆若，	悉由是處出，
是故諸佛子，	宜發大勇猛，
於諸佛淨戒，	護持如明珠。
過去諸菩薩，	已於是中學，
未來者當學，	現在者今學，
此是佛行處，	聖主所稱歎。
我已隨順說，	福德無量聚，
迴以施眾生，	共向一切智，
願聞是法者，	疾得成佛道。

VÀI NÉT VỀ THẦY NHẬT TỪ

Thượng tọa Thích Nhật Từ, sinh năm 1969, giác ngộ chân lý Phật vào năm 1984, thọ giới Tỳ-kheo năm 1988, tốt nghiệp tiến sĩ Triết học tại Đại học Allahabad, Ấn Độ, 2001. Thầy Nhật Từ là nhà cải cách Phật giáo hiện đại, nhà hoằng pháp, người chủ trương nhập thế, nhà diễn thuyết, nhà thơ, người sáng tác nhạc, sáng lập Đạo Phật Ngày Nay từ năm 2000, chủ trương nhập thế, phụng sự nhân sinh qua giáo dục, hoằng pháp, văn hóa và từ thiện.

Thầy Nhật Từ là tác giả của hơn 80 đầu sách Phật học, là Tổng biên tập Tam tạng thánh điển Phật giáo Việt Nam (gần 100 tập), chủ biên Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay (hơn 250 quyển), chủ biên sách nói Phật giáo, sáng tác hơn 300 nhạc khúc Phật giáo. Thầy Nhật Từ giảng pháp cho cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ, Canada, châu Úc, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan với hơn 5.000 video pháp thoại về nhiều chủ đề.

Thầy Nhật Từ có công kết nối Phật giáo Việt Nam với Phật giáo trên thế giới qua các Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo thế giới, Hội thảo Phật đản LHQ và các Hội thảo Phật giáo quốc tế tại Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Nhật Bản... Thầy Nhật Từ là người vận động đưa Vesak LHQ về Việt Nam, làm Phó Tổng thư ký Đại lễ Vesak LHQ năm 2006, 2007, 2014, 2019 và thư ký Đại lễ Vesak LHQ năm 2008. Thầy là thành viên sáng lập Liên minh Phật giáo thế giới, Ấn Độ.

Nhờ những đóng góp to lớn về giáo dục, thầy Nhật Từ nhận được 5 bằng tiến sĩ danh dự của Mahamakut University năm 2010, Mahachulalongkornraja-vidyalaya University năm 2016, Apollos

University năm 2016, Swami Vivekanand Subharti University năm 2019, Preah Sihanoukrajia University năm 2019.

Thầy Nhật Từ nhận bằng khen của Thủ tướng Việt Nam năm 2008, năm 2019 và nhận nhiều giải thưởng, danh hiệu cao quý khác: Giải thưởng “Lãnh đạo xuất sắc Phật giáo thế giới” của Tăng vương Thái Lan năm 2015; Danh hiệu “Người thấp đước Diệu pháp” của Chính phủ Miến Điện năm 2015; Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc Phật giáo thế giới của World Alliance of Buddhist Leaders năm 2017; Giải thưởng Nhà giáo toàn cầu của Trường Đại học Swami Viveknand Subharti năm 2018, Giải thưởng về giáo dục và nghiên cứu quốc tế của Hiệp hội nghiên cứu tôn giáo và văn hóa Nam Á và Đông Nam Á năm 2019, Giải thưởng giáo dục quốc tế của Hiệp hội Phật giáo truyền thống Nepal năm 2019, Giải thưởng Hiền sĩ về diệu pháp và triết học của Tăng thống của Học viện Parama Dhamma Chetiya Pirivena Ratmalana, Tích Lan năm 2019, Giải thưởng Tháp vàng của Văn phòng quốc gia về Phật giáo Thái Lan năm 2019, Giải thưởng Nhà giáo dục xuất sắc của International Buddhist College, Thái Lan năm 2019, Giải thưởng đước vàng Hòa bình Atisha Dipankar của Tăng thống Bangladesh năm 2019 và giải thưởng tuyên dương Vesak của Bộ Văn hóa, Dân tộc thiểu số, Tuổi trẻ và Thể thao của Chính phủ Ấn Độ năm 2021.

Thầy Nhật Từ hiện là ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó viện trưởng thường trực Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phó Ban Phật giáo quốc tế, Phó Ban Giáo dục Phật giáo trung ương, Phó Ban Hoằng pháp trung ương, Phó Ban Từ thiện trung ương và Trụ trì chùa Giác Ngộ (Q10, BRVT, Vĩnh Long), chùa Quan Âm Đông Hải (Sóc Trăng), chùa Tượng Sơn (Hà Tĩnh)...